

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**



**CẨM NANG VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
DÀNH CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU  
SANG LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ LIÊN HIỆP  
VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LÊN**

Hà Nội - Năm 2022

# MỤC LỤC

<b>Lời nói đầu</b> .....	<b>4</b>
<b>Các từ và ký hiệu viết tắt</b> .....	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CỦA EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH VỀ PVTM</b> .....	<b>7</b>
<b>1. Khái niệm về biện pháp phòng vệ thương mại</b> .....	<b>8</b>
<b>2. Quy định về phòng vệ thương mại trong 02 Hiệp định</b> .....	<b>9</b>
<b>3. Pháp luật về PVTM của EU và Vương quốc Anh</b> .....	<b>11</b>
3.1. Pháp luật về PVTM của EU .....	11
3.2. Pháp luật PVTM của Vương quốc Anh .....	14
<b>4. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của EU và Vương quốc Anh</b> .....	<b>17</b>
4.1. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của EU .....	17
4.2. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của Vương quốc Anh .....	20
<b>5. Cơ quan phòng vệ thương mại của EU và Vương quốc Anh</b> .....	<b>22</b>
5.1. Cơ quan phòng vệ thương mại của EU .....	22
5.2. Cơ quan phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh .....	25
<b>CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP ỨNG PHÓ VỚI VỤ VIỆC PVTM KHI XUẤT KHẨU SANG EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH</b> .....	<b>29</b>
<b>1. Các cơ quan, tổ chức tham gia ứng phó vụ việc PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam</b> .....	<b>30</b>
<b>2. Ứng phó với các vụ việc từ EU</b> .....	<b>32</b>
2.1. Hướng dẫn ứng phó biện pháp chống bán phá giá khi xuất khẩu sang EU .....	32
2.2. Hướng dẫn ứng phó biện pháp chống trợ cấp khi xuất khẩu sang EU .....	47
2.3. Hướng dẫn ứng phó biện pháp tự vệ khi xuất khẩu sang EU .....	53
<b>3. Ứng phó với các vụ việc từ Vương quốc Anh</b> .....	<b>58</b>
3.1. Khởi xướng điều tra .....	58
3.2. Phạm vi điều tra .....	60

3.3. Đăng ký các bên liên quan và bên hợp tác .....	60
3.4. Giai đoạn điều tra .....	62
3.5. Bản câu hỏi .....	63
3.6. Chọn mẫu điều tra .....	64
3.7. Thẩm tra số liệu .....	66
3.8. Sử dụng thông tin và dữ kiện có sẵn .....	67
3.9. Xử lý thông tin bí mật .....	68
3.10. Tham vấn .....	71
3.11. Kết luận, kết thúc điều tra và thời hạn .....	71
3.12. Khiếu nại .....	74
<b>4. Hướng dẫn ứng phó biện pháp tự vệ song phương (tự vệ theo 02 Hiệp định) .....</b>	<b>75</b>
<b>5. Một số lưu ý cho doanh nghiệp xuất khẩu .....</b>	<b>78</b>
5.1. Thường xuyên theo dõi và đánh giá các khuyến cáo cảnh báo sớm đối với hàng hóa có nguy cơ bị điều tra PVTM .....	78
5.2. Đánh giá quy mô và lợi ích thị trường để đưa ra phương án ứng phó phù hợp .....	79
5.3. Lưu ý quy định của EU về thị trường lệch lạc đáng kể (distortion) .....	79
5.4. Hợp tác, liên kết các bên trong quá trình ứng phó vụ việc điều tra PVTM .....	80
<b>CÁC PHỤ LỤC.....</b>	<b>82</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

*Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) được hai bên ký kết ngày 30/6/2019, được Quốc hội Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 102/2020/QH14 về việc phê chuẩn Hiệp định EVFTA ngày 8/6/2020. Với việc Việt Nam và EU hoàn tất các thủ tục pháp lý trong nước, Hiệp định EVFTA đã chính thức có hiệu lực vào ngày 01/8/2020.*

*Hiệp định Thương mại Tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) được hai bên ký kết 29/12/2020. Để tối đa hóa thuận lợi cho hoạt động thương mại giữa hai bên, Hiệp định đã có hiệu lực tạm thời từ 6h sáng ngày 01/01/2021 theo giờ Việt Nam (tức 23h tối ngày 31/12/2020 theo giờ Vương quốc Anh) và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/05/2021. Hiệp định được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) với những điều chỉnh cần thiết để bảo đảm phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh.*

*Được đánh giá là toàn diện, chất lượng cao và cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU/Vương quốc Anh, việc 02 Hiệp định được phê chuẩn và có hiệu lực là sự khẳng định về chủ trương tăng cường và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác giữa các bên, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư. 02 Hiệp định cũng là cơ sở vững chắc để phát huy tiềm năng phát triển về thương mại, đầu tư và hợp tác giữa Việt Nam và EU/Vương quốc Anh trong thời gian tới.*

*Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn thế giới tác động không nhỏ tới Việt Nam và EU/Vương quốc Anh, thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam sang EU/Vương quốc Anh và ngược lại đều tăng trưởng hơn so với trước khi hai Hiệp định chưa có hiệu lực. Hai Hiệp định mới được đưa vào thực thi được một thời gian ngắn nhưng có thể nói các*

doanh nghiệp của Việt Nam đã bước đầu tận dụng được những cơ hội mà hai Hiệp định đem lại.

Tuy nhiên, đi cùng với đó thì nhu cầu sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại (PVTM), số lượng các vụ việc PVTM của cả hai bên sẽ gia tăng, đòi hỏi các doanh nghiệp cần tìm hiểu, nắm vững các cam kết trong Hiệp định để chuẩn bị, khai thác các lợi ích mà các Hiệp định mang lại, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp. Bởi lẽ, cả EVFTA và UKVFTA đều có mức độ cắt giảm thuế quan sâu, kéo theo đó là áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cũng sẽ cao hơn và khi đó, nhu cầu sử dụng công cụ PVTM cũng sẽ tăng cao để bảo vệ ngành sản xuất mỗi nước. Vì vậy, doanh nghiệp Việt cần nắm rõ quy định về PVTM trong các Hiệp định nói chung, các quy định về PVTM của EU/Vương quốc Anh nói riêng, cũng như ý thức toàn diện, sâu sắc về các công cụ PVTM có trong tay. Hiện tại, Việt Nam đã có một hệ thống quy định pháp luật về PVTM phù hợp với quy định của WTO, thông lệ quốc tế để tiến hành khởi xướng điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM nhằm bảo vệ lợi ích của mình trong bối cảnh thực thi các Hiệp định.

Với mong muốn cung cấp nguồn thông tin tham khảo tin cậy về các cam kết trong EVFTA/UKVFTA, Bộ Công Thương đã biên soạn và xuất bản “CẨM NANG VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI DÀNH CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU SANG LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN”. Đây là cuốn cẩm nang được biên soạn bởi các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại. Với nguồn thông tin phong phú cùng các nội dung chuyên môn được khái quát hóa, Bộ Công Thương hi vọng cuốn cẩm nang này sẽ giúp các cơ quan quản lý, các Hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp hiểu rõ hơn, đầy đủ và chính xác hơn về các cam kết PVTM của EVFTA/UKVFTA, từ đó giảm thiểu nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM từ các nước đối tác, tận dụng được hiệu quả các cơ hội mà 02 Hiệp định này mang lại.

## CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<b>ADA</b>	Hiệp định Chống bán phá giá của WTO
<b>CBPG</b>	Chống bán phá giá
<b>CTC</b>	Chống trợ cấp
<b>DIT</b>	Bộ Thương mại quốc tế Vương quốc Anh
<b>EU</b>	Liên minh Châu Âu
<b>EVFTA</b>	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
<b>FDI</b>	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>PVTM</b>	Phòng vệ thương mại
<b>SCM</b>	Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO
<b>SG</b>	Hiệp định về Biện pháp tự vệ của WTO
<b>TCTBA</b>	Đạo luật thuế Thương mại xuyên biên giới 2018 của Vương
<b>TRA</b>	Cơ quan Phòng vệ Thương mại Vương quốc Anh
<b>TRQ</b>	Hạn ngạch thuế quan
<b>UK</b>	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len
<b>UKVFTA</b>	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp
<b>USD</b>	Đô-la Mỹ
<b>WTO</b>	Tổ chức Thương mại Thế giới

An illustration on a blue background with a grid pattern. It features a central globe with a red location pin and a '24h' clock icon. Surrounding the globe are various transportation icons: an airplane, a cargo ship, a truck with a '24h' logo, a train, a yellow shipping box, and a clipboard with a checklist. The text 'CHƯƠNG I' is written in bold, dark blue letters on the left side of the illustration.

## CHƯƠNG I

# QUY ĐỊNH CỦA EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CỦA EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

### 1. Khái niệm về biện pháp phòng vệ thương mại

**T**rong thương mại quốc tế, biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) được xác định là các công cụ chính sách được phép áp dụng nhằm hạn chế hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ ngành sản xuất trong nước, bao gồm:

- **Biện pháp chống bán phá giá:** biện pháp chống lại hiện tượng hàng hóa nước ngoài nhập khẩu bán phá giá gây thiệt hại đáng kể, đe dọa gây thiệt hại đáng kể, hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu.

- **Biện pháp chống trợ cấp:** biện pháp chống lại hiện tượng hàng hóa nước ngoài nhập khẩu được trợ cấp gây thiệt hại đáng kể, đe dọa gây thiệt hại đáng kể, hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu;

- **Biện pháp tự vệ:** biện pháp chống lại hiện tượng hàng hóa nhập khẩu tăng đột biến gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu.

Sự khác biệt giữa các biện pháp này được thể hiện ở bảng sau:

Tiêu chí	CBPG	Chống trợ cấp	Tự vệ
<b>Bản chất</b>	Ứng phó với hành vi không lành mạnh (doanh nghiệp bán phá giá)	Ứng phó với hành vi không lành mạnh (trợ cấp của Chính phủ)	Ứng phó với hiện tượng lượng nhập khẩu tăng đột biến
<b>Điều kiện áp dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng nhập khẩu bị bán phá giá</li> <li>- Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể</li> <li>- Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng nhập khẩu được trợ cấp</li> <li>- Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể</li> <li>- Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng nhập khẩu gia tăng đột biến</li> <li>- Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng</li> <li>- Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu gia tăng đột biến và thiệt hại</li> </ul>



Tiêu chí	CBPG	Chống trợ cấp	Tự vệ
<b>Biện pháp áp dụng</b>	- Áp thuế - Cam kết về giá của nhà xuất khẩu nước ngoài	- Áp thuế - Cam kết ngừng trợ cấp của Chính phủ nước xuất khẩu	- Áp thuế - Hạn ngạch - Hạn ngạch thuế quan
<b>Mức độ áp dụng</b>	Không vượt quá biên độ phá giá	Không vượt quá biên độ trợ cấp	Không quy định
<b>Thời gian áp dụng</b>	5 năm và được gia hạn nhiều lần	5 năm và được gia hạn nhiều lần	4 năm và được gia hạn (tối đa 10 năm đối với nước đang phát triển và 8 năm với nước phát triển)
<b>Nước bị áp dụng</b>	Nước bị điều tra	Nước bị điều tra	Toàn cầu

*Nguồn: Bộ Công Thương*

Các Hiệp định của WTO về chống bán phá giá (ADA), chống trợ cấp (SCM) và tự vệ (SG) quy định các nguyên tắc thống nhất bắt buộc đối với tất cả các nước thành viên khi xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại.

## **2. Quy định về phòng vệ thương mại trong 02 Hiệp định**

Hiệp định UKVFTA được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong Hiệp định EVFTA với những điều chỉnh cần thiết để bảo đảm phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương giữa 2 bên. Nội dung về PVTM trong 02

hiệp định là tương tự như nhau.

02 Hiệp định đưa ra các quy định về phòng vệ thương mại tại Chương 3 EVFTA bao gồm 3 Mục 14 Điều quy định các cam kết giữa Việt Nam và EU về các nguyên tắc và cách thức áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) đối với hàng hóa xuất khẩu của mỗi Bên. Riêng với biện pháp tự vệ thì Chương này có quy định riêng về biện pháp tự vệ song phương giữa Việt Nam và EU/Vương quốc Anh ngoài các biện pháp tự vệ toàn cầu theo WTO.

Chương về các biện pháp PVTM tại 2

Hiệp định bao gồm các điều khoản liên quan đến việc sử dụng các công cụ PVTM truyền thống trong WTO (bao gồm các biện pháp: chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ). Về cơ bản, nội dung PVTM dựa trên các quy định của WTO, đồng thời bổ sung các nguyên tắc mang tính tiên bộ, phù hợp với hệ thống pháp luật về PVTM của ta, giúp cho nền kinh tế, các ngành sản xuất trong nước có công cụ “phòng vệ” hợp pháp, tiên bộ, bảo đảm hiệu quả của việc tham gia Hiệp định. Các điểm mới về PVTM trong Hiệp định so với tiêu chuẩn của WTO là:

- Bổ sung các quy định giới hạn việc sử dụng các công cụ này để tránh lạm dụng và bảo đảm công bằng, **minh bạch**. Các quy định này tạo ra môi trường kinh doanh ổn định và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp xuất khẩu. Do đó, bên cạnh việc tuân thủ quy định trong WTO, trong quy trình khởi xướng, điều tra, áp dụng biện pháp CBPG/CTC, cơ quan có thẩm quyền phải bảo đảm:

+ Công khai thông tin: tất cả các thông tin, dữ liệu tham khảo cần thiết được sử dụng để đưa ra quyết định về biện pháp PVTM phải được công khai ngay sau khi áp dụng biện pháp tạm thời và trước khi ra kết luận cuối cùng. Việc công khai

phải bằng văn bản và phải cho các bên liên quan một thời gian hợp lý để bình luận.

+ Cơ hội bình luận: Các bên liên quan có cơ hội thể hiện quan điểm trong quá trình điều tra (với điều kiện không làm cản trở quá trình điều tra và dẫn đến bị quá hạn điều tra).

- Quy định nguyên tắc áp dụng **mức thuế thấp** hơn, tức là thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp chỉ ở mức đủ để loại bỏ thiệt hại (trong khi WTO không bắt buộc sử dụng quy tắc này). Điều này giúp hai bên hạn chế đưa ra những quyết định áp thuế với mức thuế quá cao không cần thiết.

- Một điểm đáng lưu ý là theo cam kết EVFTA, hai bên sẽ không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp nếu việc này không phù hợp với lợi ích công cộng (tức là bên cạnh việc xem xét tình hình của ngành sản xuất trong nước thì nước điều tra cũng cần xem xét tình hình, quan điểm của nhà nhập khẩu, hiệp hội ngành hàng, tổ chức đại diện người tiêu dùng và các doanh nghiệp hạ nguồn).

- **Biện pháp tự vệ toàn cầu**: EVFTA quy định các bên tiếp tục tuân thủ các quy định của WTO về biện pháp tự vệ

toàn cầu, đồng thời bổ sung thêm các cam kết sau:

+ Thông báo: bên khởi xướng điều tra/ chuẩn bị áp dụng biện pháp phải thông báo bằng văn bản tất cả các thông tin cơ bản và các căn cứ ra quyết định trong vụ việc theo yêu cầu của bên kia;

+ Cách thức: Phải tạo điều kiện để trao đổi song phương giữa hai bên về biện pháp tự vệ và chỉ được áp dụng chính thức biện pháp tự vệ sau 30 ngày kể từ khi trao đổi song phương thất bại.

- 2 Hiệp định cũng quy định về cơ chế **tự vệ song phương**, để bảo đảm việc cắt giảm thuế quan theo Hiệp định không gây ra các cú “sốc” đối với các ngành sản xuất trong nước, 2 Hiệp định quy định cơ chế tự vệ song phương trong thời gian chuyển đổi là 10 năm, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm được quyền lợi của các bên được sử dụng công cụ tự vệ chính đáng trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước nếu có thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại do việc cắt giảm thuế quan từ Hiệp định.

### **3. Pháp luật về PVTM của EU và Vương quốc Anh**

#### **3.1. Pháp luật về PVTM của EU**

##### **3.1.1. Tổng quan pháp luật PVTM của EU**

Là một trong những thành viên sáng lập của WTO, Liên minh châu Âu (EU) đã tham gia một cách tích cực vào quá trình đàm phán các Hiệp định WTO liên quan đến phòng vệ thương mại. Do vậy, về cơ bản các quy tắc của WTO được phản ánh đầy đủ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của EU về các nội dung trên. Luật Chống bán phá giá và Chống trợ cấp của EU được ban hành lần đầu tiên vào năm 1968, đến nay đã qua nhiều lần sửa đổi.

EU sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại dựa trên các quy tắc của WTO và có thể áp dụng thêm một số điều kiện bổ sung cho các quy tắc này để tái thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng cho ngành công nghiệp EU khi bị tổn hại từ hàng nhập khẩu bán phá giá hoặc trợ cấp.

Ủy ban châu Âu () chịu trách nhiệm điều tra các cáo buộc bán phá giá đối với các nhà sản xuất hàng xuất khẩu tại các nước ngoài EU. Cơ quan này thường mở một cuộc điều tra sau khi nhận được đơn khiếu nại từ các nhà sản xuất EU có liên quan, hoặc cũng có thẩm quyền tự khởi động các cuộc điều tra.

Bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân, hoặc bất kỳ hiệp hội nào không có tư cách pháp nhân, đại diện cho ngành công nghiệp Liên minh đều có thể yêu cầu Ủy ban châu Âu hoặc Tổng cục Thương mại bắt đầu một cuộc điều tra về phòng vệ thương mại (Quy định (EU) 2015/478). Một cuộc điều tra thường phải được hoàn thành trong 9 tháng, nhưng trong một số trường hợp nhất định, có thể được kéo dài đến 11 tháng. Quyết định về các biện pháp tạm thời được Ủy ban đưa ra sau khi tham khảo ý kiến với các quốc gia thành viên EU.

### 3.1.2. Pháp luật về CBPG và CTC

Theo quy định của EU, biện pháp CBPG và CTC được áp dụng như sau:

- Chống bán phá giá (Anti-dumping): Bán phá giá xảy ra khi các nhà sản xuất từ một quốc gia ngoài EU bán hàng hóa tại EU dưới mức giá bán tại thị trường nội địa của họ hoặc thấp hơn chi phí sản xuất. Ủy ban châu Âu thực hiện cuộc điều tra đối với trường hợp nghi vấn, nếu kết luận có hiện tượng bán phá giá đang diễn ra, EC có thể khắc phục mọi thiệt hại cho các công ty EU bằng cách áp dụng các biện pháp chống bán phá giá.

Thông thường EU sẽ áp thuế đối với hàng nhập khẩu của sản phẩm cụ thể từ

quốc gia bị điều tra. Thuế này có thể cố định, thay đổi hoặc theo tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị. Thuế chống bán phá giá có thể kéo dài trong 6 tháng (biện pháp tạm thời) hoặc dài hạn tới 5 năm.

- Chống trợ cấp (Anti-subsidy): Trợ cấp là khi một chính phủ hoặc một tổ chức công ngoài EU hỗ trợ tài chính cho các công ty để họ sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hóa, làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm nhập khẩu vào EU. Ủy ban châu Âu sẽ mở cuộc điều tra đối với các khoản trợ cấp này để làm rõ có tạo ra sự bất công và làm tổn thương các doanh nghiệp EU hay không. EC được phép chống lại mọi tác động bóp méo thương mại của các khoản trợ cấp này đối với thị trường EU.

EU có thể áp một số loại thuế để hạn chế các lợi ích từ việc được trợ cấp đối với các hàng hoá nhập khẩu khi khoản trợ cấp này ảnh hưởng đến một ngành hoặc một nhóm ngành công nghiệp cụ thể. Các biện pháp trả đũa dưới hình thức áp thuế đối với hàng nhập khẩu của các sản phẩm được trợ cấp (cố định, thay đổi hoặc theo tỷ lệ). Các biện pháp này có thể kéo dài trong 4 tháng (biện pháp tạm thời) hoặc dài hạn tới 5 năm (biện pháp chính thức).

Các quy định hiện hành, là cơ sở pháp

lý cho các cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp của EU, có hiệu lực lần lượt vào tháng 3/1996 và tháng 10/1997 và được hệ thống hóa vào năm 2016, bao gồm:

- Quy định số 2016/1036 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá từ các quốc gia không phải là thành viên của Liên minh châu Âu.

- Quy định số 2016/1036 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp từ các nước không phải là thành viên của Liên minh châu Âu.

Các quy định trên được xem như là Quy định cơ sở về chống bán phá giá và chống trợ cấp. Gần đây, các quy định này đã được sửa đổi bởi Quy định số 2017/2321 ngày 12/12/2017 và Quy định số 2018/825 ngày 30/5/2018.

### 3.1.3. Pháp luật về tự vệ

Về cơ bản, quy định về tự vệ của EU tuân thủ các quy định chung của WTO. Theo đó, biện pháp tự vệ được sử dụng trong trường hợp một ngành công nghiệp của EU bị ảnh hưởng bởi sự tăng mạnh,

không dự đoán trước và đột ngột của hàng nhập khẩu. Mục đích của biện pháp này là để cho phép ngành công nghiệp EU một khoảng thời gian tạm thời để thực hiện những điều chỉnh cần thiết.

Đây là biện pháp ngắn hạn để điều tiết nhập khẩu, giúp các doanh nghiệp của EU có thời gian thích ứng với sự tăng đột biến, không lường trước của hàng nhập khẩu và luôn đi kèm với yêu cầu bắt buộc tái cấu trúc ngành công nghiệp liên quan.

Các biện pháp tự vệ tạm thời có thể kéo dài tới 200 ngày và các biện pháp chính thức lên tới 4 năm. Nếu áp dụng vượt quá 3 năm, các biện pháp áp dụng phải được rà soát giữa kỳ và có thể được gia hạn cho đến tổng cộng 8 năm.

Trên cơ sở các nguyên tắc của WTO, các quy định hiện hành của EU về tự vệ bao gồm:

- Quy định 2015/478 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 11/3/2015 về các quy tắc chung đối với hàng nhập khẩu.

- Quy định 2015/755 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 29/4/2015 về các quy tắc chung đối với hàng nhập khẩu từ một số nước thứ ba.

- Quy định 2019/287 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 13/2/2019 về thực thi điều khoản tự vệ song phương và các cơ chế khác cho phép rút lại tạm thời các ưu đãi trong các hiệp định thương mại được ký kết giữa EU và các nước thứ ba.

Hai quy định đầu tiên được xem như Quy định cơ sở về tự vệ toàn cầu trong khi quy định thứ ba là cơ sở để EU thực thi các biện pháp tự vệ song phương.

### **3.2. Pháp luật PVTM của Vương quốc Anh**

Vào tháng 10 năm 2017, sau cuộc trưng cầu dân ý để rời khỏi EU, Chính phủ Anh đã xuất bản Sách trắng Thương mại, đề ra cách tiếp cận mới của mình trong việc thiết lập chính sách thương mại độc lập của Vương quốc Anh. Sách trắng đã nêu rõ rằng Vương quốc Anh sẽ đưa ra khuôn khổ các biện pháp phòng vệ thương mại của riêng mình để bảo vệ ngành công nghiệp trong nước chống lại các hành vi thương mại không công bằng và gây thiệt hại, hoặc sự gia tăng bất ngờ trong nhập khẩu, bằng cách cho phép áp dụng các biện pháp đối với nhập khẩu các sản phẩm cụ thể.

Sau khi chính thức rời khỏi EU, Vương quốc Anh đã ban hành các quy

định pháp luật mới sau đây để thiết lập chính sách phòng vệ thương mại trong nước của riêng mình:

- **Đạo luật Thương mại** – được thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021 - quy định vai trò của Cơ quan phòng vệ thương mại Vương quốc Anh (TRA) - được thành lập mới từ Cục Điều tra Biện pháp Thương mại (TRID). TRA là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện điều tra, tham vấn các bên liên quan và đưa ra kiến nghị với các bộ trưởng và chính phủ về các biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh;

- **Đạo luật thuế (Thương mại xuyên biên giới) 2018 (TCTBA 2018)** - dụng cụ nội luật hóa các quy định trong khuôn khổ WTO vào luật Anh. Phụ lục 4 và 5 của TCTBA đề cập đến các nguyên tắc về cách thức tiến hành điều tra các biện pháp phòng vệ thương mại và đưa ra các tiêu chí cho các biện pháp vi phạm có liên quan. Các luật thứ cấp được thực hiện theo Đạo luật thuế 2018 (quy định khung pháp lý chính với các điều khoản bổ sung về những yêu cầu khi bắt đầu một cuộc điều tra phòng vệ thương mại và phạm vi, quy trình cho những cuộc điều tra đó) bao gồm:

+ **Quy định về Biện pháp Phòng vệ thương mại** (Bán phá giá và Trợ cấp)

(Rời khỏi EU) năm 2019 (the D&S Regs);

+ **Quy định về Biện pháp Phòng vệ thương mại** (Gia tăng nhập khẩu gây thiệt hại nghiêm trọng cho các ngành sản xuất ở Vương quốc Anh) (Rời khỏi EU) năm 2019 (the Safeguarding Regs).

Tương tự như nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, có ba công cụ chính sách thương mại được đề cập trong luật của Vương quốc Anh để chống lại hàng nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa thiệt hại cho các ngành sản xuất trong nước, bao gồm:

- Biện pháp chống bán phá giá: xử lý vấn đề hàng hóa nhập khẩu đang được bán trong Vương quốc Anh với giá thấp hơn giá trị thông thường tại quốc gia mà chúng được xuất khẩu.
- Biện pháp chống trợ cấp: xử lý vấn đề hàng hóa nhập khẩu đang được chính phủ nước ngoài trợ cấp.
- Biện pháp tự vệ: bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước trước sự gia tăng không lường trước được của nhập khẩu.

Sau khi rời khỏi EU, Vương quốc

Anh vẫn là thành viên của WTO và về cơ bản, nội dung PVTM của Anh vẫn dựa trên các quy định của WTO. Tuy nhiên, pháp luật của Anh sẽ có một số khác biệt đáng chú ý với pháp luật về PVTM của khối EU, đồng thời bổ sung các nguyên tắc mang tính tiên bộ, phù hợp với hệ thống pháp luật nội địa Anh giúp cho nền kinh tế, các ngành sản xuất trong nước có công cụ “phòng vệ” hợp pháp, tiên bộ. Theo đó, các quy định về PVTM của Anh trong giai đoạn chuyển tiếp có một số điểm đáng lưu ý như sau.

Thứ nhất, cơ chế PVTM của Anh yêu cầu phải bảo đảm cả lợi ích công cộng cũng như lợi ích kinh tế<sup>1</sup>. Về lợi ích công cộng, cũng tương tự như cam kết khi còn là thành viên chính thức của EU, Anh sẽ không áp dụng biện pháp PVTM nếu việc này không phù hợp với lợi ích công cộng (tức là bên cạnh việc xem xét tình hình của ngành sản xuất trong nước thì nước điều tra cũng cần xem xét tình hình, quan điểm của nhà nhập khẩu, hiệp hội ngành hàng, tổ chức đại diện người tiêu dùng và các doanh nghiệp hạ nguồn). Còn về việc xem xét lợi ích kinh tế thì Anh đòi hỏi không chỉ đánh giá kinh tế đơn thuần, mà đây còn là một yếu tố phán xét chính trị, để khẳng định

<sup>1</sup> <https://committees.parliament.uk/publications/5168/documents/51061/default/>

rằng liệu Anh có thể đứng vững hay xây dựng được một cơ quan PVTM độc lập sau khi rời EU hay không. TRA cũng áp dụng (với một số trường hợp ngoại lệ) một "phép thử lợi ích kinh tế" để xác định xem việc áp dụng các biện pháp có vì lợi ích kinh tế của Vương quốc Anh hay không (nói chung, tác động dự kiến đối với Vương quốc Anh của việc áp dụng một biện pháp PVTM được so sánh với tác động của việc không áp dụng biện pháp hoặc đưa ra một biện pháp khác).

Khi làm như vậy, TRA tính đến một loạt các yếu tố, bao gồm: Thiệt hại gây ra cho ngành công nghiệp của Vương quốc Anh do bán phá giá hàng hoá hoặc nhập khẩu hàng hoá được trợ cấp và lợi ích cho ngành công nghiệp của Vương quốc Anh (chỉ đối với các cuộc điều tra bán phá giá và trợ cấp); Thiệt hại gây ra cho ngành công nghiệp của Vương quốc Anh do nhập khẩu hàng hoá với số lượng lớn hơn và lợi ích cho các nhà sản xuất đó (chỉ dành cho các cuộc điều tra về biện pháp tự vệ); Ý nghĩa kinh tế của các ngành bị ảnh hưởng và người tiêu dùng ở Anh; Có khả năng ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp và người tiêu

dùng ở Anh. Có thể tác động đến các khu vực địa lý cụ thể hoặc các nhóm lợi ích cụ thể ở Vương quốc Anh; Hậu quả có thể xảy ra đối với môi trường cạnh tranh và cấu trúc thị trường hàng hóa ở Anh<sup>2</sup>.

Thứ hai, Anh đã đưa những thay đổi trong hệ thống pháp luật nội địa thông qua Đạo luật Thuế (the UK Taxation Act) về thương mại xuyên biên giới (Cross-Border Trade) của Vương quốc Anh năm 2018<sup>3</sup>. Đạo luật này thay thế Bộ luật Hải quan của EU hiện tại và sửa đổi luật thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hiện hành của Vương quốc Anh liên quan đến việc Vương quốc Anh rút khỏi EU nhằm bảo đảm Vương quốc Anh duy trì một hệ thống kiểm soát hải quan hiệu quả vào cuối giai đoạn chuyển đổi, bao gồm cả việc đơn giản hóa các yêu cầu hải quan khi thích hợp.

Thứ ba, điểm đáng chú ý về chế độ PVTM của Anh đó chính là luật Vương quốc Anh yêu cầu áp dụng quy tắc thuế thấp hơn trong tất cả các cuộc điều tra và xem xét. Do đó, TRA cũng sẽ áp dụng "quy tắc thuế thấp hơn". Quy định nguyên tắc áp dụng mức thuế thấp hơn, tức là thuế chống bán phá giá hoặc

<sup>2</sup> <https://www.steptoeglobaltradeblog.com/2021/05/establishment-of-a-uk-trade-remedies-authority/>

<sup>3</sup> <https://www.cms-lawnow.com/ealerts/2021/06/uks-new-trade-remedies-authority-opens-for-business>



chống trợ cấp chỉ ở mức đủ để loại bỏ thiệt hại. Quy tắc này là tùy chọn theo quy định của WTO nhưng là bắt buộc theo luật của Vương quốc Anh.

#### **4. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của EU và Vương quốc Anh**

##### **4.1. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của EU**

Trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, thương mại giữa Việt Nam và EU vẫn có những cải thiện nhất định sau một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU năm 2021 đạt 45,8 tỷ USD, tăng 14,2% so với năm 2020. Mức tăng trưởng này nhờ vào sự hồi phục của nền kinh tế EU trong năm 2021 sau khi đã tiêm phủ vắc-xin phòng chống Covid-19 tương đối rộng trong cộng đồng cũng như thông qua việc giảm thuế quan giúp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam vào thị trường EU. Bên cạnh đó, một số ngành được miễn gần như toàn bộ thuế suất nhập khẩu vào thị trường EU có mức tăng trưởng mạnh như các mặt hàng sắt, thép và các sản phẩm từ nhựa, cao su. Mặt khác, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt

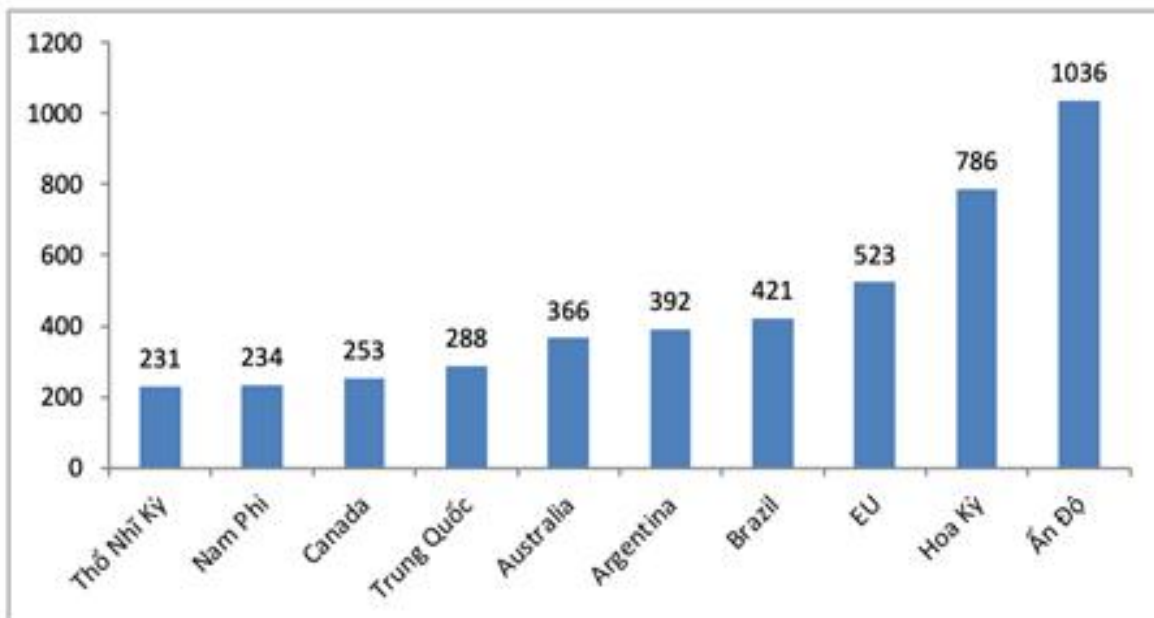
Nam từ thị trường các nước EU cũng tăng hơn 24% so với cùng kỳ, đạt 16,5 tỷ USD. Do tác động của dịch COVID-19, việc di chuyển qua lại giữa hai bên bị gián đoạn đã khiến cho hoạt động đầu tư bị tổn thất nặng. Giai đoạn 8/2020 – 8/2021, tổng số dự án cấp mới của các quốc gia thuộc EU vào Việt Nam chỉ đạt 151 dự án, giảm 21,35% so với cùng kỳ. Tính tổng vốn đăng ký FDI từ các nước EU chỉ nhỉnh hơn 1 tỷ USD và giảm hơn 38% so với cùng kỳ (Theo Báo cáo đánh giá một năm thực hiện EVFTA của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) với sự hỗ trợ của Viện Konrad-Adenauer Stiftung (KAS) tại Việt Nam công bố tháng 11 năm 2021).

Tuy nhiên, cùng với việc gia tăng hàng hóa xuất khẩu hàng hóa sang EU, cần lưu ý đến nguy cơ hàng hóa Việt Nam có thể bị điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. EU có hệ thống quy định pháp luật chặt chẽ về các nội dung này và rất có kinh nghiệm trong việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

Số liệu thống kê của WTO cho thấy EU là một trong ba thành viên WTO đứng đầu về số vụ điều tra chống bán

phá giá (sau Ấn Độ và Hoa Kỳ), đứng thứ hai về số vụ điều tra chống trợ cấp (sau Hoa Kỳ). Từ 1995 đến hết năm 2019, EU đã khởi xướng 521 vụ việc CBPG và 86 vụ việc chống trợ cấp. Tuy nhiên EU lại là thành viên ít khởi xướng các cuộc điều tra tự vệ (từ năm 1995 đến nay chỉ có 6 cuộc điều tra tự vệ trong khi nước khởi xướng nhiều nhất là Ấn độ với 46 vụ). Trong số đó, kết luận áp dụng các biện pháp PVTM lần lượt là 332 biện pháp CBPG, 42 biện pháp chống trợ cấp và 4 biện pháp tự vệ<sup>4</sup>. Tỷ lệ áp thuế/ điều tra trung bình là 63% CBPG, 48% CTC và 66% tự vệ.

**Biểu đồ 1: Các thành viên WTO khởi xướng điều tra chống bán phá giá nhiều nhất trong giai đoạn 1/1/1995 - 30/6/2020**



*Nguồn: Dữ liệu WTO*

Xét riêng trong giai đoạn từ 2015 đến 2020, EU đã tiến hành 81 cuộc điều tra mới liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp và điều tra tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu từ 22 quốc gia.

Các mặt hàng bị điều tra nhiều nhất là: sắt và thép: 37 cuộc điều tra; hóa chất và sản phẩm liên quan: 20 cuộc điều tra. (Biểu đồ 2)

<sup>4</sup> [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/tratop\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/tratop_e.htm)

**Biểu đồ 2: Các vụ điều tra phòng vệ thương mại của EU được khởi xướng theo mặt hàng trong giai đoạn 2015-2019**

Loại mặt hàng	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Hóa chất và sản phẩm liên quan	6	1	5	5	1	2
Dệt may và sản phẩm liên quan	-	-	-	-	-	-
Gỗ và giấy	-	1	-	-	1	1
Điện tử	-	-	-	-	-	2
Sắt và thép	6	13	-	4	8	6
Kim loại khác	-	-	2	-	-	4
Mặt hàng khác	2	-	4	1	7	-
Tổng	14	15	11	10	16	15

*Nguồn: Ủy ban châu Âu*

Các quốc gia bị điều tra nhiều nhất trong giai đoạn từ 2015 - 2020 bao gồm: Trung Quốc: 33 cuộc điều tra; Nga: 6 cuộc điều tra, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ: mỗi nước 5 cuộc điều tra, Ấn Độ, Indonesia: mỗi nước 4 cuộc điều tra, Braxin, Hàn Quốc: mỗi nước 3 cuộc điều tra.

Đối với Việt Nam, EU đã điều tra 14 vụ việc PVTM trong giai đoạn 1998 cho đến nay (trong đó có 6 vụ chống bán phá giá, 1 vụ chống trợ cấp, 1 vụ tự vệ, 6 vụ chống lẩn tránh biện pháp PVTM) với các mặt hàng như giày mũ da, mỹ chính, ống tuýp thép, ốc vít, xe đạp, bột lửa ga, xe nâng bằng tay, đèn huỳnh quang, vòng khuyên kim loại, oxude kẽm, sợi polyester, thép. Ngoại trừ biện pháp tự

vệ với thép, các biện pháp còn lại đều đã hết hiệu lực hoặc không áp thuế.

Các biện pháp PVTM của EU có hiệu quả rất lớn trong việc giảm thiểu các hoạt động thương mại quốc tế không công bằng đến nền sản xuất tại EU. Các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp do EC đưa ra trung bình làm giảm 80% lượng hàng nhập khẩu, khiến các nguồn cung nước ngoài khác không bị ảnh hưởng. Nhờ vậy, các nhà sản xuất EU có thể duy trì hoạt động của họ và người dùng các sản phẩm liên quan của EU tiếp tục được hưởng nguồn cung đa dạng. Bên cạnh đó, công cụ PVTM còn rất hữu ích trong bảo vệ việc làm đối với người lao động.

## 4.2. Thực tiễn điều tra áp dụng PVTM của Vương quốc Anh

Vương quốc Anh đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam tại châu Âu và là đối tác thứ 9 của Việt Nam ra thế giới, do đó khi UKVFTA có hiệu lực sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Đặc biệt, dư địa tăng trưởng thương mại của cả hai nước còn rất lớn bởi hiện nay kim ngạch xuất khẩu của mỗi nước đều mới chiếm dưới 1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của nước còn lại. Năm 2020, xuất khẩu của Việt Nam sang Anh đạt khoảng 5,04 tỷ USD, chiếm 0,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của Anh, trong khi đó xuất khẩu của Anh sang Việt Nam trị giá gần 700 triệu USD, chiếm gần 0,3% tổng nhập khẩu của Việt Nam.

Tham gia UKVFTA, các doanh nghiệp, chuỗi cung ứng và người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi từ chính sách giảm thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu vào Anh như quần áo, giày dép - vốn là mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam. Theo cam kết của UKVFTA, nhiều mặt hàng của Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu không hạn ngạch hoặc có hạn ngạch, ngay lập tức hay theo lộ trình, khi xuất khẩu sang

Anh như: cà phê, trái cây, túi xách, va ly, giày dép, hàng dệt may, thủy sản... Ở chiều ngược lại, rất nhiều hàng hóa của Anh cũng sẽ được miễn thuế nhập khẩu khi xuất vào Việt Nam.

UKVFTA đã trải qua 1 năm thực thi với nhiều kết quả tương đối tích cực. Trong 10 tháng năm 2021, thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đạt 5,5 tỷ USD và giá trị xuất nhập khẩu đều tăng 2 chữ số. Theo đó, giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh đạt 4,7 tỷ USD, tăng 15%, giá trị hàng hóa nhập khẩu từ Vương quốc Anh vào Việt Nam đạt 706 triệu USD, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Vương quốc Anh là điện thoại, dệt may, da giày, sắt thép, thủy sản, rau quả... Ngược lại, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là máy móc, dược phẩm, nguyên phụ liệu dệt may, sản phẩm hóa chất...

Mặc dù đạt kết quả tích cực song dư địa thị trường hợp tác giữa 2 nước còn lớn, giá trị hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào Vương quốc Anh mới chỉ chiếm 0,88% tổng giá trị nhập khẩu của thị trường Anh<sup>5</sup>.

<sup>5</sup> <https://congthuong.vn/tan-dung-hieu-qua-hiep-dinh-ukyfta-hieu-ro-hieu-dung-hieu-sau-167600.html>

Trong giai đoạn chuyển tiếp khi Anh rời khỏi EU, tất cả các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ mà Vương quốc Anh duy trì sẽ trải qua quá trình xem xét chuyển đổi trên toàn Vương quốc Anh do TRID dẫn đầu, sẽ đánh giá liệu biện pháp được duy trì có phù hợp với thị trường Vương quốc Anh hay không và liệu nó có nên được thay đổi hoặc chấm dứt hay không. Bộ trưởng Ngoại giao đã công bố tất cả các Thông báo về Quyết định đối với các biện pháp mà Vương quốc Anh đã duy trì. Trước ngày hết hạn của các biện pháp được duy trì, TRID sẽ ban hành Thông báo khởi xướng để chính thức bắt đầu xem xét chuyển tiếp biện pháp.

Về các biện pháp tự vệ, Vương quốc Anh đã duy trì các biện pháp tự vệ của EU khi mà Vương quốc Anh quan tâm đến việc này. Cũng như các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp dứt khoát được duy trì, TRID sẽ tiến hành đánh giá chuyển đổi trên toàn Vương quốc Anh để đánh giá liệu biện pháp đó có phù hợp với thị trường Vương quốc Anh hay không, và như vậy liệu biện pháp đó có nên được thay đổi hay chấm dứt. Đặc biệt đối với các biện pháp tự vệ thép, EU áp dụng biện pháp bảo vệ thép đối với một số sản phẩm thép từ tất cả

các quốc gia. DIT đã xác định 19 loại sản phẩm được áp dụng biện pháp tự vệ hiện tại của EU, nơi có sản xuất của Vương quốc Anh. Để cung cấp tính liên tục cho các nhà sản xuất Anh, biện pháp này sẽ được chuyển đổi cho 19 loại sản phẩm này vào cuối giai đoạn chuyển tiếp. Biện pháp này có hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ). Đây là một loại thuế trong đó hàng hóa đến một số lượng quy định phải chịu thuế nhập khẩu thấp hơn so với hàng hóa ngoài hạn ngạch trong một khoảng thời gian nhất định và một khi vượt quá hạn ngạch, thuế nhập khẩu cao hơn sẽ được áp dụng. Các biện pháp TRQ cụ thể của Vương quốc Anh đã được tính toán lại cho mỗi trong số 19 loại sản phẩm sử dụng cùng một phương pháp được sử dụng bởi Ủy ban châu Âu. Nhìn chung, để bảo đảm các biện pháp tự vệ đã chuyển đổi có hiệu quả đặc biệt đối với Vương quốc Anh từ ngày đầu tiên áp dụng chính sách thương mại độc lập, DIT cũng thu thập thông tin liên quan đến các luồng thương mại lịch sử đối với các sản phẩm thép từ năm 2015 đến năm 2017 theo biện pháp này để cho phép tính toán lại hạn ngạch thuế quan (TRQs).

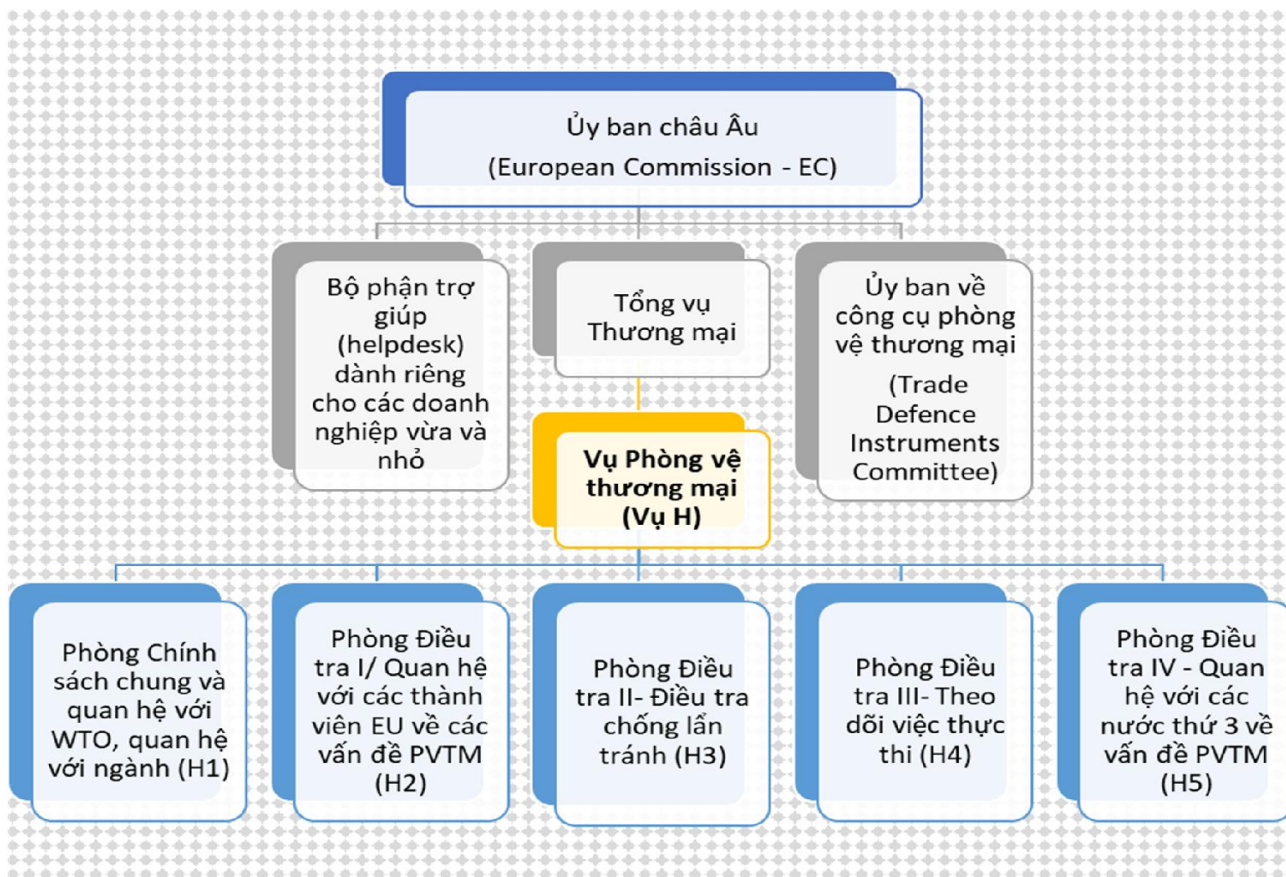
Kết thúc giai đoạn chuyển tiếp, kể từ khi Vương quốc Anh chính thức rời EU

vào cuối tháng 1 năm 2020, các cuộc điều tra về biện pháp PVTM đã được thực hiện bởi chính DIT, thông qua TRID. Các chức năng này bây giờ sẽ được chuyển sang TRA.

Trên thực tế, bất chấp việc chuyển giao trách nhiệm từ TRID sang TRA, phần lớn sẽ vẫn giữ nguyên. Các cuộc điều tra đang diễn ra sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi. Theo đó, TRA có chức năng điều tra khiếu nại từ các ngành công nghiệp của Anh về các hoạt động thương mại không công bằng và sự gia tăng không lường trước được trong nhập khẩu. TRA sẽ hoạt động như một cơ quan đầu não của DIT Anh để điều tra các trường hợp có thể có bán phá giá và hàng nhập khẩu được trợ cấp thông qua phân tích bằng chứng khách quan. Cơ quan này sẽ khuyến nghị áp dụng các biện pháp PVTM mới, chẳng hạn như thuế quan, để ngăn chặn thiệt hại đối với các nhà sản xuất Vương quốc Anh bị tổn hại bởi các hành vi thương mại không công bằng.

## 5. Cơ quan phòng vệ thương mại của EU và Vương quốc Anh

### 5.1. Cơ quan phòng vệ thương mại của EU



Vụ Phòng vệ thương mại (Vụ H) thuộc Tổng vụ Thương mại, Ủy ban châu Âu (European Commission - EC) là cơ quan điều tra các vụ việc PVTM (điều tra cả vấn đề phá giá, trợ cấp, thiệt hại, tự vệ, chống lẩn tránh thuế, chứ không tách biệt thành 2 cơ quan như mô hình của Hoa Kỳ), sau đó với tư vấn của Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại (Trade Defence Instruments Committee), Ủy ban châu Âu sẽ ra quyết định cuối cùng<sup>6</sup>, cụ thể:

(1) Vụ Phòng vệ thương mại thuộc Tổng vụ Thương mại- EC

Cơ quan điều tra có thẩm quyền:

- Ra các quyết định: khởi xướng điều tra, ban hành biện pháp tạm thời, đề xuất biện pháp chính thức, chấm dứt điều tra, chấp nhận cam kết giá.

- Tổ chức điều tra chống bán phá giá/ trợ cấp (bao gồm cả điều tra về việc bán phá giá/ chống trợ cấp và điều tra về thiệt hại) – bảo đảm các quyền tố tụng của các bên trong quá trình điều tra;

- Đưa ra các đề xuất trình Hội đồng châu Âu quyết định áp dụng biện pháp

PVTM chính thức.

Vụ Phòng vệ thương mại (Vụ H) thuộc Tổng vụ Thương mại có 5 phòng chức năng:

- Phòng Chính sách chung và quan hệ với WTO, quan hệ với ngành (H1);

- Phòng Điều tra I/ Quan hệ với các thành viên EU về các vấn đề PVTM (H2);

- Phòng Điều tra II- Điều tra chống lẩn tránh (H3);

- Phòng Điều tra III- Theo dõi việc thực thi (H4);

- Phòng Điều tra IV- Quan hệ với các nước thứ 3 về vấn đề PVTM (H5).

Vụ H chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ (bao gồm cả điều tra thiệt hại), chống lẩn tránh biện pháp PVTM và xử lý các vụ việc quyết tranh chấp tại WTO; căn cứ trên kết quả điều tra, đề xuất biện pháp trình Hội đồng châu Âu quyết định những việc như việc áp dụng thuế chống bán phá giá, trợ cấp và tự vệ<sup>7</sup>.

<sup>6</sup> [https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2013/april/tradoc\\_151022.pdf](https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2013/april/tradoc_151022.pdf)

<sup>7</sup> [https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/tradoc\\_145610\\_0.pdf](https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/tradoc_145610_0.pdf)

Bên cạnh đó, EC còn thành lập một bộ phận trợ giúp (helpdesk) dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ dễ dàng tiếp cận các công cụ phòng vệ thương mại, cung cấp thông tin về các thủ tục và thời hạn áp dụng các biện pháp<sup>8</sup>.

Có thể thấy, so với mô hình cơ quan điều tra PVTM của Việt Nam, cơ quan chuyên trách về PVTM của EU có quy mô lớn cả về tổ chức và nhân sự. So với Cục PVTM của Việt Nam, Vụ H có cơ cấu mở rộng, nhiều bộ phận chuyên trách hơn, có riêng 1 phòng chuyên môn xử lý vấn đề lẫn tránh biện pháp PVTM, chức năng phòng H1 tương tự với Phòng Pháp chế của Cục PVTM nhưng lại có thêm nội dung mở rộng quan hệ với ngành, giúp tiếp nhận thông tin đa chiều và tăng hiệu quả khi xử lý chính sách.

(2) Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại (Trade Defence Instruments Committee)<sup>9</sup>

- Vai trò: Hỗ trợ EC trong việc đưa ra ý kiến trước khi áp dụng biện pháp.

- Thành phần: bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên và chủ trì bởi

một đại diện của EC. Cụ thể, EC tham vấn ý kiến của Ủy ban này trong các vấn đề sau của cuộc điều tra:

- có hay không áp dụng các biện pháp tạm thời hoặc chính thức;
- có hay không khởi xướng thủ tục rà soát khi biện pháp hết hạn;
- sửa đổi và gia hạn các biện pháp hiện hành.

- Chức năng:

Ủy ban đưa ra ý kiến của mình thông qua hai loại thủ tục:

- tư vấn (ví dụ: áp dụng biện pháp tạm thời, rà soát hết hạn). Ý kiến tư vấn của Ủy ban không có giá trị bắt buộc đối với EC. Tuy nhiên, đây là một yếu tố quan trọng trong quá trình EC ra quyết định, vì nó cho phép EC thu thập được quan điểm của các quốc gia thành viên.

- kiểm tra (ví dụ: áp dụng biện pháp chính thức, sửa đổi / gia hạn các biện pháp hiện hành). Có thể đưa vấn đề ra một ủy ban kháng cáo, bao gồm các quốc gia thành viên và do EC chủ trì. Ủy ban kháng cáo không phải là một cơ

<sup>8</sup> <https://ec.europa.eu/trade/policy/accessing-markets/trade-defence/actions-against-imports-into-the-eu/help-for-smes/>

<sup>9</sup> [https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2013/april/tradoc\\_151013.pdf](https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2013/april/tradoc_151013.pdf)



quan thường trực, nhưng cho các quốc gia thành viên cơ hội thảo luận lần thứ hai về dự thảo áp dụng biện pháp ở cấp cao hơn.

Tất cả nội dung các cuộc tham vấn đều được giữ bí mật.

Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại của EU có chức năng tương tự giống như Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ của Việt Nam trước đây<sup>10</sup>. Tuy nhiên, trong Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 đã bỏ quy định về Hội đồng này.

## 5.2. Cơ quan phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh

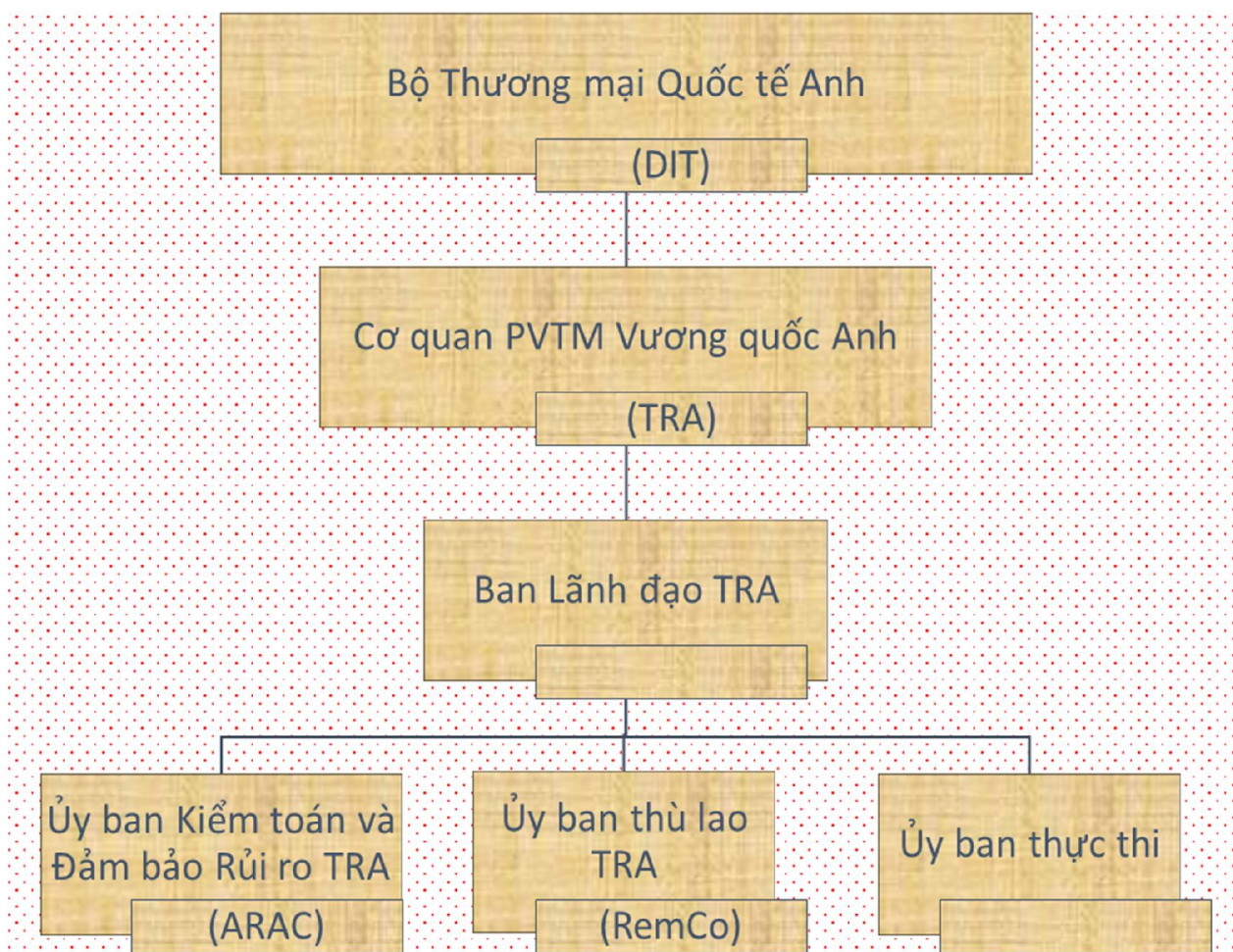
Trong thời kỳ là thành viên EU, chế độ phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh đã được xây dựng ở cấp độ EU. Trong vài năm qua, Chính phủ đã phát triển cơ chế phòng vệ thương mại của riêng Vương quốc Anh và chuẩn bị thành lập Cơ quan Phòng vệ Thương mại mới (TRA) để điều tra các trường hợp phòng vệ thương mại và đưa ra các khuyến nghị về việc áp dụng các biện pháp. Trước đó, Cục Điều tra Biện pháp Thương mại (TRID) là tiền thân của TRA, được thành lập vào tháng 3 năm

2019, trực thuộc Bộ Thương mại quốc tế Anh (DIT) để thực hiện chức năng PVTM tạm thời kể từ khi Vương quốc Anh ra khỏi EU cho đến khi có dự luật để thiết lập TRA.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, Đạo luật Thương mại của Anh chính thức được thông qua, quy định vai trò của TRA – cơ quan được tiếp quản từ Cục Điều tra Biện pháp Thương mại (TRID) - với chức năng là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện điều tra, tham vấn các bên liên quan và đưa ra kiến nghị với các bộ trưởng và chính phủ về các biện pháp phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, TRA đã chính thức được ra mắt, ngay khi Anh bắt đầu đàm phán gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đây là thời điểm quan trọng đối với chính sách thương mại của Vương quốc Anh. TRA sẽ dành riêng để bảo vệ các lợi ích kinh tế của Anh trước các thực tiễn thương mại quốc tế không công bằng, đưa ra các khuyến nghị độc lập, dựa trên dữ liệu cho Chính phủ.

<sup>10</sup> [http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category\\_id=b440999f-cd9a-4cea-b8d6-e1a090d01cdb&id=6a443d77-c804-4b2e-a1c9-fae7109f7e71](http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=b440999f-cd9a-4cea-b8d6-e1a090d01cdb&id=6a443d77-c804-4b2e-a1c9-fae7109f7e71)



Cơ cấu tổ chức của TRA bao gồm :

⇒ Ban Lãnh đạo Cơ quan PVTM Anh (TRA):

Ban Lãnh đạo đặt ra định hướng chiến lược cho TRA trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của TRA. Ban Lãnh đạo cũng thông qua Chủ tịch bổ nhiệm Giám đốc điều hành và quy định trách nhiệm cho họ, đồng thời hỗ trợ Giám đốc điều hành thực hiện vai trò của mình với tư cách là Giám đốc kế toán.

Tổng số thành viên Ban Lãnh đạo không được vượt quá 9 người gồm có thành viên điều hành và không điều hành (số thành viên không điều hành nhiều hơn số thành viên điều hành). Các thành viên không điều hành sẽ đảm nhận các vai trò của Giám đốc Độc lập Cấp cao, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro và Chủ tịch Ủy ban Thù lao.

- Các thành viên không điều hành bao gồm<sup>11</sup>:

+ Chủ tịch Ban Lãnh đạo TRA;

+ Dự kiến lên đến 5 thành viên không điều hành;

- Các thành viên điều hành:

+ Giám đốc Điều hành và Giám đốc Kế toán;

+ Giám đốc Dịch vụ Doanh nghiệp;

+ Tổng Cố Vấn.

⇒ Ủy ban Kiểm toán và Bảo đảm Rủi ro TRA (ARAC):

Ủy ban này có nhiệm vụ hỗ trợ Giám đốc Kế toán (Giám đốc Điều hành) và Hội đồng Quản trị về trách nhiệm của họ đối với các vấn đề rủi ro, kiểm soát và quản trị. Ủy ban sẽ xem xét tính đầy đủ của các thỏa thuận kiểm toán (nội bộ và bên ngoài) cũng như độ tin cậy và tính toàn vẹn của các bảo đảm liên quan đến rủi ro và kiểm soát.

⇒ Ủy ban thù lao TRA (RemCo):

Ủy ban này có trách nhiệm đưa ra các khuyến nghị cuối cùng với Bộ trưởng về các quyết định về lương đối với việc bổ nhiệm công chức cấp cao của TRA. Các khuyến nghị sẽ tuân theo hướng dẫn trả lương của khu vực công và hướng dẫn của Kho bạc về việc phê duyệt trả lương cấp cao. Ủy ban Thù lao cũng sẽ đưa ra các khuyến nghị cho Ban Lãnh đạo về các vấn đề trả lương liên quan đến các công chức không cấp cao của TRA.

⇒ Ủy ban thực thi:

Ủy ban thực thi bao gồm Giám đốc điều hành, Giám đốc Dịch vụ Doanh nghiệp, Tổng cố vấn, Kế toán trưởng, Giám đốc Phân phối Điều tra, Giám đốc Tuân thủ Điều tra.

---

<sup>11</sup> <https://www.gov.uk/government/organisations/trade-remedies-authority/about/our-governance#tra-audit-and-risk-assurance-committee-arac>

TRA có chức năng điều tra các khiếu nại từ các ngành công nghiệp của Anh về các hoạt động thương mại không công bằng và sự gia tăng không lường trước được trong nhập khẩu. TRA sẽ hoạt động như một cơ quan đầu não của Bộ Thương mại quốc tế Anh để điều tra các trường hợp có thể có bán phá giá và hàng nhập khẩu được trợ cấp thông qua phân tích bằng chứng khách quan. Cơ quan này sẽ khuyến nghị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại mới, chẳng hạn như thuế quan, để ngăn chặn thiệt hại đối với các nhà sản xuất Vương quốc Anh bị tổn hại bởi các hành vi thương mại không công bằng.

Bên cạnh đó, các điều tra viên của TRA sẽ xem xét 43 biện pháp phòng vệ thương mại hiện có của EU liên quan đến ngành công nghiệp của Anh đã được chuyển đổi khi Anh rời Liên minh Hải quan EU. 11 trong số các đánh giá chuyển đổi này hiện đang tồn tại, bao gồm các sản phẩm từ nhiều lĩnh vực, bao gồm thép, thủy sản và dầu diesel sinh học. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021,

các nhà sản xuất của Anh đã có thể nộp đơn yêu cầu điều tra về sự cần thiết của các biện pháp phòng vệ thương mại mới. Tất cả các đơn đăng ký có thể được thực hiện thông qua nền tảng quản lý hồ sơ trực tuyến của TRA, Dịch vụ Phòng vệ Thương mại. TRA là tổ chức đầu tiên thuộc loại này trên thế giới cung cấp dịch vụ kỹ thuật số cho các trường hợp phòng vệ thương mại<sup>12</sup>.

Hệ thống phòng vệ thương mại độc lập mới của Anh sẽ giúp bảo vệ các ngành công nghiệp quan trọng của Anh như nhà sản xuất thép và nhà sản xuất gốm sứ khỏi các hoạt động thương mại toàn cầu có hại. TRA sẽ giúp tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp Anh để họ có thể cạnh tranh với các nhà sản xuất nước ngoài, bảo vệ họ khỏi các hành vi thương mại không công bằng và sự gia tăng không lường trước được trong nhập khẩu. Hệ thống phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh đã được thiết kế dựa trên bốn nguyên tắc: tương xứng, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

---

<sup>12</sup> <https://www.gov.uk/government/publications/the-trade-remedies-authority-corporate-plan-202122-202324/corporate-plan-202122-202324>



## CHƯƠNG II

# HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP ỨNG PHÓ VỚI VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI KHI XUẤT KHẨU SANG EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH

## CHƯƠNG II

# HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP ỨNG PHÓ VỚI VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI KHI XUẤT KHẨU SANG EU VÀ VƯƠNG QUỐC ANH

### 1. Các cơ quan, tổ chức tham gia ứng phó vụ việc PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam

Tại Việt Nam, Cơ quan có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc PVTM là Cục PVTM, trực thuộc Bộ Công Thương. Cục PVTM có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Cục Phòng vệ thương mại là cơ quan quản lý nhà nước về chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, cụ thể là:

- Cảnh báo sớm các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam;

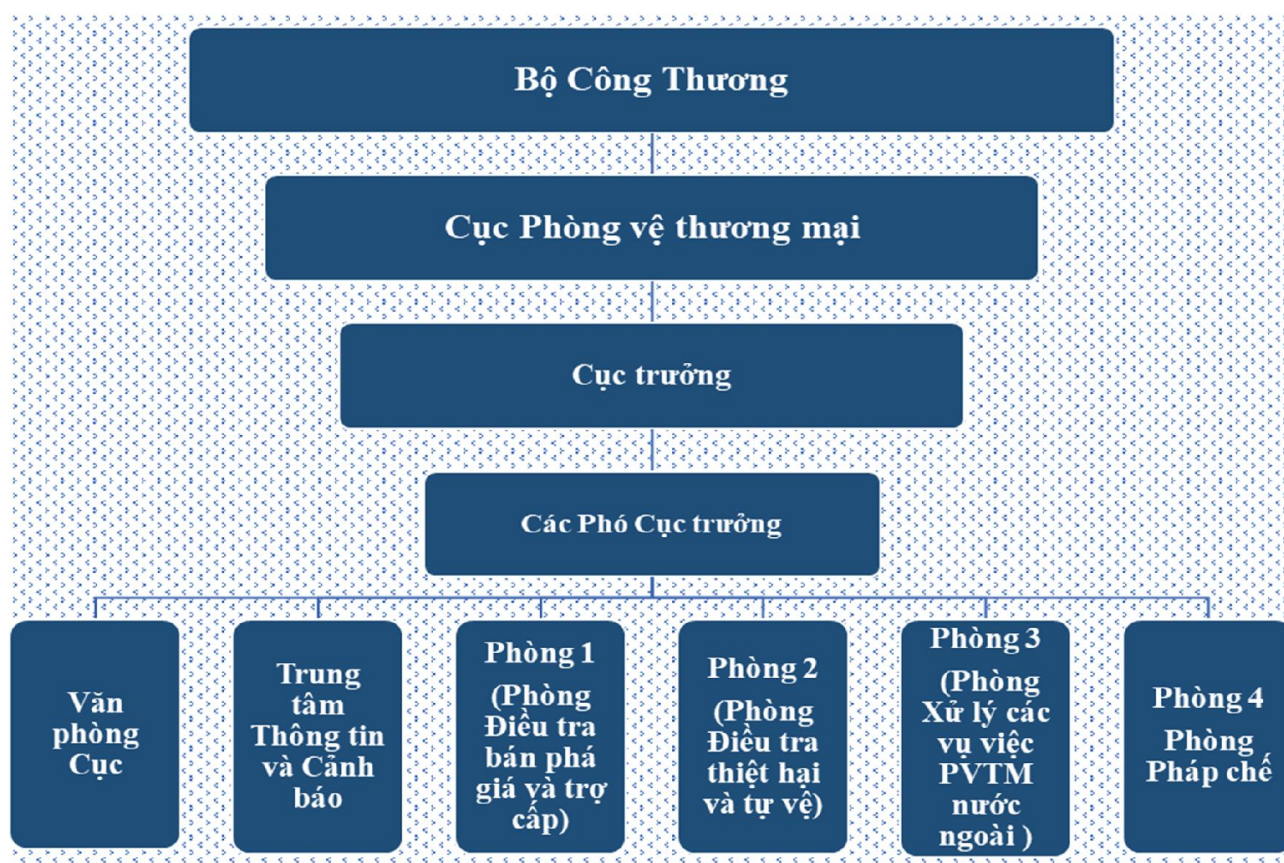
- Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng liên quan trong việc xử lý các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam;

- Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết tranh chấp về các vụ kiện phòng vệ thương mại và các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực phòng vệ thương mại tại WTO, các Hiệp định thương mại và các tổ chức quốc tế khác;

- Đầu mối, phối hợp với các Bộ, ngành xử lý vấn đề nền kinh tế thị trường với các quốc gia, vùng lãnh thổ có liên quan;

- Chủ trì và/hoặc tham gia thảo luận, đàm phán vấn đề phòng vệ thương mại trong các điều ước quốc tế về thương mại, các Ủy ban hỗn hợp giữa Việt Nam với các đối tác và các diễn đàn quốc tế khác theo phân công của Lãnh đạo Bộ Công Thương.

## Sơ đồ tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại



Trong cơ cấu tổ chức của Cục PVTM, Phòng Xử lý các vụ việc PVTM nước ngoài (Phòng 3) sẽ trực tiếp hỗ trợ, đưa ra các khuyến nghị để doanh nghiệp ứng phó hiệu quả với các vụ việc PVTM do EU/Vương quốc Anh và các nước đối tác tiến hành điều tra.

Thông tin liên hệ của Cục PVTM như sau:

### **Cục Phòng vệ thương mại**

Tầng 8, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại: 024.7303.7898

Email: CucPVTM@moit.gov.vn

Trang điện tử chính thức: <http://www.trav.gov.vn/>, <http://www.pvtm.gov.vn>

Tại EU, Cơ quan có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp là **Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU (kiêm nhiệm Lúc-xăm-bua, Ủy ban châu Âu)**

Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium

Điện thoại: +32 23 11 89 76; +32 470 49 8333

Fax: (+32)2 347 0335

Email: [quantn@moit.gov.vn](mailto:quantn@moit.gov.vn), [be@moit.gov.vn](mailto:be@moit.gov.vn)

Tại UK, Cơ quan có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp là Thương vụ Việt Nam tại Anh (Kiêm nhiệm Ai-len)

Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street

Điện thoại: +44 207 207 9825

Fax: (+44) 20 3524 1732

Email: [uk@moit.gov.vn](mailto:uk@moit.gov.vn)

## 2. Ứng phó với các vụ việc từ EU

### 2.1. Hướng dẫn ứng phó biện pháp chống bán phá giá khi xuất khẩu sang EU

#### 2.1.1. Khi nào doanh nghiệp bị điều tra chống bán phá giá

Một vụ việc điều tra chống bán phá giá ở EU thông thường căn cứ trên hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất trong nước của EU hoặc từ Quyết định của chính Ủy ban Châu Âu (tự khởi xướng điều tra).

Hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất trong nước của EU hoặc Quyết định tự khởi xướng điều tra của EU phải đầy đủ các thông tin ban đầu chứng minh hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá, việc hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá là nguyên nhân gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước...





Các thông tin có thể tìm thấy trong Hồ sơ yêu cầu:

+ Thông tin mô tả sản phẩm bị cáo buộc bán phá giá và thông tin mô tả sản phẩm tương tự được sản xuất trong EU

+ Thông tin về chủ thể nộp đơn: Đề đơn kiện hợp lệ, phải bảo đảm rằng các nhà sản xuất ủng hộ hồ sơ yêu cầu phải đáp ứng tính đại diện cho ngành, tức là phải (i) chiếm không dưới 50% tổng sản lượng sản phẩm tương tự (với sản phẩm bị điều tra) sản xuất bởi các nhà sản xuất có ý kiến về đơn kiện (ủng hộ hoặc phản đối đơn kiện) và (ii) chiếm không dưới 25% tổng sản lượng sản phẩm tương tự (với sản phẩm bị điều tra) sản xuất ra bởi tất cả các nhà sản xuất trong nước EU (bao gồm cả những người phản đối, ủng hộ hoặc không có ý kiến gì).

+ Số liệu chứng minh hành vi bán phá giá.

+ Thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu bị bán phá giá và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

+ Lợi ích công cộng: Để áp dụng biện pháp PVTM, Ủy ban Châu Âu sẽ xem xét tác động của biện pháp tới các thành phần kinh tế trong EU, do vậy, Hồ sơ sẽ bao gồm các nội dung đánh giá tác động

này.

Trong giai đoạn ngành sản xuất EU nộp đơn yêu cầu, các doanh nghiệp sản xuất/ xuất khẩu Việt Nam có liên quan có thể liên hệ Cục PVTM để được hỗ trợ tiếp cận thông tin của Hồ sơ (bản công khai) và nghiên cứu kỹ đơn kiện, xem xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn, đưa ra các lập luận phản bác lại cáo buộc của nguyên đơn để cơ quan điều tra xem xét không khởi xướng điều tra hoặc nguyên đơn rút đơn kiện.

Cơ quan có thẩm quyền khởi xướng điều tra một vụ việc điều tra chống bán phá giá là Ủy ban Châu Âu. Một vụ việc điều tra chống bán phá giá chỉ được Ủy ban Châu Âu khởi xướng điều tra trong trường hợp cơ quan này xác định đơn kiện là đầy đủ và hợp lệ, nguyên đơn đủ tư cách điều tra. Thời hạn để Ủy ban Châu Âu ra quyết định/thông báo khởi xướng điều tra là 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu.

Thông báo khởi xướng của Ủy ban Châu Âu bao gồm các nội dung sau:

- Thông tin trong hồ sơ yêu cầu;
- Thông tin về hàng hóa bị điều tra;
- Thông tin về thủ tục điều tra.

Thông thường EC thông báo khởi xướng điều tra bằng trên trang thông tin điện tử chính thức của EC đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước bị điều tra. Do đó, các doanh nghiệp cần theo dõi thông tin trên trang điện tử chính thức này và theo dõi thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương để theo dõi thông tin khởi xướng điều tra và nhận các hướng dẫn tham gia kháng kiện.

Một số mốc thời gian cần lưu ý tính từ ngày khởi xướng điều tra:

<b>Thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• tối đa là 37 ngày kể từ ngày ra thông báo khởi xướng điều tra</li> <li>• có thể gia hạn trên cơ sở đơn yêu cầu của các bên liên quan</li> </ul>
Thời hạn điều tra sơ bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2 tháng kể từ ngày khởi xướng</li> </ul>
<b>Thời hạn thẩm tra tại chỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 3 tháng kể từ ngày khởi xướng</li> </ul>
Thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp tạm thời	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 9 tháng kể từ ngày khởi xướng điều tra</li> </ul>
<b>Thời hạn ra quyết định cuối cùng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 13 tháng kể từ ngày khởi xướng điều tra</li> </ul>

### 2.1.2. Giai đoạn điều tra sơ bộ

#### ⇒ **Bản câu hỏi điều tra**

Ủy ban Châu Âu sẽ gửi bản câu hỏi tới các bên liên quan để thu thập thông tin và số liệu nhằm phân tích, đánh giá về hành vi bán phá giá, mức độ thiệt hại của ngành sản xuất EU và mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại của ngành sản xuất EU.

Để thu thập số liệu tính toán biên độ bán phá giá, Ủy ban Châu Âu sẽ gửi bản câu hỏi cho các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài (ví dụ như doanh nghiệp tại Việt Nam). Việc doanh nghiệp được nhận bản câu hỏi và tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra có ý nghĩa rất quan trọng về mức độ tham gia của doanh nghiệp trong quá trình điều tra. Do đó, doanh nghiệp cần theo dõi sát quá trình điều tra từ khi khởi xướng

để không phải chịu mức thuế bất lợi khi kết thúc vụ việc.

Thời gian trả lời bản câu hỏi thường là 37 ngày tính từ ngày cơ quan điều tra gửi bằng câu hỏi, trừ khi doanh nghiệp gửi đơn xin gia hạn được chấp thuận. Để việc trả lời bản câu hỏi kịp thời và hiệu quả, doanh nghiệp cần:

- Theo dõi sát diễn biến vụ việc và có sự chuẩn bị sẵn sàng và tích cực cho việc trả lời bản câu hỏi ngay khi vụ việc được khởi xướng điều tra. Doanh nghiệp có thể chủ động tham khảo các nội dung của bản câu hỏi trong các vụ việc điều tra chống bán phá giá trước đó mà cơ quan điều tra đã đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức<sup>13</sup>.

- Ngay khi nhận được bản câu hỏi điều tra chính thức, doanh nghiệp cần đọc kỹ bản câu hỏi, bao gồm cả các hướng dẫn trả lời bản câu hỏi để bảo đảm thực hiện đúng yêu cầu của Cơ quan điều tra. Thông tin trả lời cần đủ và chính xác, đúng trình tự, đúng giai đoạn điều tra, đúng ngôn ngữ yêu cầu kèm chứng từ, giấy tờ chứng minh, cần lưu ý đánh dấu theo quy định các nội dung mật. Cần lưu ý không cung cấp thông tin thiếu hoặc vượt quá phạm vi hỏi của cơ quan điều

tra. Trong trường hợp thông tin gì không rõ, doanh nghiệp cần chủ động liên hệ với cơ quan điều tra để được giải thích và hướng dẫn trả lời, hoặc nhờ đến sự trợ giúp của luật sư, liên hệ với Cục Phòng vệ thương mại để được hỗ trợ thông tin.

Để thu thập số liệu về thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, Cơ quan điều tra sẽ gửi bản câu hỏi cho các nhà sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu và các bên liên quan khác.

#### ⇒ **Thăm tra tại chỗ**

Thăm tra tại chỗ được thực hiện đối với cả điều tra bán phá giá và điều tra thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, theo đó Ủy ban Châu Âu thăm tra đối với cả ngành sản xuất nội địa EU và doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài. Hoạt động thăm tra tại chỗ có thể được EU thực hiện trong giai đoạn điều tra sơ bộ hoặc điều tra chính thức hoặc không thực hiện tùy thuộc vào thời gian và tình hình của từng vụ việc điều tra.

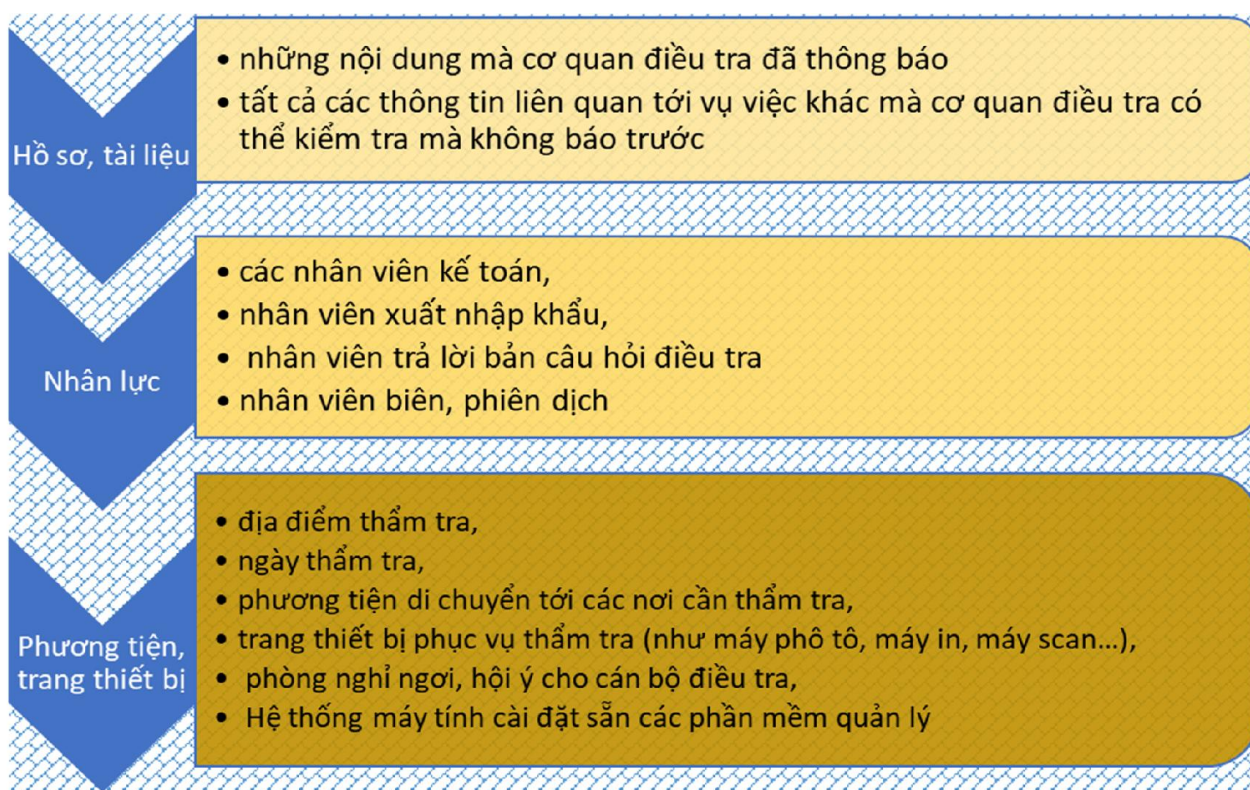
Việc thăm tra tại chỗ là hoạt động cần thiết nhằm mục đích Cơ quan điều tra xác minh lại các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp trong bản trả lời bản

<sup>13</sup> [https://ec.europa.eu/trade/policy/accessing-markets/trade-defence/index\\_en.htm](https://ec.europa.eu/trade/policy/accessing-markets/trade-defence/index_en.htm)

câu hỏi điều tra bằng cách đối chiếu với sổ sách, chứng từ, ghi chép thực tế của doanh nghiệp xuất khẩu xem thông tin có khớp với dữ liệu thực tế hay không, có hay không sự gian dối, che giấu, có phát hiện thêm thông tin nghi vấn gì không, có cần yêu cầu doanh nghiệp giải trình, bổ sung thêm thông tin gì không.

Hoạt động thẩm tra tại chỗ có thể được tiến hành trước khi ra báo cáo kết luận điều tra sơ bộ hoặc sau khi ra kết luận điều tra sơ bộ và trước khi ban hành kết luận cuối cùng.

Trên cơ sở các thông tin đã cung cấp trên đây về hoạt động thẩm tra tại chỗ, để đạt kết quả kháng kiện tốt, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần chuẩn bị cho hoạt động thẩm tra của cơ quan điều tra tại doanh nghiệp của mình như sau.



### ⇒ **Phiên điều trần công khai**

Phiên điều trần công khai được tổ chức trên cơ sở yêu cầu của các bên liên quan. Phiên điều trần có thể được tổ chức sau khi khởi xướng điều tra, trước khi ra kết luận sơ bộ hoặc trước khi ra kết luận cuối cùng.

Trong trường hợp có những lập luận, phản biện hoặc thông tin có lợi liên quan đến vụ việc, doanh nghiệp có thể chủ động gửi bản ý kiến hoặc tham gia phiên điều trần

này để được Cơ quan điều tra xem xét các ý kiến.

### ⇒ **Biện pháp chống bán phá giá tạm thời**

Sau khi hoạt động điều tra sơ bộ kết thúc, cán bộ điều tra trình kết quả điều tra sơ bộ (kèm báo cáo tóm tắt kết quả điều tra) cho Ủy ban Châu Âu, Ủy ban Châu Âu gửi kết quả điều tra tới các thành viên EU. Ủy ban tư vấn (với các thành viên là đại diện của từng nước thành viên) thảo luận về kết quả điều tra, phản hồi lại Ủy ban Châu Âu sau đó Ủy ban Châu Âu trên cơ sở đó ra kết luận sơ bộ về vụ việc. Trong trường hợp kết luận sơ bộ tồn tại bán phá giá là nguyên nhân gây thiệt hại thì kết luận sơ bộ đồng thời là quyết định áp dụng biện pháp tạm thời. Quyết định áp dụng biện pháp tạm thời có hiệu lực kể từ ngày đăng Công báo EU. Biện pháp tạm thời có thể áp dụng trong 6 tháng, có thể gia hạn tối đa là 9 tháng. Biện pháp tạm thời thường có hình thức là nộp một khoản tiền bảo đảm khi nhập khẩu sản phẩm vào EU, khoản tiền này được quy định không cao hơn biên độ phá giá sơ bộ.

Trong trường hợp kết luận sơ bộ là phủ định (không có bán phá giá hoặc biên độ phá giá không đáng kể hoặc

không có thiệt hại, hoặc không có mối quan hệ nhân quả: vụ việc chấm dứt).

Trong giai đoạn điều tra sơ bộ, kết luận điều tra về bán phá giá được công bố trước kết luận điều tra về thiệt hại. Kết luận điều tra về thiệt hại có ý nghĩa quan trọng bởi trong trường hợp kết luận điều tra không có thiệt hại thì dù doanh nghiệp có bán phá giá thì vụ việc cũng chấm dứt.

Khi cơ quan điều tra đã kết luận điều tra và công bố báo cáo là cơ sở ra kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng về vụ việc, các doanh nghiệp bị điều tra cần nghiên cứu, xem xét kỹ báo cáo kết luận điều tra, đặc biệt là căn cứ, phương pháp mà cơ quan điều tra sử dụng để ra kết luận cuối cùng. Trong trường hợp phát hiện sai sót, điểm bất hợp lý, các doanh nghiệp có thể gửi bình luận, yêu cầu cơ quan điều tra sửa đổi, điều chỉnh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần lưu ý tất cả các mốc thời gian quan trọng của vụ việc để tránh nộp thông tin, tài liệu sau khi đã hết hạn nộp. Khi đó, mọi thông tin, tài liệu đã nộp đều không được xem xét.

### **2.1.3. Giai đoạn điều tra cuối cùng**

Sau khi ban hành kết luận sơ bộ, trong giai đoạn điều tra cuối cùng, cơ quan điều tra chủ yếu xem xét, phân tích, đánh

giá lại các thông tin đã thu thập trong giai đoạn điều tra sơ bộ. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan điều tra có thể yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung hoặc thẩm tra lại nếu cần. Như đã nói ở mục trên, việc thẩm tra tại chỗ và tham vấn công khai cũng có thể được tiến hành trong giai đoạn này.

Sau khi kết thúc giai đoạn điều tra cuối cùng cũng như xem xét các lợi ích công cộng, trước khi ban hành kết luận áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chấm dứt vụ việc, cán bộ điều tra tập hợp, tóm tắt tài liệu và ra báo cáo về kết quả điều tra cuối cùng trình Ủy ban Châu Âu. Các bên liên quan có quyền trình bày quan điểm, lập luận của mình (bằng văn bản) về báo cáo này trong thời gian do Ủy ban Châu Âu quy định.

Việc ra quyết định cuối cùng của Ủy ban Châu Âu về vụ việc được tiến hành như sau:

- Lấy ý kiến của Ủy ban tư vấn về chống bán phá giá đối với kết luận cuối cùng cũng như áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

- Ủy ban Châu Âu lập đề xuất chính thức về kết quả điều tra và biện pháp chống bán phá giá liên quan.

+ Trong trường hợp kết luận không áp thuế: vụ việc chấm dứt, kết luận của Ủy ban Châu Âu đồng thời là quyết định chấm dứt điều tra chính thức.

+ Nếu kết luận của Ủy ban Châu Âu là có đủ điều kiện áp thuế và đề xuất áp thuế thì Ủy ban Châu Âu gửi đề xuất áp thuế lên Hội đồng Châu Âu quyết định.

- Ra quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

+ Nếu trong vòng 1 tháng kể từ ngày Ủy ban Châu Âu gửi đề xuất áp thuế đến Hội đồng Châu Âu mà Hội đồng Châu Âu không phản đối đề xuất này (bằng đa số phiếu qua bán) thì đề xuất trở thành quyết định áp thuế chính thức.

+ Nếu trong vòng 1 tháng kể từ ngày Ủy ban Châu Âu gửi đề xuất áp thuế đến Hội đồng Châu Âu mà đa số quá bán các nước thành viên EU phản đối thì đề xuất không có hiệu lực và quyết định cuối cùng là không áp thuế.

Biện pháp chống bán phá giá cuối cùng bao gồm hai loại biện pháp được áp dụng với các điều kiện sau đây:

- Cam kết giá: Là việc nhà xuất khẩu cam kết tự tăng giá (và hạn chế số lượng nhập khẩu vào EU, nếu có) với sự chấp thuận của Ủy ban châu Âu, nếu thực

hiện biện pháp này, doanh nghiệp xuất khẩu liên quan sẽ không phải chịu thuế chống bán phá giá.

- Áp thuế chống bán phá giá: trong trường hợp không có cam kết giá, hàng nhập khẩu liên quan bị áp thuế chống bán phá giá theo biên độ phá giá hoặc biên độ thiệt hại tùy thuộc vào biên độ nào thấp hơn. Điều kiện áp thuế chống bán phá giá:

+ Kết luận điều tra cuối cùng khẳng định: có hành vi bán phá giá trên mức “không đáng kể” tức biên độ phá giá từ 2% trở lên, ngành sản xuất nội địa của EU chịu thiệt hại đáng kể, có mối quan hệ nhân quả phá giá-thiệt hại.

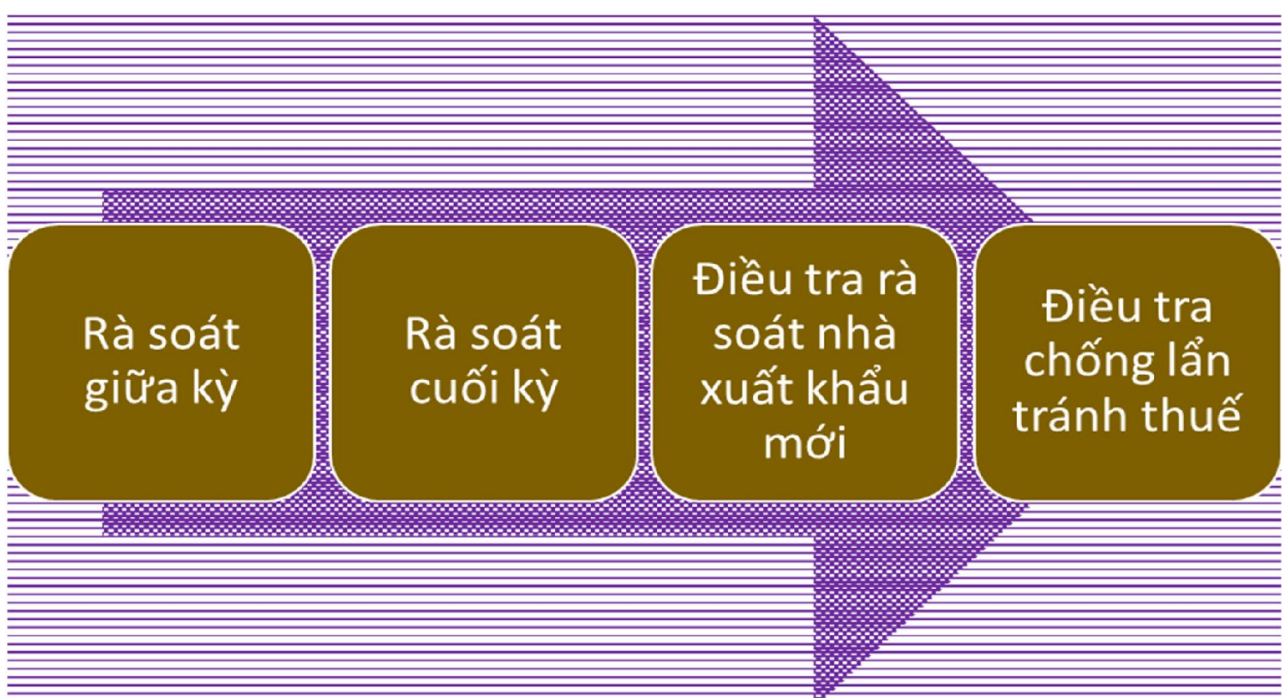
+ Lợi ích công cộng đòi hỏi cần áp thuế chống bán phá giá.

Thuế chống bán phá giá sẽ hết hiệu lực sau 5 năm kể từ ngày áp thuế hoặc 5 năm kể từ ngày tiến hành rà soát lại toàn bộ trừ khi kết luận rà soát cho thấy việc chấm dứt hiệu lực của thuế này sẽ dẫn tới việc tiếp diễn hoặc tái diễn hiện tượng bán phá giá/trợ cấp và thiệt hại.

+ Thuế chống bán phá giá có thể hết hiệu lực (toàn bộ hoặc đối với một số đối tượng cụ thể) căn cứ vào kết luận rà soát lại do cơ quan có thẩm quyền tiến hành trên cơ sở của các chủ thể nhất định.

#### **2.1.4. Rà soát biện pháp chống bán phá giá**

Theo quy định của EU, sau khi biện pháp chống bán phá giá chính thức được áp dụng, các thủ tục điều tra sau đây có thể được tiến hành:



## ⇒ **Rà soát giữa kỳ**

Điều tra rà soát giữa kỳ là thủ tục nhằm xác định lại biên độ phá giá và thiệt hại từ đó xác định lại mức thuế chống bán phá giá cho phù hợp với những thay đổi trong quá trình thực hiện áp thuế chống bán phá giá (xem xét xem có cần thiết duy trì thuế chống bán phá giá cũng như mức thuế áp dụng có hợp lý không).

Căn cứ tiên hành rà soát giữa kỳ:

+ Ủy ban châu Âu hoặc quốc gia thành viên EU khi có bằng chứng đủ để chứng minh sự cần thiết của việc rà soát giữa kỳ;

+ Hồ sơ yêu cầu rà soát giữa kỳ của bất kỳ nhà xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa liên quan hoặc các nhà sản xuất của EU.

Các vấn đề cần xem xét trong thủ tục rà soát giữa kỳ: căn cứ vào bằng chứng thu thập được, Ủy ban Châu Âu phải xem xét và quyết định các vấn đề liên quan đặc biệt là việc: liệu có những thay đổi căn bản về hoàn cảnh liên quan đến việc bán phá giá; biện pháp chống bán phá giá đang thực hiện đã đạt được kết quả dự tính trong việc loại bỏ thiệt hại mà trước đó cơ quan này đã xác định không.

+ Thời điểm rà soát giữa kỳ: thông thường là 12 tháng kể từ ngày khởi xướng điều tra rà soát cuối kỳ.

+ Kết luận rà soát giữa kỳ: Hủy bỏ biện pháp chống bán phá giá liên quan, hoặc giữ nguyên biện pháp, hoặc sửa đổi biện pháp chống bán phá giá (sửa đổi mức thuế cao hơn hoặc thấp hơn mức thuế chống bán phá giá chính thức).

Rà soát giữa kỳ là thủ tục để các bên liên quan có thể yêu cầu Cơ quan điều tra xem xét và điều chỉnh lại biện pháp chống bán phá giá. Trong quá trình rà soát giữa kỳ, Cơ quan điều tra EU cũng sẽ gửi bản câu hỏi điều tra và tiến hành các hoạt động như thẩm tra tại chỗ và tham vấn. Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có liên quan cần chuẩn bị nguồn lực và kế hoạch ứng phó phù hợp, tương tự như trong vụ việc điều tra ban đầu.

## ⇒ **Rà soát cuối kỳ (rà soát hoàng hôn)**

Thời gian áp dụng biện pháp chống bán phá giá thường là 05 năm kể từ ngày áp dụng biện pháp (bao gồm cả thời gian áp dụng biện pháp tạm thời). Thủ tục điều tra rà soát hoàng hôn sẽ được tiến hành vào cuối thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá.



Thủ tục này nhằm xác định xem liệu việc chấm dứt hiệu lực của biện pháp chống bán phá giá có thể dẫn tới việc tiếp diễn hoặc tái diễn hành vi bán phá giá gây thiệt hại không.

Thủ tục điều tra rà soát hoàng hôn là một thủ tục tương đối phức tạp và hoàn chỉnh, được tiến hành trên mọi phương diện, tương tự cuộc điều tra ban đầu (gồm cả điều tra phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, giai đoạn điều tra sơ bộ và điều tra cuối cùng).

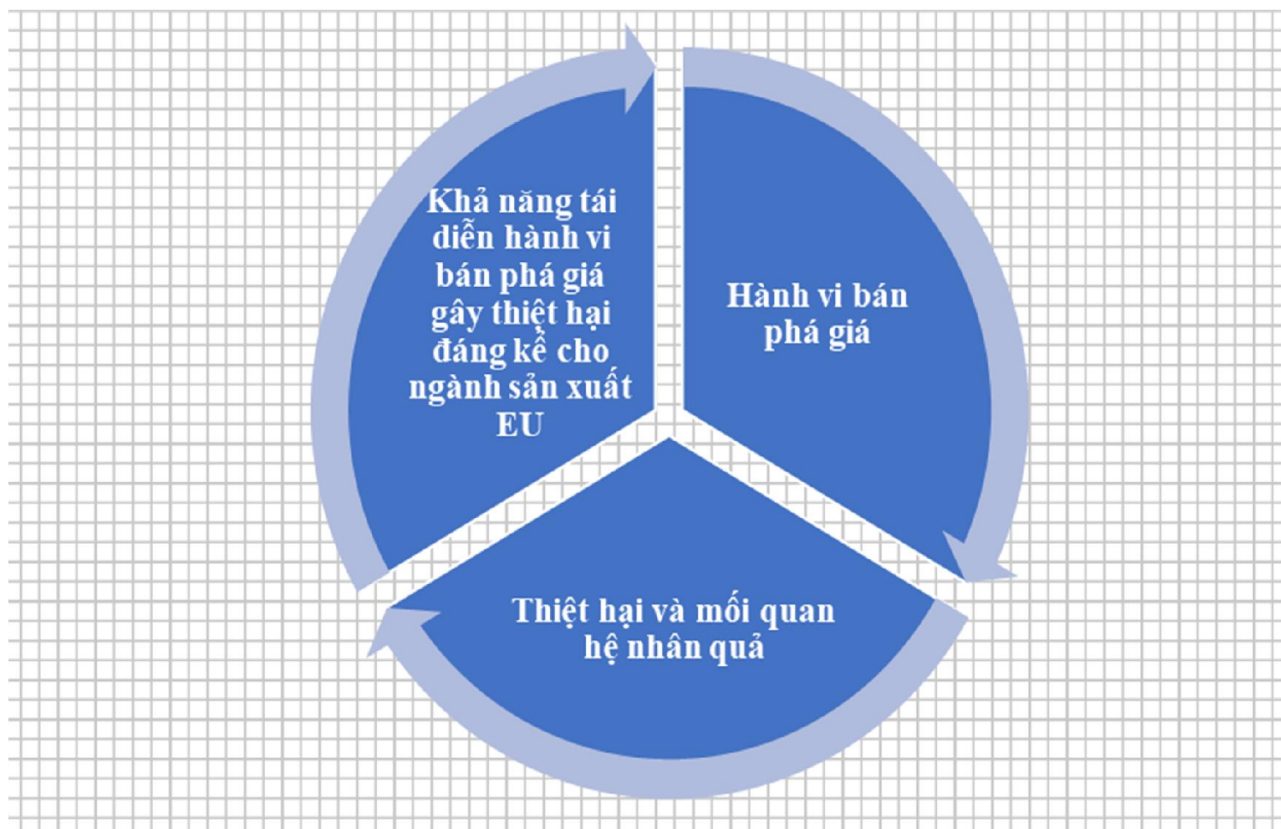
Căn cứ rà soát cuối kỳ:

- Các nhà sản xuất nội địa EU có quyền

đề đơn yêu cầu tiến hành rà soát hoàng hôn đối với biện pháp chống bán phá giá liên quan trong thời hạn 3 tháng trước khi biện pháp chống bán phá giá liên quan chính thức hết thời hạn áp dụng;

- Ủy ban châu Âu tự quyết định việc tiến hành rà soát hoàng hôn. Hồ sơ yêu cầu rà soát hoàng hôn cần nộp kèm chứng cứ đủ để cho thấy việc chấm dứt hiệu lực áp dụng của biện pháp chống bán phá giá có nhiều khả năng gây ra sự tiếp tục hoặc tái diễn việc bán phá giá hoặc thiệt hại.

Nội dung rà soát cuối kỳ bao gồm:



Việc điều tra rà soát hàng hóa được tiến hành trên các nguyên tắc, quy trình, thủ tục tương tự một cuộc điều tra ban đầu. Trong thời gian rà soát hàng hóa, các biện pháp thuế vẫn có hiệu lực áp dụng.

Kết quả của cuộc điều tra rà soát:

- Quyết định tiếp tục duy trì biện pháp chống bán phá giá (thông thường trong thời hạn 05 năm) nếu kết quả điều tra cho thấy việc chấm dứt hiệu lực của biện pháp chống bán phá giá nhiều khả năng dẫn tới sự tiếp diễn hoặc tái diễn hiện tượng bán phá giá/thiệt hại, hoặc;

- Quyết định chấm dứt hiệu lực của biện pháp chống bán phá giá nếu kết quả điều tra cho thấy việc bán phá giá/thiệt hại không có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn khi không áp dụng biện pháp này nữa.

Trong quá trình Cơ quan điều tra EU rà soát cuối kỳ, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần theo dõi sát và hợp tác đầy đủ nhằm đạt được kết quả có lợi cho doanh nghiệp.

#### ⇒ **Rà soát nhà xuất khẩu mới**

Nhà xuất khẩu mới là các nhà sản xuất, xuất khẩu không xuất khẩu sản phẩm bị điều tra vào EU trong giai đoạn điều tra, không có liên hệ với bất kỳ nhà

sản xuất, xuất khẩu nào của nước xuất khẩu đã bị áp thuế chống bán phá giá, nhập khẩu hàng hóa vào EU sau giai đoạn điều tra.

Các doanh nghiệp này nếu sau khi có lệnh áp thuế chống bán phá giá mà họ xuất khẩu sản phẩm bị điều tra vào EU thì có quyền yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra để xác định mức thuế chống bán phá giá cho riêng doanh nghiệp của họ.

Trong trường hợp các doanh nghiệp này không gửi yêu cầu hoặc đang trong quá trình điều tra để hưởng thuế suất riêng thì hàng hóa của họ phải tuân thủ mức thuế suất chung áp dụng cho hàng hóa của doanh nghiệp không hợp tác.

Căn cứ vào đơn yêu cầu, Ủy ban Châu Âu là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi xướng điều tra rà soát nhà xuất khẩu mới. Thời hạn điều tra nhà xuất khẩu mới là 09 tháng. Các hoạt động điều tra tương tự cuộc điều tra ban đầu.

Thông thường, kết luận rà soát nhà xuất khẩu mới sẽ là một mức thuế chống bán phá giá riêng thấp hơn mức thuế suất toàn quốc và mức thuế này cũng sẽ được rà soát giữa kỳ và rà soát cuối kỳ theo vụ việc điều tra ban đầu.

Áp dụng thủ tục này, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý tìm hiểu về các biện pháp chống bán phá giá cũng như các biện pháp phòng vệ thương mại khác đang bị EU áp dụng đối với hàng hóa mà mình dự định xuất khẩu sang thị trường EU. Trong trường hợp là doanh nghiệp xuất khẩu mới, cần chuẩn bị kỹ lưỡng hồ sơ yêu cầu rà soát nhà xuất khẩu mới, bảo đảm nhận được mức thuế riêng có lợi, tạo cơ hội cạnh tranh so với các doanh nghiệp đang chịu mức thuế cao hơn.

### **2.1.5. Hướng dẫn ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá**

Điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá là một loại điều tra khá phổ biến tại Ủy ban Châu Âu.

Lẩn tránh thuế chống bán phá giá là một hành vi xảy ra khi có sự thay đổi phương thức kinh doanh thương mại giữa các nước xuất khẩu và Liên minh châu Âu nhằm lẩn tránh lệnh áp thuế chống bán phá giá mà Liên minh Châu Âu đang áp dụng. Hành vi lẩn tránh thuế khiến hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá đang áp dụng bị suy giảm.

Các hình thức lẩn tránh thuế chống bán phá giá mà EU quy định gồm có:

- + Thay đổi nguồn gốc xuất xứ: ví dụ chuyển tải hàng hóa từ nước xuất khẩu đang bị áp thuế sang nước thứ 3 không bị áp thuế để lấy xuất xứ nước đó nhập trở lại EU nhằm tránh thuế đang áp dụng đối với nước xuất khẩu.
- + Tháo rời, lắp ráp lại linh kiện: Thay vì xuất khẩu sản phẩm hoàn chỉnh sang EU, các doanh nghiệp xuất khẩu linh kiện được tháo rời sang EU rồi thực hiện lắp ráp tại EU.
- + Thay đổi không đáng kể sản phẩm: Thực hiện những cải tiến, thay đổi sản phẩm không đáng kể để thay đổi mã HS hàng hóa khác với mã HS đang bị áp thuế.

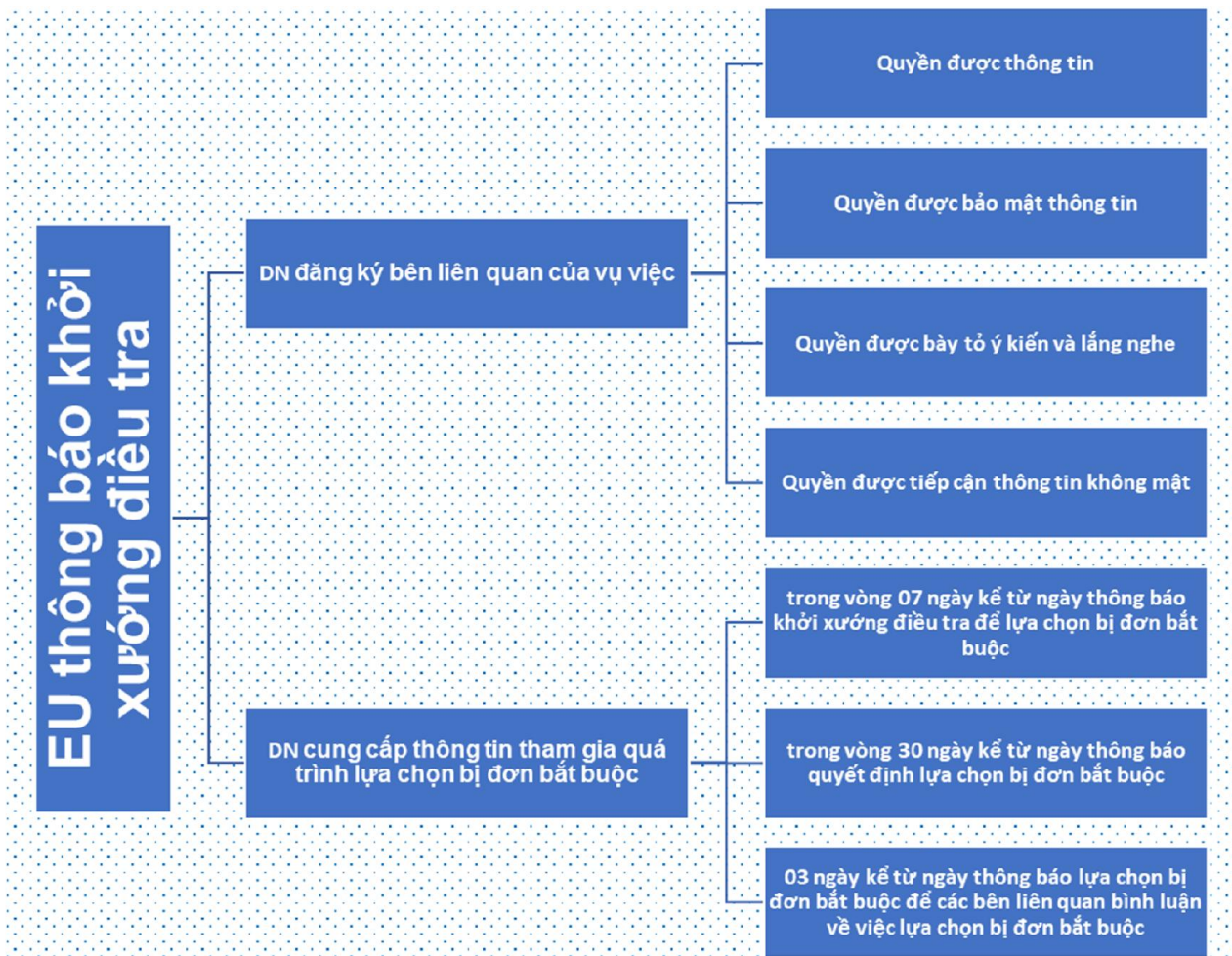
Cơ quan Liên minh Châu Âu có bộ phận giám sát sự thay đổi nhập khẩu sau khi lệnh áp thuế chống bán phá giá có hiệu lực. Thông thường một cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế sẽ được khởi xướng khi có sự gia tăng mạnh nhập khẩu sản phẩm tương tự sản phẩm đang bị áp thuế từ nước thứ 3 đồng thời với sự suy giảm nhập khẩu sản phẩm bị áp thuế từ nước bị áp thuế. Đối với thay đổi không đáng kể sản phẩm, trong trường hợp giá trị gia tăng của sản phẩm bị lắp ráp hoặc hoàn thiện nhỏ hơn 25% thì thay đổi sản phẩm là không đáng kể và sẽ bị điều tra chống lẩn tránh thuế.

Thủ tục và quy trình điều tra chống lẩn tránh thuế cũng tương tự một cuộc điều tra thông thường, thời hạn điều tra là 9 tháng kể từ ngày có quyết định điều tra. Quyết định cuối cùng sẽ là quyết định mở rộng phạm vi áp thuế đối với các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ nước thứ ba hoặc các bộ phận nhất định của sản phẩm bị điều tra hoặc quyết định không mở rộng áp thuế.

Trong thời gian gần đây EU theo dõi rất chặt các hàng hóa sau khi bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp để đánh giá khả năng bị lẩn tránh thuế. Cùng với Hoa Kỳ, EU là một trong những nền kinh tế rất tích cực sử dụng công cụ chống lẩn tránh thuế để đảm bảo hiệu lực thực thi của các biện pháp PVTM đã áp dụng.

#### **2.1.6. Lưu ý dành cho doanh nghiệp**

Sau khi EU thông báo khởi xướng điều tra, doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện một số hoạt động như sau:



**Thứ nhất**, đăng ký bên liên quan của vụ việc để được hưởng các quyền lợi của bên liên quan theo quy định của pháp luật.

(i) Quyền được thông tin: về đơn kiện, bảng câu hỏi điều tra, quy trình, thủ tục điều tra.

Để bảo đảm quyền này, EU có trách nhiệm thông báo công khai về: khởi xướng điều tra, lịch trình vụ việc.

(ii) Quyền được bảo mật thông tin

Các thông tin mà các bên liên quan cung cấp dưới dạng mật được EC bảo mật và chỉ sử dụng các thông tin đó vào mục đích điều tra vụ việc.

(iii) Quyền được bày tỏ ý kiến và lắng nghe: EU tổ chức các phiên điều trần công khai theo yêu cầu của các bên liên quan nhằm tạo điều kiện cho các bên liên quan

được trình bày lập luận, lắng nghe quan điểm, lập luận của các bên khác để đưa ra ý kiến.

(iv) Quyền được tiếp cận thông tin không mật: Các bên liên quan được phép tiếp cận các thông tin không mật hoặc bản tóm tắt thông tin mật mà các bên liên quan cung cấp.

**Thứ hai**, cung cấp thông tin tham gia quá trình lựa chọn bị đơn bắt buộc:

Mặc dù về nguyên tắc tất cả các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu sản phẩm bị điều tra sang EU đều có quyền được điều tra, tuy nhiên, trong các vụ việc có số lượng lớn các nhà sản xuất, xuất khẩu sản phẩm bị điều tra, để bảo đảm hoạt động điều tra được thực hiện đúng tiến độ, thời hạn quy định, cơ quan điều tra được phép và thường lựa chọn nhà sản xuất xuất khẩu đại diện để điều tra (lựa chọn bị đơn bắt buộc), thường là các nhà sản xuất, xuất khẩu đại diện để điều tra, thường là doanh nghiệp có lượng xuất khẩu lớn nhất vào EU.

Để quyết định có tiến hành lựa chọn bị đơn bắt buộc hay không, Ủy ban yêu cầu các nhà sản xuất xuất khẩu cung cấp thông tin cho Ủy ban về doanh nghiệp của họ trong vòng 07 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng điều tra.

Từ các thông tin thu thập được, trong trường hợp quyết định chọn mẫu bị đơn bắt buộc, Ủy ban Châu Âu thông báo cho các doanh nghiệp được lựa chọn biết, gửi bản câu hỏi điều tra và thời hạn để các bị đơn bắt buộc nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra là 30 ngày kể từ ngày thông báo quyết định lựa chọn bị đơn bắt buộc. Các bên liên quan cũng có cơ hội 03 ngày kể từ ngày thông báo lựa chọn bị đơn bắt buộc để bình luận về việc lựa chọn bị đơn bắt buộc.

Như vậy sẽ có 3 nhóm doanh nghiệp bị đơn trong một vụ điều tra, với cách xác định biên độ phá giá tương ứng cho từng nhóm:

- Nhóm 1: Nhóm doanh nghiệp được lựa chọn điều tra (Nhóm đại diện/nhóm bị đơn bắt buộc): biên độ phá giá được tính toán riêng cho mỗi doanh nghiệp trên cơ sở thông tin, số liệu thực tế thu thập được từ các doanh nghiệp đó.

- Nhóm 2: Nhóm các doanh nghiệp không được lựa chọn điều tra nhưng tự trình diện với cơ quan điều tra (đăng ký làm bên liên quan, yêu cầu cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi, nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra đầy đủ, đúng hạn) và hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra: biên độ phá giá của các doanh nghiệp thuộc nhóm này là biên độ phá giá bình quân

gia quyền của biên độ phá giá của các doanh nghiệp thuộc nhóm 1.

- Nhóm 3: Nhóm các doanh nghiệp không hợp tác với cơ quan điều tra (không trình diện với cơ quan điều tra, không tham gia vào cuộc điều tra hoặc tham gia không đầy đủ, không trung thực trong quá trình điều tra): biên độ phá giá được cơ quan điều tra tự tính toán dựa trên các dữ liệu sẵn có, thường là bất lợi.

## **2.2. Hướng dẫn ứng phó biện pháp chống trợ cấp khi xuất khẩu sang EU**

### **2.2.1. Khi nào doanh nghiệp bị điều tra chống trợ cấp**

Một vụ việc điều tra chống trợ cấp ở EU thông thường bắt nguồn từ hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất nội địa EU hoặc, trong một số trường hợp, từ Quyết định của chính Ủy ban Châu Âu (tự khởi xướng điều tra).

Hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất nội địa EU hoặc Quyết định tự khởi xướng điều tra của EU phải tập hợp đủ các thông tin ban đầu chứng minh hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp, việc hàng hóa nhập khẩu nhận trợ cấp là nguyên nhân gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa.

Đối với hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất nội địa, EU quy định cần tập hợp đầy đủ các thông tin cơ bản sau đây:

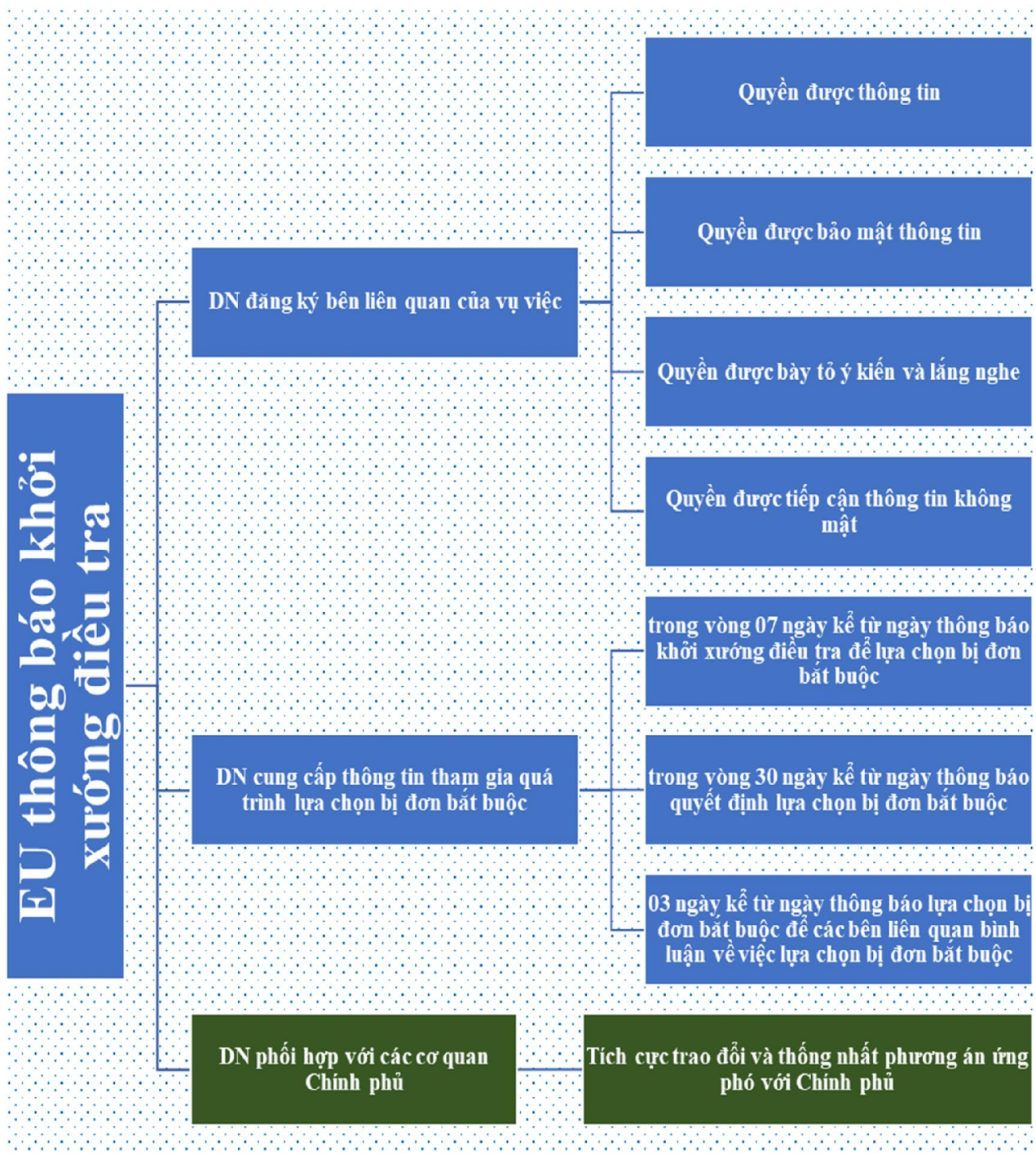
- + Sản phẩm bị cáo buộc nhận trợ cấp;
- + Thông tin về chủ thể nộp đơn với điều kiện phải đáp ứng tính đại diện cho ngành, tức là phải (i) chiếm không dưới 50% tổng sản lượng sản phẩm tương tự (với sản phẩm bị điều tra) sản xuất bởi các nhà sản xuất có ý kiến về đơn kiện (ủng hộ hoặc phản đối đơn kiện) và (ii) chiếm không dưới 25% tổng sản lượng sản phẩm tương tự (với sản phẩm bị điều tra) sản xuất ra bởi tất cả các nhà sản xuất nội địa EU (bao gồm cả những người phản đối, ủng hộ hoặc không có ý kiến gì).
- Bằng chứng về hành vi trợ cấp của Chính phủ nước xuất khẩu đối với hàng hoá có liên quan;
- Thiệt hại và mối quan hệ nhân quả của ngành sản xuất EU;
- + Lợi ích công cộng.

Đối với vụ việc chống trợ cấp, ngay khi nhận được đơn yêu cầu của ngành sản xuất EU, Cơ quan điều tra sẽ thông báo cho Chính phủ nước xuất khẩu và tạo điều kiện để Chính phủ nước xuất khẩu tham vấn, trình bày các quan điểm

lập luận cũng như đưa ra những phản hồi về các chương trình trợ cấp.

Cơ quan có thẩm quyền khởi xướng điều tra một vụ việc điều tra chống trợ cấp là Ủy ban Châu Âu. Một vụ việc điều tra chống trợ cấp chỉ được Ủy ban Châu Âu khởi xướng điều tra trong trường hợp cơ quan này xác định đơn kiện là đầy đủ và hợp lệ, nguyên đơn đủ tư cách đi kiện. Thời hạn để Ủy ban Châu Âu ra quyết định/thông báo khởi xướng điều tra là 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu.

Thông báo khởi xướng của Ủy ban Châu Âu bao gồm các nội dung sau:





- Thông tin về phạm vi hàng hóa bị điều tra: tên gọi và mô tả chi tiết, các sản phẩm được loại trừ. Thời hạn cho phép nộp thông tin bình luận về phạm vi sản phẩm cho các bên liên quan (thường là 10 ngày kể từ ngày thông báo khởi xướng).

- Tóm tắt hồ sơ yêu cầu:

+ Cáo buộc về trợ cấp

+ Cáo buộc về thiệt hại/quan hệ nhân quả và vấn đề khác (nếu có)

- Thủ tục điều tra.

Trong giai đoạn này, doanh nghiệp cũng cần lưu ý thực hiện các hoạt động như trên:

Do vụ việc điều tra chống trợ cấp sẽ đòi hỏi sự phối hợp giữa doanh nghiệp và các cơ quan Chính phủ (Bộ Công Thương là đầu mối xử lý), doanh nghiệp cần tích cực trao đổi và thống nhất phương án ứng phó với Chính phủ.

Nhìn chung quy trình điều tra chống trợ cấp của EU tương tự quy trình điều tra chống bán phá giá.

Các mốc thời gian cơ bản cần lưu ý:

Thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra	<ul style="list-style-type: none"><li>• tối đa là 37 ngày kể từ ngày ra thông báo khởi xướng điều tra</li><li>• có thể gia hạn trên cơ sở đơn yêu cầu của các bên liên quan</li></ul>
Thời hạn điều tra sơ bộ	<ul style="list-style-type: none"><li>• 2 tháng kể từ ngày khởi xướng</li></ul>
Thời hạn thẩm tra tại chỗ	<ul style="list-style-type: none"><li>• 3 tháng kể từ ngày khởi xướng</li></ul>
Thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp tạm thời	<ul style="list-style-type: none"><li>• 9 tháng kể từ ngày khởi xướng điều tra</li></ul>
Thời hạn ra quyết định cuối cùng	<ul style="list-style-type: none"><li>• 13 tháng kể từ ngày khởi xướng điều tra</li></ul>

## 2.2.2. Giai đoạn điều tra sơ bộ

### ⇒ Bản câu hỏi điều tra

Ủy ban Châu Âu sẽ gửi bản câu hỏi tới các bên liên quan để thu thập thông tin và số liệu nhằm phân tích, đánh giá về các chương trình trợ cấp, mức độ thiệt hại của ngành sản xuất EU và mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất EU.

Để thu thập số liệu tính toán mức độ trợ cấp, Ủy ban Châu Âu sẽ gửi bản câu hỏi cho các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài (ví dụ như doanh nghiệp tại Việt Nam) và cả Chính phủ nước xuất khẩu. Việc doanh nghiệp được nhận bản câu hỏi và tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra có ý nghĩa rất quan trọng về mức độ tham gia của doanh nghiệp trong quá trình điều tra. Do đó, doanh nghiệp cần theo dõi sát quá trình điều tra từ khi khởi xướng để không phải chịu mức thuế bất lợi khi kết thúc vụ việc.

Thời gian trả lời bản câu hỏi thường là 37 ngày tính từ ngày cơ quan điều tra gửi bảng câu hỏi, trừ khi doanh nghiệp gửi đơn xin gia hạn được chấp thuận. Để việc trả lời bản câu hỏi kịp thời và hiệu quả, doanh nghiệp cũng cần lưu ý thực hiện các khuyến nghị như đã nêu tại mục

1.3.1 của Cẩm nang này. Ngoài ra, trong quá trình trả lời bản câu hỏi, doanh nghiệp cần tích cực và chủ động liên hệ, trao đổi thông tin để thống nhất nội dung trả lời với bản trả lời câu hỏi của Chính phủ.

Khi đánh giá về mức độ trợ cấp, Cơ quan điều tra sẽ xem xét các chương trình dựa trên mặt giấy tờ (chương trình trợ cấp do Chính phủ ban hành) và thực tiễn thực hiện tại địa phương và chính doanh nghiệp có liên quan. Do đó, việc thống nhất nội dung trả lời giữa doanh nghiệp và Chính phủ có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác ứng phó với các vụ việc EU điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Cùng với đó, để thu thập số liệu về thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, Cơ quan điều tra sẽ gửi bản câu hỏi cho các nhà sản xuất nội địa, các nhà nhập khẩu và các bên liên quan khác.

### ⇒ Thẩm tra tại chỗ

Thẩm tra tại chỗ được thực hiện đối với cả điều tra trợ cấp, điều tra thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, theo đó Ủy ban Châu Âu thẩm tra đối với cả ngành sản xuất nội địa EU và doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài và các cơ quan Chính phủ nước xuất khẩu. Hoạt động

thẩm tra tại chỗ có thể được EU thực hiện trong giai đoạn điều tra sơ bộ hoặc điều tra chính thức hoặc không thực hiện tùy thuộc vào thời gian và tình hình của từng vụ việc điều tra.

Việc thẩm tra tại chỗ là hoạt động cần thiết nhằm mục đích Cơ quan điều tra xác minh lại các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp trong bản trả lời bản câu hỏi điều tra bằng cách đối chiếu với sổ sách, chứng từ, ghi chép thực tế của doanh nghiệp xuất khẩu xem thông tin có khớp với dữ liệu thực tế hay không, có hay không sự gian dối, che giấu, có phát hiện thêm thông tin nghi vấn gì không, có cần yêu cầu doanh nghiệp giải trình, bổ sung thêm thông tin gì không.

Hoạt động thẩm tra tại chỗ có thể được tiến hành trước khi ra báo cáo kết luận điều tra sơ bộ hoặc sau khi ra kết luận điều tra sơ bộ và trước khi ban hành kết luận cuối cùng.

Trên cơ sở các thông tin đã cung cấp trên đây về hoạt động thẩm tra tại chỗ. Để đạt kết quả kháng kiện tốt, các doanh nghiệp cần chuẩn bị cho hoạt động điều tra tại chỗ của cơ quan điều tra. Doanh nghiệp cần tham khảo các lưu ý đã khuyến nghị tại mục 1.3.2 của Cẩm nang này.

### ⇒ **Phiên điều trần công khai**

Phiên điều trần công khai được tổ chức trên cơ sở yêu cầu của các bên liên quan. Phiên điều trần có thể được tổ chức sau khi khởi xướng điều tra, trước khi ra kết luận sơ bộ hoặc trước khi ra kết luận cuối cùng.

Trong trường hợp có những lập luận, phản biện hoặc thông tin có lợi liên quan đến vụ việc, doanh nghiệp có thể chủ động gửi bản ý kiến hoặc tham gia phiên điều trần này để được Cơ quan điều tra xem xét các ý kiến.

### ⇒ **Biện pháp chống trợ cấp tạm thời**

Căn cứ trên kết luận sơ bộ, theo thủ tục tương tự như biện pháp chống bán phá giá tạm thời nêu tại mục 1.3.4. Cơ quan điều tra có thể quyết định áp dụng biện pháp chống trợ cấp tạm thời.

Khi cơ quan điều tra đã kết luận điều tra và công bố báo cáo là cơ sở ra kết luận sơ bộ và kết luận sơ bộ về vụ việc, các doanh nghiệp bị điều tra cần nghiên cứu, xem xét kỹ báo cáo kết luận điều tra, đặc biệt là căn cứ, phương pháp mà cơ quan điều tra sử dụng để ra kết luận cuối cùng. Trong trường hợp phát hiện sai sót, điểm bất hợp lý, các doanh nghiệp có thể gửi bình luận, yêu cầu cơ

quan điều tra sửa đổi, điều chỉnh.

### 2.2.3. Giai đoạn điều tra cuối cùng

Sau khi ban hành kết luận sơ bộ, trong giai đoạn điều tra cuối cùng, cơ quan điều tra chủ yếu xem xét, phân tích, đánh giá lại các thông tin đã thu thập trong giai đoạn điều tra sơ bộ. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan điều tra có thể yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung hoặc thẩm tra lại nếu cần. Như đã nói ở mục trên, việc thẩm tra tại chỗ và tham vấn công khai cũng có thể được tiến hành trong giai đoạn này.

Sau khi kết thúc giai đoạn điều tra cuối cùng cũng như xem xét các lợi ích công cộng, trước khi ban hành kết luận áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc chấm dứt vụ việc, cán bộ điều tra tập hợp, tóm tắt tài liệu và ra báo cáo về kết quả điều tra cuối cùng trình Ủy ban Châu Âu. Các bên liên quan có quyền trình bày quan điểm, lập luận của mình (bằng văn bản) về báo cáo này trong thời gian do Ủy ban Châu Âu quy định.

Quy trình ban hành quyết định cuối cùng của Ủy ban Châu Âu về vụ việc được tiến hành tương tự như trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã nêu tại mục 1.5 của Cẩm

nang này. Nội dung áp dụng biện pháp chính thức:

+ Kết luận điều tra cuối cùng khẳng định: có hành vi bán phá giá trên mức “không đáng kể” tức mức trợ cấp từ 2% trở lên (đối với nước đang phát triển như Việt Nam), ngành sản xuất nội địa của EU chịu thiệt hại đáng kể, có mối quan hệ nhân quả phá giá-thiệt hại.

+ Lợi ích công cộng không bị ảnh hưởng nếu áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

### 2.3.4. Giai đoạn sau khi áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Theo quy định của EU, sau khi biện pháp chống trợ cấp chính thức được áp dụng, các thủ tục điều tra sau đây có thể được tiến hành:

- Rà soát giữa kỳ;
- Rà soát cuối kỳ;
- Điều tra rà soát nhà xuất khẩu mới;
- Điều tra chống lẩn tránh thuế.

Các thủ tục và khuyến nghị đối với doanh nghiệp trong giai đoạn sau khi áp dụng biện pháp chống trợ cấp chính thức tương tự như đối với biện pháp chống bán phá giá, doanh nghiệp có thể tham khảo mục 1.6 của Cẩm nang này.

## 2.3. Hướng dẫn ứng phó biện pháp tự vệ khi xuất khẩu sang EU

### 2.3.1. Khi nào EU điều tra tự vệ

Khác với biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ sẽ không được gửi trực tiếp tới Ủy ban Châu Âu. Hồ sơ yêu cầu của ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại bởi sự gia tăng hàng hóa nhập khẩu sẽ được gửi tới cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên mà doanh nghiệp đó có trụ sở. Khi nhận được đơn yêu cầu điều tra từ ngành sản xuất trong nước, quốc gia thành viên phải thông báo tới Ủy ban châu Âu – cơ quan hành pháp cao nhất của EU, và EC sẽ ngay lập tức chuyển thông tin tới tất cả các quốc gia thành viên<sup>14</sup>. Ủy ban tự vệ sẽ là cơ quan của EC chịu trách nhiệm về các cuộc điều tra tự vệ<sup>15</sup>.

Trước khi áp dụng bất kỳ biện pháp tự vệ, EU sẽ tiến hành một cuộc điều tra để xác định việc tăng đột biến lượng nhập

khẩu hàng hóa bị điều tra có hay không gây ra thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước<sup>16</sup>. Trường hợp EC không có đủ bằng chứng để chứng minh một cuộc điều tra, EC sẽ thông báo tới các quốc gia thành viên về quyết định của mình trong vòng 1 tháng kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin từ các quốc gia thành viên<sup>17</sup>.

Sau khi nhận được đơn yêu cầu điều tra từ quốc gia thành viên, Ủy ban tự vệ cần điều tra, xác nhận các thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất trong nước để xem xét có hay không khởi xướng một cuộc điều tra. Thời hạn để xem xét khởi xướng một cuộc điều tra trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông tin từ quốc gia thành viên. Trong trường hợp khởi xướng điều tra, EC sẽ phải thông báo công khai tại Tạp chí chính thức của EU (Official Journal of the European Union), loại văn bản series C<sup>18</sup>.

---

<sup>14</sup> Điều 2, Luật EU 2015/478

<sup>15</sup> Điều 3.1, Luật EU 2015/478

<sup>16</sup> Điều 4, Luật EU 2015/478

<sup>17</sup> Điều 5.7, Luật EU 2015/478

<sup>18</sup> Điều 5.1, Luật EU 2015/478

Thông báo khởi xướng điều tra bao gồm các thông tin sau: tóm tắt về các thông tin đã nhận được bởi EC; giai đoạn điều tra thiệt hại, thời gian các bên quan tâm có thể đưa ra bình luận và cung cấp thông tin thông tin bằng việc trả lời bản câu hỏi do EC cung cấp, thời gian các bên quan tâm có thể đăng ký tham gia phiên điều trần của EC. Bên cạnh đó, trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được các thông tin từ các quốc gia thành viên, EC sẽ cung cấp các thông tin đã được xem xét tới các quốc gia thành viên liên quan<sup>19</sup>.

Là một thành viên của WTO, EU phải “lập tức” thông báo tới Ủy ban tự vệ của WTO về việc khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ<sup>20</sup>. Trên thực tế, EU thường thông báo tới Ủy ban tự vệ của WTO trong vòng một tuần kể từ ngày khởi xướng điều tra. Theo cam kết tại EVFTA, khi khởi xướng một cuộc điều tra tự vệ toàn cầu, theo yêu cầu của Việt

Nam, EU phải ngay lập tức thông báo tạm thời bằng văn bản về tất cả các thông tin phù hợp dẫn đến khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu, và tùy trường hợp, dẫn đến việc đề xuất áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu, bao gồm các kết luận tạm thời<sup>21</sup>.

Sau khi nhận được thông tin về việc EU khởi xướng điều tra biện pháp tự vệ, các bên liên quan có thể gửi yêu cầu tham gia phiên điều trần được tổ chức bởi EC trong thời gian quy định theo thông báo trên Tạp chí chính thức của EU để đưa ra các quan điểm của mình và cung cấp các thông tin liên quan<sup>22</sup>.

Như vậy, ngay khi EU khởi xướng điều tra biện pháp tự vệ, Việt Nam sẽ nhận được thông tin về vụ việc, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa bị điều tra cần nghiên cứu các tài liệu và chuẩn bị các nội dung phản biện phù hợp trong quá trình tham gia vụ việc.

---

<sup>19</sup> Điều 5.1, Luật EU 2015/478

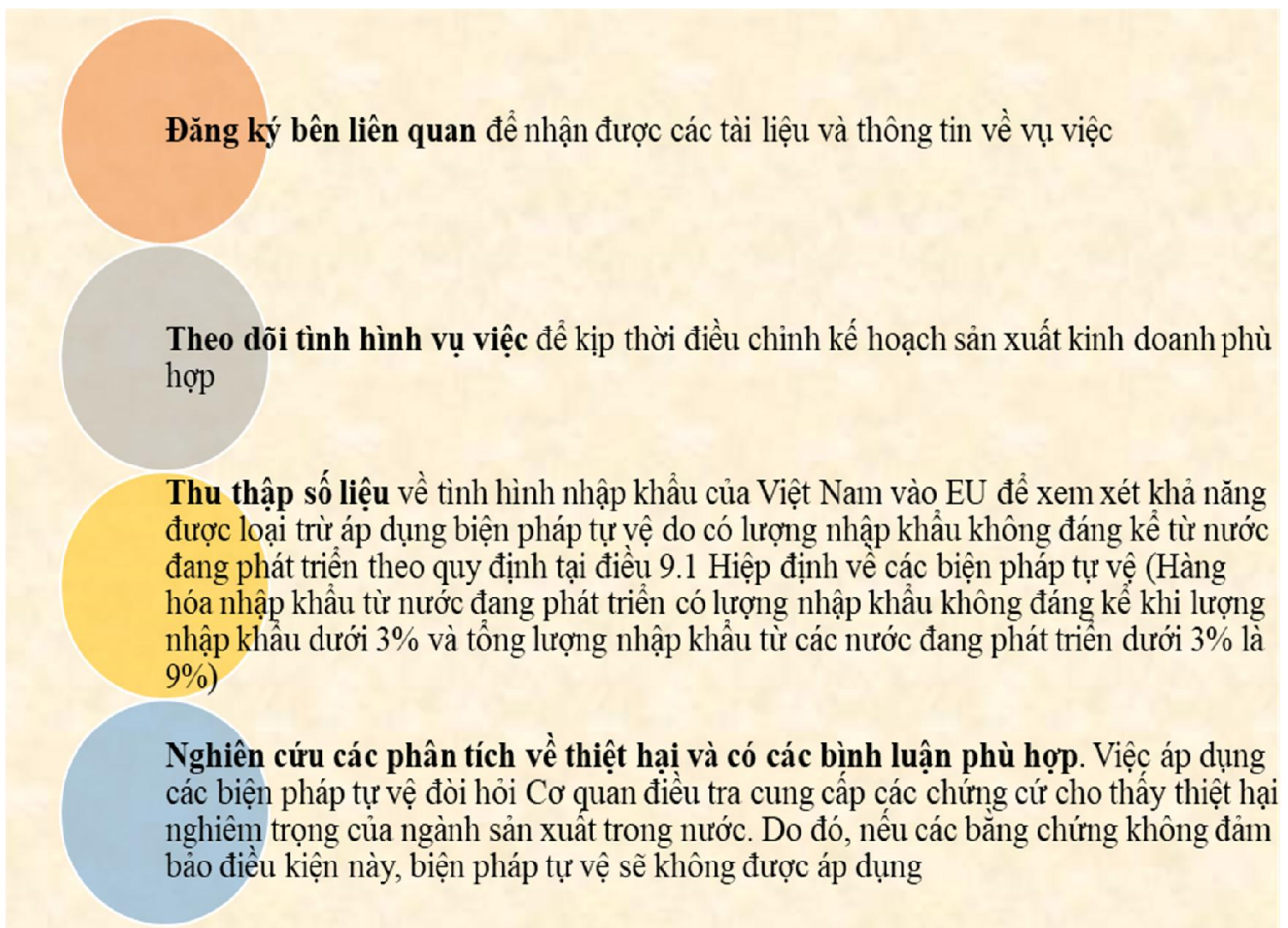
<sup>20</sup> Điều 12.1 (a), Hiệp định về Tự vệ của WTO

<sup>21</sup> Điều 3.7, Hiệp định EVFTA

<sup>22</sup> Điều 5.5, Luật EU 2015/478

### 2.3.2. Giai đoạn điều tra sơ bộ

Việc điều tra sơ bộ biện pháp tự vệ chủ yếu được thực hiện thông qua hoạt động thu thập thông tin số liệu và xác minh số liệu về tình hình gia tăng nhập khẩu cũng như đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Với vụ việc điều tra biện pháp tự vệ, Cơ quan điều tra không cần thiết phải tìm kiếm thông tin số liệu từ doanh nghiệp xuất khẩu mà chủ yếu dựa trên số liệu của nhà nhập khẩu, thương mại, nhà sản xuất và các cơ quan tổ chức có liên quan. Do đó, sự tham gia của doanh nghiệp xuất khẩu như Việt Nam trong các vụ việc này là không nhiều. Trong quá trình Cơ quan điều tra EU tiến hành điều tra biện pháp tự vệ, doanh nghiệp Việt Nam có liên quan cần:



Căn cứ trên kết quả điều tra về sự gia tăng nhập khẩu, thiệt hại của ngành sản xuất EU và mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. EU có thể quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời nếu việc trì hoãn có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng khó có thể khắc phục.

Thời gian áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời không quá 200 ngày. Biện pháp tự vệ tạm thời chỉ được áp dụng dưới hình thức bổ sung thuế nhập khẩu, bất kể thuế xuất khẩu đang bằng 0 hoặc cao hơn, nhằm ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước. Trong trường hợp kết luận cuối cùng là không tìm thấy thiệt hại hoặc mối đe dọa thiệt hại nghiêm trọng tồn tại, tiền thuế thu được từ biện pháp tạm thời phải tự động được hoàn trả cho bên đã nộp sớm nhất có thể<sup>23</sup>.

### 2.3.3. Giai đoạn điều tra cuối cùng

Biện pháp tự vệ cuối cùng có thể áp dụng dưới hình thức tăng thuế nhập khẩu hoặc đặt hạn ngạch xuất khẩu.

Khi đưa ra được kết luận áp dụng biện pháp tạm thời, EC sẽ đệ trình dự thảo biện pháp tự vệ lên Hội đồng Châu Âu và các nước thành viên để đưa ra quyết định áp dụng hay bãi bỏ biện pháp đó bằng việc bỏ phiếu theo số đông:

+ Nếu Hội đồng Châu Âu và các nước thành viên đồng thuận với việc áp dụng biện pháp, EU sẽ thông qua áp dụng biện pháp tự vệ cuối cùng.

+ Nếu một Nước thành viên phản đối kết luận của Cơ quan điều tra, ý kiến này sẽ được chuyển tới Hội đồng Châu Âu trong vòng 1 tháng kể từ ngày ban hành kết luận điều tra. Trong vòng 3 tháng, Hội đồng Châu Âu sẽ xem xét và quyết định về việc áp dụng/sửa đổi/không áp dụng biện pháp tự vệ chính thức.

Cơ quan điều tra EU hoàn tất cuộc điều tra kể từ ngày khởi xướng trong vòng 9 tháng, trường hợp cần thiết có thể kéo dài nhưng không quá 2 tháng.

EU phải công khai các quy định về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời (provisional safeguard measures) cũng như biện pháp tự vệ cuối cùng (definitive safeguard measure) lên Công báo của EU, tại Mục L.

Doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý rằng biện pháp tự vệ không được áp dụng đối với các quốc gia đang phát triển có thị phần xuất khẩu hàng hóa bị điều tra không vượt quá 3% tổng sản lượng nhập khẩu hàng hóa đó vào EU, và tổng lượng nhập khẩu của tất cả các nước đang phát triển này chiếm không quá 9% tổng lượng nhập khẩu hàng hóa đó vào EU<sup>24</sup>. Doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ nội

<sup>23</sup> Điều 7, Luật EU 2015/478

<sup>24</sup> Điều 18, Luật EU 2015/478



dung này để đưa ra các phản hồi trong trường hợp EU chưa tính toán đúng về tỷ lệ nhập khẩu.

Thời hạn tự vệ được áp dụng không quá 4 năm bao gồm cả thời gian áp dụng bất kỳ biện pháp tự vệ tạm thời nào và phải giảm dần theo định kỳ sau năm đầu tiên áp dụng. Nếu thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ nhiều hơn 1 năm, thì biện pháp tự vệ phải được nới lỏng dần dần so với lúc biện pháp bắt đầu được áp dụng, bao gồm cả trong thời gian gia hạn biện pháp tự vệ<sup>25</sup>.

#### **2.3.4. Rà soát giữa kỳ và rà soát cuối kỳ**

Rà soát giữa kỳ và rà soát cuối kỳ là thủ tục mà Cơ quan điều tra thực hiện để xem xét việc duy trì hay gia hạn là cần thiết để ngăn chặn thiệt hại và ngành sản xuất liên quan đang tiến hành tự điều chỉnh, gia hạn có thể được thông qua. Tổng thời gian áp dụng biện pháp tự vệ bao gồm thời gian áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời, áp dụng biện pháp cuối cùng và gia hạn không quá 8 năm<sup>26</sup>.

Mọi thông báo về quyết định gia hạn

được EU phải lập tức thông báo lên Ủy ban tự vệ của WTO.

Các mốc thời gian liên quan đến việc áp dụng biện pháp tự vệ cần được doanh nghiệp theo dõi để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

#### **2.3.5. Bồi thường**

EU phải bồi thường tổn thất thương mại cho các nước xuất khẩu liên quan, có thể theo hình thức tự nguyện giảm thuế nhập khẩu cho một số nhóm hàng hóa khác đến từ các nước xuất khẩu đó.

EU phải tiến hành thương lượng với các nước xuất khẩu về biện pháp đền bù thương mại thỏa đáng. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, các nước xuất khẩu có thể áp dụng biện pháp trả đũa (có thể rút lại những nghĩa vụ nhất định trong WTO), bao gồm rút lại nhượng bộ về thuế quan-tức là từ chối giảm thuế theo cam kết WTO-đối với EU.

Tuy nhiên, việc trả đũa không thể được thực hiện trong 3 năm đầu kể từ khi biện pháp tự vệ được áp dụng.

---

<sup>25</sup> Điều 19.4, Luật EU 2015/478

<sup>26</sup> Khoản 3, 5, Điều 19, Luật EU 2015/478

### 3. Ứng phó với các vụ việc từ Vương quốc Anh

Sau khi tách ra từ EU, Vương quốc Anh đã xây dựng thể chế PVTM riêng cho mình trên nền tảng pháp luật của EU. Vì vậy, về cơ bản khi ứng phó với các vụ việc từ Vương quốc Anh, các doanh nghiệp cũng cần lưu ý các vấn đề tương tự như vụ việc từ EU. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần nắm được một số đặc điểm riêng trong quá trình điều tra vụ việc PVTM của Vương quốc Anh mà dưới đây cầm nang khái quát.

Cách một cuộc điều tra có thể được bắt đầu khi có các yêu cầu để bắt đầu một cuộc điều tra được quy định trong luật của Vương quốc Anh. Các cuộc điều tra có thể được bắt đầu khi một ngành công nghiệp của Vương quốc Anh có khả năng bị thiệt hại bởi các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hoặc trong những trường hợp đặc biệt, bởi Bộ trưởng DIT.

#### 3.1. Khởi xướng điều tra

Cụ thể, khi TRA bắt đầu một cuộc điều tra sẽ thực hiện các động thái sau:

Điều tra bán phá giá

+ Thông báo cho chính phủ nước ngoài

có liên quan

+ Công bố thông báo khởi xướng

+ Thông báo cho Bộ trưởng và các bên liên quan

Điều tra trợ cấp

+ Trước khi bắt đầu, mời chính phủ nước ngoài tham gia tham vấn

+ Công bố thông báo khởi xướng

+ Thông báo cho Bộ trưởng và các bên liên quan, bao gồm cả chính phủ nước ngoài có liên quan

Điều tra tự vệ

+ Công bố thông báo khởi xướng

+ Thông báo cho Bộ trưởng và các bên liên quan

Có một lưu ý đối với các cuộc điều tra tự vệ thường không được bắt đầu theo cách giống như các cuộc điều tra bán phá giá hay trợ cấp, quy trình khởi xướng không cần thông báo hay mời tham vấn cho chính phủ nước ngoài có liên quan. Điều này là do hạn ngạch thuế quan hoặc thuế suất có thể được đưa ra ngay sau khi bắt đầu để bù đắp cho sự gia tăng nhập khẩu.

**Bảng so sánh các bước cần thiết để bắt đầu từng loại điều tra<sup>27</sup>**

Các bước cần thiết để bắt đầu điều tra	Bán phá giá	Trợ cấp	Tự vệ
Mời chính phủ nước ngoài tham gia tham vấn	Không	Có	Không*
Thông báo cho chính phủ nước ngoài khi vụ việc được khởi xướng	Có	Có	Không*
Công bố thông báo khởi xướng	Có	Có	Có
Thông báo cho Bộ trưởng và các bên liên quan	Có	Có	Có

\* Các biện pháp tự vệ sẽ áp dụng đối với tất cả các quốc gia ngoại trừ những quốc gia được miễn trừ cụ thể.

**Bảng so sánh thời gian tiến hành các loại điều tra của TRA**

Loại điều tra	Đối tượng điều tra	Thời hạn điều tra	Hiệp định WTO	Quy định của Vương
<b>Bán phá giá</b>	Hàng hoá nhập khẩu với giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường tại nước của người xuất khẩu, gây thiệt hại nghiêm	11 đến 13 tháng	Hiệp định chống bán phá giá	the D&S Regs
<b>Trợ cấp</b>	Hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp ngược chiều gây thiệt hại về vật chất	11 đến 13 tháng	Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng	the D&S Regs
<b>Các biện pháp bảo vệ</b>	Nhập khẩu tăng đột biến không lường trước được gây ra thiệt hại nghiêm trọng	8 đến 10 tháng	Thỏa thuận về các biện pháp bảo vệ	the Safeguarding Regs

<sup>27</sup> <https://www.gov.uk/government/publications/the-uk-trade-remedies-investigations-process/an-introduction-to-our-investigations-process>

### 3.2. Phạm vi điều tra

Phạm vi điều tra được giới hạn trong một mô tả hàng hóa cụ thể và TRA sẽ nêu rõ điều này trong thông báo khởi xướng.

Trong một số trường hợp, TRA có thể sửa đổi phạm vi điều tra sau thông báo khởi xướng. Điều này có thể dẫn đến các thay đổi đối với:

- mô tả hàng hóa liên quan;
- khoảng thời gian điều tra;
- các khoản trợ cấp bị cáo buộc (chỉ dành cho các cuộc điều tra trợ cấp).

Để xác định việc sửa đổi phạm vi điều tra, TRA căn cứ vào các yếu tố:

- việc sửa đổi phạm vi điều tra có dẫn đến việc bắt đầu một cuộc điều tra hay không;
- việc sửa đổi phạm vi điều tra có thể ảnh hưởng đến lợi ích của bất kỳ bên liên quan hoặc bên hợp tác nào hay không;
- việc sửa đổi phạm vi điều tra có làm trì hoãn nghiêm trọng và ngăn cản TRA tiến hành cuộc điều tra một cách kịp thời hay không.

Nếu sửa đổi phạm vi điều tra, TRA sẽ cung cấp cho tất cả các bên quan tâm và bên hợp tác lý do cho việc sửa đổi được đề xuất và cơ hội để bình luận. Sau đó, TRA sẽ ra thông báo bắt đầu sửa đổi.

### 3.3. Đăng ký các bên liên quan và bên hợp tác

Sau khi bắt đầu điều tra, TRA sẽ ấn định một khoảng thời gian để các bên liên quan và bên hợp tác liên hệ đăng ký. Đây được gọi là khoảng thời gian đăng ký. Các bên nên đăng ký trực tuyến thông qua Dịch vụ Biện pháp Thương mại. TRA có thể xem xét các yêu cầu được đưa ra sau thời gian đăng ký trên theo tùy từng trường hợp.

*Sự khác biệt giữa các bên liên quan và bên hợp tác*

	Bên liên quan	Bên hợp tác
Thành phần	<p>Đề cập đến bất kỳ bên nào liên quan trực tiếp đến cuộc điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>chính phủ nước ngoài;</li> <li>nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa liên quan;</li> <li>nhà sản xuất hàng hóa tương tự của Anh;</li> <li>hiệp hội ngành hàng hoặc đại diện cho một hoặc nhiều bên liên quan nêu trên.</li> </ul>	<p>Cá nhân hoặc tổ chức không phải là một bên liên quan nhưng đã đăng ký với TRA để có thể tham gia vào cuộc điều tra hoặc rà soát bằng cách tham gia vào các phiên tham vấn hoặc gửi thông tin bổ sung.</p>
Quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra các yêu cầu: tham vấn, rà soát tạm thời, rà soát <i>hấp thụ</i> (rà soát tác động của biện pháp), rà soát lẫn tránh biện pháp hoặc rà soát phạm vi; đình chỉ biện pháp tự vệ</li> <li>- Đưa ra ý kiến đối với: việc Công bố dữ liệu trọng yếu, Công bố Dự thảo Quyết định chính thức, cách TRA đã sử dụng thông tin của họ và mô tả đánh giá của TRA</li> </ul>	<p>Không có các quyền như bên liên quan</p>
Vai trò	<p>Vai trò của các bên liên quan và bên hợp tác trong một số trường hợp có thể tương đương nhau. Ví dụ: TRA sẽ yêu cầu thông tin tương tự từ cả hai nhóm và sẽ xác minh thông tin từ họ theo cách tương tự.</p>	

### 3.4. Thời kỳ điều tra

TRA sẽ phân tích dữ liệu ngành liên quan đến một khoảng thời gian cụ thể trước khi vụ việc bắt đầu - đây được coi là thời kỳ điều tra.

#### 3.4.1. Đối với điều tra bán phá giá và trợ cấp

Thời kỳ điều tra là khoảng thời gian mà TRA thu thập dữ liệu từ các bên liên quan để đánh giá vụ việc. Thời kỳ điều tra AD/CVD thường là một năm với điểm kết thúc vào cuối tháng dương lịch. Khi ngành công nghiệp Vương quốc Anh sử dụng các năm tài chính tương tự, thời kỳ điều tra nói chung sẽ kết thúc vào ngày cuối cùng của một quý tài chính. Tuy nhiên, TRA sẽ quyết định điều này trong từng trường hợp cụ thể. TRA cũng có thể tuân theo một thông lệ khác cần thiết để phù hợp với các yếu tố khác của cuộc điều tra.

#### Sự khác biệt giữa thời kỳ điều tra AD/CVD và thời kỳ điều tra thiệt hại

Giai đoạn điều tra AD/CVD	Giai đoạn điều tra thiệt hại
12 tháng trước ngày khởi xướng	Gồm giai đoạn điều tra và 36 tháng ngay trước giai đoạn này (tức là tổng cộng 48 tháng).

#### 3.4.2. Đối với điều tra tự vệ

Không có quy định về khoảng thời gian nhất định cho thời kỳ điều tra cho một cuộc điều tra tự vệ. TRA sẽ sử dụng một khoảng thời gian thích hợp cung cấp đủ dữ liệu để đánh giá liệu có xảy ra sự gia tăng nhập khẩu hay không, xem xét các xu hướng nhập khẩu trong toàn bộ giai đoạn điều tra, đặc biệt là trong giai đoạn trước khi khởi xướng.

TRA có thể áp dụng khoảng thời gian điều tra từ 3 đến 5 năm trước khi khởi xướng điều tra tự vệ.

### 3.5. Bản câu hỏi

#### *Mục đích và nội dung của bản câu hỏi*

Để thực hiện các cuộc điều tra của mình, TRA yêu cầu thông tin từ các bên liên quan và bên hợp tác. Những thông tin này bao gồm hồ sơ kế toán, dữ liệu cụ thể của công ty và thông lệ định giá cũng như các chỉ số về hoạt động kinh tế của ngành công nghiệp Vương quốc Anh. TRA có thể lấy thông tin này thông qua bản câu hỏi được phát hành cho các bên và bất kỳ nhóm nào khác mà TRA cho là có liên quan.

TRA sẽ gửi bản câu hỏi cho từng loại bên liên quan hoặc bên hợp tác (ví dụ: nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu). Điều này là do các yếu tố khác nhau trong cuộc điều tra của TRA yêu cầu thông tin khác nhau từ mỗi nhóm.

Đối với các cuộc điều tra về bán phá giá và trợ cấp, TRA sẽ tìm cách đưa ra bản câu hỏi cho tất cả các bên liên quan và bên hợp tác đã đăng ký với TRA và tất cả các bên được xác định trong đơn đăng ký. Cần lưu ý rằng TRA thường sẽ không gửi bản câu hỏi cho các chính phủ nước ngoài trong các trường hợp điều tra bán phá giá. Việc lấy mẫu có thể được sử

dụng trong một số trường hợp nhất định. Thông tin thêm về điều này có thể được tìm thấy trong hướng dẫn lấy mẫu của TRA.

Trong các cuộc điều tra về biện pháp tự vệ, TRA có thể gửi bản câu hỏi cho bất kỳ bên nào trong số các bên nêu trên.

#### *Thời hạn trả lời bản câu hỏi*

TRA sẽ đặt ra thời hạn để các bên liên quan trả lời bản câu hỏi và gửi lại TRA, có thể gia hạn cho từng trường hợp cụ thể với cam kết bảo đảm sự công bằng cho tất cả các bên.

#### *Thông báo thiếu sót*

Nếu nhận thấy thông tin được cung cấp trong bản câu hỏi được trả lại là không đầy đủ, TRA có thể đưa ra thông báo cho bên liên quan hoặc bên hợp tác để yêu cầu bổ sung thêm thông tin. Đây được gọi là thông báo thiếu sót.

Các lý do phổ biến nhất khiến thông báo thiếu sót được đưa ra là thông tin bị bỏ sót, có định dạng không chính xác hoặc không đạt tiêu chuẩn được yêu cầu. TRA sẽ gửi thông báo thiếu sót và thời hạn bổ sung thông tin theo hình thức trực tuyến thông qua Dịch vụ Phòng vệ Thương mại.

### 3.6. Chọn mẫu điều tra

Trong trường hợp một vụ việc liên quan đến một số lượng lớn sản phẩm hoặc các bên riêng lẻ, TRA có thể xem xét thu hẹp phạm vi thông tin để tiến hành điều tra. TRA sẽ gửi bản câu hỏi lấy mẫu trước cho tất cả các nhóm liên quan. Dựa trên các câu trả lời, TRA có thể chọn một mẫu nhà xuất khẩu, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc sản phẩm để xem xét (bị đơn bắt buộc).

TRA có thể sử dụng lấy mẫu trong tất cả các loại điều tra và rà soát có liên quan, bao gồm cả rà soát chuyên đổi.

TRA có thể sử dụng phương pháp lấy mẫu để xác định:

- giá xuất khẩu hoặc giá trị thông thường của hàng hóa;
- số tiền trợ cấp;
- thiệt hại đáng kể hoặc nghiêm trọng.

Khi thích hợp, TRA có thể sử dụng lấy mẫu cho:

- nhà xuất khẩu ở nước ngoài;
- nhà nhập khẩu;
- chủng loại hàng hóa;
- Nhà sản xuất Vương quốc Anh;

- Các giao dịch của Vương quốc Anh liên quan đến việc mua những hàng hóa tương tự;

- bất cứ điều gì khác mà TRA cho là phù hợp.

#### *Phương pháp chọn mẫu*

TRA sẽ quyết định bên nào cần lấy mẫu bằng cách sử dụng dữ liệu từ các bản câu hỏi trước khi lấy mẫu. Để tính toán biên độ bán phá giá, TRA có thể lấy mẫu dựa trên một trong các kết quả sau:

- khối lượng xuất khẩu lớn nhất mà chúng tôi có thể điều tra một cách hợp lý;
- một phương pháp thống kê hợp lệ khác.

Đối với tất cả các yếu tố khác trong cuộc điều tra, TRA có thể sử dụng bất kỳ phương pháp hợp lý nào để chọn mẫu và sẽ xác định cách tiếp cận phù hợp nhất để sử dụng trong từng trường hợp cụ thể.

Trong các trường hợp bán phá giá, TRA sẽ công bố danh sách các mẫu đề xuất của các nhà xuất khẩu ở nước ngoài và các nhà nhập khẩu ở Vương quốc Anh trên Dịch vụ Phòng vệ Thương mại và lấy ý kiến. Sau đó TRA sẽ hoàn thiện mẫu và gửi bản câu hỏi cho các bên



được lấy mẫu.

#### *Các bên không được chọn mẫu*

Các nhà xuất khẩu ở nước ngoài được chọn mẫu (bị đơn bắt buộc) và hợp tác với cuộc điều tra của TRA sẽ được tính thuế suất riêng. Các nhà xuất khẩu không được chọn mẫu cũng có thể yêu cầu TRA tính một mức lợi nhuận riêng cho họ. TRA sẽ chấp nhận yêu cầu này và tính mức thuế suất riêng cho họ trừ khi điều này quá phức tạp và ngăn cản việc hoàn thành điều tra kịp thời hạn.

#### *Các mức thuế khác nhau khi chọn mẫu được sử dụng*

Khi chọn mẫu các nhà xuất khẩu trong các cuộc điều tra bán phá giá và trợ cấp, TRA sẽ đặt ra các mức thuế suất khác nhau cho các bên được chọn mẫu và không được chọn mẫu.

Đầu tiên, TRA sẽ đặt mức thuế suất riêng cho từng nhà xuất khẩu hợp tác mà TRA đưa vào mẫu của mình. Sau đó, TRA sẽ đặt ra một mức thuế duy nhất cho tất cả các nhà xuất khẩu hợp tác, không chọn mẫu. Đây sẽ là tỷ lệ bình quân gia quyền đối với các nhà xuất khẩu hợp tác được chọn mẫu.

Cuối cùng, TRA sẽ thiết lập một mức thuế suất duy nhất cho tất cả các nhà

xuất khẩu khác, bao gồm các nhà xuất khẩu không hợp tác và các nhà xuất khẩu mới. Đây được gọi là tỷ lệ còn lại. TRA sẽ quy định tỷ lệ này theo từng trường hợp cụ thể.

#### *Định nghĩa ngành công nghiệp Vương quốc Anh*

Trong các cuộc điều tra về bán phá giá và trợ cấp, ngành công nghiệp của Vương quốc Anh được xác định là:

- tất cả các nhà sản xuất hàng hóa tương tự ở Vương quốc Anh;
- một nhóm những người sản xuất có sản lượng chung của những hàng hóa tương tự chiếm tỷ trọng chính trong tổng sản lượng hàng hóa đó ở Anh.

Trong mỗi cuộc điều tra, TRA sẽ xác định 1 trong 2 định nghĩa trên và do đó các nhà sản xuất ở Vương quốc Anh cấu thành “ngành công nghiệp của Vương quốc Anh” đối với hàng hóa cụ thể dựa trên những gì phù hợp nhất cho cuộc điều tra đó. TRA sẽ sử dụng điều này làm cơ sở cho các tính toán liên quan, chẳng hạn như xác định xem ngành công nghiệp của Vương quốc Anh có bị / đang bị thiệt hại hay không và xác định mức độ thiệt hại.

Trong các trường hợp tự vệ, TRA sẽ

áp dụng cách tiếp cận tương tự, mặc dù đối với vụ việc tự vệ TRA sử dụng định nghĩa "các nhà sản xuất ở Vương quốc Anh" thay vì "công nghiệp của Vương quốc Anh".

Khi chọn mẫu các nhà sản xuất Vương quốc Anh, TRA sẽ chọn mẫu từ các nhà sản xuất Vương quốc Anh mà TRA đã xác định là cấu thành ngành công nghiệp Vương quốc Anh.

*Bỏ qua các nhà sản xuất Vương quốc Anh*

Trong các vụ việc bán phá giá và trợ cấp, TRA có thể bỏ qua bất kỳ nhà sản xuất nào của Vương quốc Anh:

- nhập hàng hóa liên quan;
- có liên quan đến nhà nhập khẩu / nhà xuất khẩu ở nước ngoài của hàng hóa có liên quan nếu TRA cho rằng mối quan hệ đó khiến nhà sản xuất có hành vi khác với các nhà sản xuất khác, không liên quan của hàng hóa tương tự ở Vương quốc Anh.

Nếu TRA bỏ qua các nhà sản xuất riêng lẻ của Vương quốc Anh trong cuộc điều tra, họ sẽ bị loại khỏi phạm vi về ngành / nhà sản xuất của Vương quốc Anh và bất kỳ rà soát nào có liên quan, chẳng hạn như rà soát thiệt hại.

TRA sẽ xác định ảnh hưởng của mối quan hệ đối với nhà sản xuất dựa trên hoàn cảnh của vụ việc và thông tin có sẵn cho TRA vào thời điểm đó. Trong trường hợp này, "hành vi khác" thường ám chỉ việc chịu thiệt hại theo cách khác và / hoặc tương tác với cuộc điều tra khác với các nhà sản xuất khác, không liên quan. Nói chung, TRA sẽ bỏ qua một nhà sản xuất ở Vương quốc Anh khi đáp ứng các lý do để bỏ qua họ trên cơ sở mối quan hệ với một nhà nhập khẩu / xuất khẩu ở nước ngoài.

### **3.7. Thẩm tra số liệu**

Việc xác minh giúp TRA thiết lập bộ dữ liệu chính xác và hợp lý cho cuộc điều tra.

Bản phân tích ban đầu nhằm thiết lập dữ liệu đầy đủ và đáng tin cậy để tính toán các biện pháp phòng vệ thương mại. TRA sử dụng phân tích này để xác định các câu hỏi và phạm vi cụ thể cần xem xét trong quá trình xác minh thêm.

Trong quá trình phân tích tại bàn, TRA có thể kiểm tra tính đầy đủ của thông tin. Từ đó, TRA có thể gửi thông báo thiếu hụt.

TRA cũng có thể tiến hành xác minh để đánh giá nguồn gốc và tính hợp lệ của

thông tin được gửi. Từ đó, TRA sẽ quyết định đến thăm tra các công ty để đánh giá tính đầy đủ, mức độ liên quan và độ chính xác của dữ liệu của họ. Các cuộc thăm tra thường sẽ diễn ra tại cơ sở của bên liên quan. Thời gian thăm tra khoảng vài ngày đối với các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu ở nước ngoài, hoặc một ngày đối với các nhà nhập khẩu.

### **3.8. Sử dụng thông tin và dữ kiện có sẵn**

TRA có thể coi một bên liên quan là bất hợp tác nếu họ không hợp tác với cuộc điều tra hoặc cản trở đáng kể tiến trình của cuộc điều tra. Khi đó, TRA có thể bỏ qua bất kỳ thông tin nào mà họ cung cấp. Nếu một bên liên quan không hợp tác và TRA không cung cấp thông tin liên quan, điều này có thể dẫn đến kết quả kém thuận lợi hơn cho họ - ví dụ: nó có thể ảnh hưởng đến mức thuế áp dụng cho họ.

TRA sẽ không cho rằng một bên bất hợp tác nếu họ đã cố gắng hết khả năng để hợp tác với TRA.

Trong các cuộc điều tra, TRA sẽ xem xét thông tin được cung cấp bất kỳ bên liên quan, bên hợp tác hoặc bên nào khác mà TRA đã yêu cầu thông tin, miễn là thông tin đó:

- có thể xác minh được;
- đã được gửi một cách thích hợp (theo cách mà TRA có thể sử dụng thông tin mà không gặp khó khăn quá mức);
- đã được cung cấp cho TRA đúng thời hạn;
- đã được cung cấp theo mẫu TRA yêu cầu.

TRA sẽ đưa ra lý do nếu bỏ qua thông tin từ một bên liên quan trong Công bố về dữ liệu trọng yếu hoặc Quyết định chính thức.

Trong trường hợp hồ sơ chỉ hoàn thành một phần, TRA sẽ sử dụng dữ kiện có sẵn. TRA sẽ không bỏ qua tất cả các dữ liệu chỉ vì một số phần không hoàn chỉnh như mong muốn. TRA sẽ xem xét điều này trên cơ sở từng trường hợp cụ thể.

'Dữ kiện có sẵn' có thể bao gồm thông tin:

- có trong Hồ sơ yêu cầu;
- từ các bên liên quan khác trong cuộc điều tra;
- từ các nguồn thứ cấp khác;

Khi sử dụng 'dữ kiện có sẵn', TRA sẽ

chọn lọc đặc biệt và có thể xác minh thông tin từ các nguồn thứ cấp. Điều này bao gồm thông tin trong hồ sơ yêu cầu.

TRA sẽ giải thích cách thức đi đến bất kỳ quyết định nào dựa trên 'dữ kiện có sẵn' và nêu chi tiết bất kỳ thông tin hỗ trợ nào mà TRA đã sử dụng, bao gồm:

- bảng giá đã công bố;
- thống kê nhập khẩu chính thức;
- thông tin về việc hoàn thuế;
- thông tin từ các bên liên quan khác.

### 3.9. Xử lý thông tin bí mật

TRA sẽ coi dữ liệu là mật khi:

- bên cung cấp dữ liệu theo cách bảo mật và có lý do hợp lý;
- các bên yêu cầu vì bản chất thông tin là bí mật, việc tiết lộ thông tin có thể là một lợi thế cạnh tranh đáng kể đối với đối thủ hoặc ảnh hưởng xấu đến bên cung cấp thông tin ban đầu;
- trong các trường hợp khác, ví dụ như vi phạm luật bảo vệ dữ liệu và trong những trường hợp này, TRA sẽ thông báo cho bên cung cấp thông tin.

Trong mọi trường hợp, TRA sẽ yêu

cầu bên gửi bản tóm tắt không mật. Bản tóm tắt không mật phải cung cấp nội dung tóm tắt hợp lý về nội dung và mức độ liên quan của thông tin mật. TRA sẽ công bố bản không mật này thông qua Dịch vụ Phòng vệ Thương mại.

#### *Gửi thông tin bí mật và không bí mật*

Khi thực hiện các cuộc điều tra phòng vệ thương mại, TRA thu thập một loạt thông tin từ các tổ chức và xử lý thông tin này theo cách tôn trọng tính bảo mật của người gửi và cũng công bằng và minh bạch.

Các bên tham gia vào một vụ việc cần có cơ hội tiếp cận được bằng chứng đang được xem xét và bảo vệ lợi ích của chính họ. Do đó, nếu các bên gửi tài liệu mật cho TRA cần phải kèm theo bản tóm tắt không mật (không bao gồm dữ liệu nhạy cảm về mặt thương mại). TRA sẽ công bố bản không mật này trên trang thông tin công khai của họ để các bên khác xem.

Việc gửi tài liệu mật và bản tóm tắt không mật cần được thực hiện cùng một lúc và đúng thời hạn. Các bên có thể gửi trực tuyến tất cả các tài liệu và các bản không mật bằng Dịch vụ Phòng vệ Thương mại.

Nếu các bên không thể cung cấp thông tin cần thiết cần giải thích lý do. Nếu không cung cấp kèm bản không mật, TRA có thể không sử dụng được thông tin mà các bên cung cấp.

### *Các loại thông tin bí mật*

Thông tin bí mật có thể bao gồm bất kỳ thông tin nào có thể:

- sẽ mang lại lợi thế đáng kể cho đối thủ cạnh tranh;
- sẽ có tác động bất lợi đáng kể đến người cung cấp thông tin (hoặc nguồn cung cấp thông tin cho họ);
- nhà cung cấp thông tin đã dán nhãn bí mật;
- được bao phủ bởi các quy tắc bảo vệ dữ liệu.

Những ví dụ như:

- chi tiết về quy trình sản xuất;
- mức giá và chính sách;
- chi phí sản xuất;
- danh sách khách hàng;
- thông tin thu được từ một cá nhân khác không muốn danh tính của họ bị công khai.

Nếu cho rằng bên cung cấp đã xác định không chính xác điều gì đó là bí mật, TRA sẽ liên hệ với họ để thảo luận về điều này.

Cách tạo các bản tóm tắt không mật của tài liệu

Để tạo phiên bản không mật của tài liệu:

- xác định các phần có chứa thông tin được cho là bí mật;
- chỉnh sửa hoặc xóa các phần đó;
- tóm tắt nội dung bạn đã biên tập / xóa.

Ví dụ về chỉnh sửa văn bản mật: “Công ty của chúng tôi sử dụng hệ thống [mật] cho tất cả các kế toán tài chính”.

“Chúng tôi duy trì các tài khoản riêng cho chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác. [Tóm tắt không mật: Danh sách tài khoản và phương pháp cụ thể để ghi nhận chi phí]”.

Bất kỳ bản tóm tắt nào cũng phải chứa đủ chi tiết để hiểu hợp lý về thông tin bí mật. Nếu xóa quá nhiều thông tin trong phiên bản không bảo mật hoặc đã bao gồm thông tin bí mật, TRA có thể yêu cầu bên cung cấp sửa đổi.

Trong những trường hợp ngoại lệ, không thể tóm tắt thông tin bí mật, bên cung cấp thông tin cần nêu rõ chi tiết lý do.

*Cách cung cấp các phiên bản không bí mật của dữ liệu số*

Sau đây là 2 phương pháp có thể sử dụng:

**\* Lập chỉ mục**

Điều này cho phép bạn thiết lập một con số cơ sở cho một con số ban đầu và hiển thị các con số tăng hoặc giảm tương đối trong một khoảng thời gian.

Ví dụ về thông tin bí mật:

Năm 1	Năm 2	Năm 3
£ 20,00	£ 30,00	£ 40,00

Điều này có thể được trình bày trong bản tóm tắt không mật như sau:

Năm 1	Năm 2	Năm 3
100	150	200

**\* Phạm vi**

Các bên có thể sử dụng các giá trị có phạm vi. Điều này có nghĩa là cung cấp một phạm vi hai con số, một con số cao hơn và một con số thấp hơn con số bí mật. Phạm vi này phải đưa ra một bản tóm tắt hợp lý về dữ liệu được cung cấp, với mỗi con số thường nằm trong khoảng 15% của con số bí mật.

Ví dụ về một con số bí mật:

"Giá bán là £ 215 mỗi tấn."

Tóm tắt không mật:

"Giá bán là [phạm vi không bí mật: £ 200 - £ 240] mỗi tấn."

Đôi khi sẽ không thể sử dụng lập chỉ mục hoặc phạm vi. Trong trường hợp này,

bên cung cấp cần biên tập lại dữ liệu với giải thích kèm theo.

*Ví dụ về dữ liệu được biên tập lại có giải thích:*

“Các tài khoản quản lý có thể được chia nhỏ theo pháp nhân (ví dụ: Công ty X) và khu vực bán hàng. [Bản tóm tắt không bí mật: giải thích về việc phân bổ chi phí qua các bộ phận của Công ty X].”

Cách cung cấp các phiên bản biểu đồ không bảo mật

Để tạo biểu đồ không mật, các bên có thể chỉ cần xóa các số trên trục Y. Vui lòng tránh bất kỳ ngắt nào trong trục Y và gắn nhãn nó bằng 0 để vẫn có thể hiểu được quy mô thay đổi.

### **3.10. Tham vấn**

TRA có thể tiến hành tham vấn bất cứ lúc nào trong quá trình điều tra. Một bên liên quan có thể yêu cầu một buổi tham vấn hoặc TRA có thể tự mình tổ chức một buổi tham vấn.

### **3.11. Kết luận, kết thúc điều tra và thời hạn**

Khi đã đánh giá xem liệu các biện pháp có cần thiết hay không, trong một số trường hợp, TRA sẽ gửi một kết luận

sơ bộ theo hướng áp thuế trong đó bao gồm khuyến nghị với Bộ trưởng về việc có nên yêu cầu các nhà nhập khẩu đóng thuế phòng vệ thương mại tạm thời hay không.

Trước khi đưa ra kết luận chính thức, TRA sẽ công bố dự liệu trọng yếu và đưa ra lý do chi tiết về cách thức đi đến quyết định của mình. Các bên liên quan sẽ có cơ hội để đưa ra ý kiến và đệ trình về điều này.

Sau khi xem xét những ý kiến và đệ trình này, TRA sẽ công bố kết luận chính thức. Điều này sẽ đưa ra khuyến nghị cuối cùng về các biện pháp cho Bộ trưởng.

#### *Kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế*

Trong một cuộc điều tra bán phá giá hoặc trợ cấp, một kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế là khẳng định được đưa ra trước khi có kết luận chính thức và dựa trên bằng chứng trước đó mà TRA cho rằng:

- hàng hóa bán phá giá /được trợ cấp đã hoặc đang được nhập khẩu vào Vương quốc Anh và;
- những điều này đang gây ra hoặc đã gây ra thiệt hại cho ngành công nghiệp của Vương quốc Anh.

Khi đưa ra kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế, TRA bảo đảm rằng các bên liên quan đã được tạo cơ hội thích hợp để bình luận thông qua nền tảng trực tuyến của TRA. Trong các cuộc điều tra về trợ cấp, TRA cũng sẽ cho chính phủ nước ngoài cơ hội hợp lý để tham vấn trước.

### *Áp dụng biện pháp tạm thời*

Khi đưa ra kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế, TRA có thể khuyến nghị Bộ trưởng về việc áp dụng biện pháp tạm thời dưới hình thức áp thuế tạm thời trong trường hợp:

- cần thiết để ngăn chặn thiệt hại gây ra trong quá trình điều tra đối với một ngành công nghiệp của Vương quốc Anh về hàng hóa có liên quan;
- đáp ứng kiểm tra lợi ích kinh tế.

Nếu khuyến nghị bị bác bỏ, Bộ trưởng sẽ công bố thông báo về kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế của TRA, khuyến nghị và bác bỏ, sau đó thông báo cho các bên liên quan và đưa ra một tuyên bố tại Hạ viện, nêu lý do bác bỏ khuyến nghị.

Nếu khuyến nghị được chấp nhận, Bộ trưởng sẽ công bố thông báo về kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế của TRA và về

khuyến nghị, sau đó đưa ra thông báo yêu cầu tất cả các nhà nhập khẩu hàng hóa phải tuân thủ và cũng sẽ thông báo cho các bên liên quan.

Trong một số trường hợp, TRA có thể không đưa ra khuyến nghị với Bộ trưởng ngay cả khi đã đưa ra kết luận sơ bộ theo hướng áp thuế. Điều này là do kiểm tra lợi ích kinh tế đã không được đáp ứng. Trong những trường hợp này, chúng tôi sẽ thông báo cho Bộ trưởng và các bên liên quan về kết luận sơ bộ.

### *Công bố dữ liệu trọng yếu*

TRA sẽ thông báo cho các bên về các dữ liệu làm cơ sở cho kết luận có nên đề xuất các biện pháp chính thức hay không, thể hiện dưới hình thức Công bố dữ liệu trọng yếu mà TRA sẽ gửi cho các bên trước khi đưa ra kết luận chính thức. Đối với các cuộc điều tra về tự vệ, đây được gọi là Công bố dự thảo kết luận chính thức. TRA sẽ đưa ra dự thảo kết luận chính thức và bản tóm tắt các dữ kiện đã được xem xét trong quá trình điều tra, bao gồm cả những dữ kiện tạo cơ sở cho dự thảo kết luận chính thức.

Việc công bố dữ liệu trọng yếu cung cấp cho các bên liên quan cơ hội đưa ra ý kiến về dữ liệu và các tính toán của



TRA trước khi đưa ra kết luận chính thức.

### *Kết luận chính thức*

Khi đưa ra kết luận chính thức, TRA sẽ đệ trình khuyến nghị lên Bộ trưởng. Bộ trưởng chỉ có thể bác bỏ khuyến nghị nếu điều đó không mang lại lợi ích công cộng.

Nếu bác bỏ khuyến nghị, Bộ trưởng sẽ công bố thông báo về kết luận chính thức của TRA, khuyến nghị và từ chối, sau đó thông báo cho các bên liên quan và đưa ra một tuyên bố tại Hạ viện nêu lý do bác bỏ.

Nếu khuyến nghị được chấp nhận, Bộ trưởng sẽ công bố kết luận chính thức của TRA và về khuyến nghị, sau đó thông báo cho các bên liên quan.

TRA sẽ đính kèm bản tóm tắt điều tra và lý do dẫn đến kết luận trong các thông báo về kết luận điều tra và quyết định cuối cùng về áp dụng biện pháp chính thức của Bộ trưởng.

### *Chấm dứt điều tra mà không đề xuất các biện pháp*

TRA sẽ chấm dứt điều tra bán phá giá hoặc trợ cấp nếu:

- TRA đưa ra kết luận phủ định chính thức;

- không thể đề xuất mức thuế (ví dụ: nếu biện pháp được đề xuất không đáp ứng kiểm tra lợi ích kinh tế);

- Bộ trưởng bác bỏ khuyến nghị của TRA.

TRA sẽ chấm dứt điều tra nếu, tại bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình điều tra, họ nhận thấy rằng biên độ phá giá hoặc số tiền trợ cấp đối với tất cả các hàng hóa có liên quan (cộng dồn và cho mỗi quốc gia) là tối thiểu. Biên độ phá giá là tối thiểu nếu nó nhỏ hơn 2% giá xuất khẩu. Số tiền trợ cấp là tối thiểu khi nó dưới 1% giá trị đơn hàng (2% đối với các nước đang phát triển).

TRA cũng sẽ chấm dứt điều tra nếu khối lượng hàng hóa bán phá giá hoặc hàng nhập khẩu được trợ cấp không đáng kể. Điều này áp dụng khi hàng hóa nhập khẩu được bán phá giá hoặc được trợ cấp từ quốc gia bị điều tra chiếm dưới 3% tổng lượng hàng hóa nhập khẩu tương tự vào Vương quốc Anh. Tuy nhiên, điều này không áp dụng khi nhập khẩu từ các quốc gia xuất khẩu riêng lẻ chiếm dưới 3% tổng lượng nhập khẩu các mặt hàng tương tự vào Vương quốc Anh, nhưng chiếm hơn 7% (riêng lẻ

dưới 4% nhưng hơn 9% tính chung cho các mặt hàng được trợ cấp nhập khẩu từ các nước đang phát triển).

TRA sẽ chấm dứt một cuộc điều tra nếu thiệt hại không đáng kể.

TRA cũng có thể chấm dứt điều tra theo yêu cầu của ngành công nghiệp Vương quốc Anh đã yêu cầu áp dụng biện pháp.

Khi đó, TRA sẽ công bố thông báo quyết định chấm dứt điều tra, gửi cho Bộ trưởng và các bên liên quan.

### 3.12. Khiếu nại

Việc khiếu nại áp dụng cho các quyết định về phòng vệ thương mại do Bộ trưởng Bộ Thương mại Quốc tế và TRA đưa ra.

Nếu không đồng ý với quyết định của TRA, các bên có thể yêu cầu xem xét lại quyết định đó.

Các bên cũng có thể khiếu nại lên Tòa Hành chính cấp trên của Vương quốc Anh nếu:

- đã làm theo quy trình xem xét lại quyết định này;
- đã yêu cầu xem xét lại quyết định

và đơn yêu cầu đã bị từ chối;

- muốn khiếu nại quyết định phòng vệ thương mại do Bộ trưởng Bộ Thương mại Quốc tế đưa ra.

Những loại quyết định có thể khiếu nại

Danh sách đầy đủ các quyết định có thể được xem xét lại và khiếu nại được nêu tại Phụ lục 1 và 2 của Quy định về Phòng vệ Thương mại (Xem xét lại và Khiếu nại) (Rời khỏi EU) 2019.

Trong hầu hết các trường hợp, bất kỳ bên liên quan nào trong cuộc điều tra ban đầu đều có thể khiếu nại, bao gồm:

- một chính phủ nước ngoài;
- nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu ở nước ngoài;
- Nhà sản xuất Vương quốc Anh;
- một hiệp hội thương mại hoặc kinh doanh của những nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc nhập khẩu ở nước ngoài.

Đối với một số quyết định, chỉ có ai nộp đơn xin xem xét lại quyết định ban đầu mới có thể nộp đơn khiếu nại, bao gồm:

- quyết định từ chối đơn yêu cầu

điều tra phá giá, trợ cấp hoặc tự vệ;

- quyết định từ chối đơn yêu cầu rà soát lại một biện pháp bán phá giá hoặc trợ cấp;
- quyết định từ chối đơn yêu cầu gia hạn rà soát biện pháp tự vệ;
- quyết định từ chối đơn yêu cầu rà soát được nộp muộn hoặc không đáp ứng các tiêu chí theo quy định.

#### Khiếu nại

Để khiếu nại lên Tòa Hành chính cấp trên, cần phải hoàn thành một đơn khiếu nại theo mẫu, gửi đến Tòa Hành chính không muộn hơn một tháng sau:

- ngày thông báo về quyết định bị khiếu nại được công bố hoặc nếu muộn hơn là ngày thông báo có hiệu lực; hoặc là
- ngày nhận được thông báo về quyết định (trong trường hợp quyết định không cần phải công bố)

Tòa Hành chính không thể cung cấp lời khuyên pháp lý.

Khi đưa ra quyết định, Tòa Hành chính cấp trên phải áp dụng các nguyên tắc tương tự như các nguyên tắc được áp dụng bởi một tòa án đối với đơn xin tái thẩm.

Vào cuối quá trình khiếu nại, Tòa Hành chính có thể:

- bác bỏ khiếu nại;
- đình chỉ toàn bộ hoặc một phần quyết định liên quan đến khiếu nại.

Nếu đình chỉ toàn bộ hoặc một phần quyết định, Tòa Hành chính sẽ chuyển vấn đề trở lại người ra quyết định và yêu cầu họ đưa ra quyết định mới phù hợp với phán quyết của Tòa Hành chính.

#### **4. Hướng dẫn ứng phó biện pháp tự vệ song phương (tự vệ theo 02 Hiệp định)**

EU/Vương quốc Anh có thể áp dụng biện pháp tự vệ song phương đối với hàng hóa của Việt Nam khi chứng minh được rằng do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định, sự gia tăng đột biến của hàng hóa Việt Nam về giá trị tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước tại EU/Vương quốc Anh, dẫn tới gây ra thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước tại EU/Vương quốc Anh. Thời gian áp dụng chỉ diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp, nghĩa là giai đoạn 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (đối với EVFTA là từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết 31 tháng 7 năm 2030, đối với UKVFTA là

từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030).

Việc điều tra biện pháp tự vệ theo EVFTA/UKVFTA tương tự như điều tra áp dụng biện pháp tự vệ của EU/Vương quốc Anh theo các mục trên.

Một số quy định riêng dành cho biện pháp tự vệ EVFTA/UKVFTA:

- Cơ quan điều tra EU/Vương quốc Anh phải thông báo bằng văn bản cho Việt Nam về việc khởi xướng một cuộc điều tra tự vệ và tham vấn với Việt Nam sớm nhất có thể trước khi áp dụng một biện pháp tự vệ song phương nhằm rà soát các thông tin phát sinh từ cuộc điều tra cũng như trao đổi quan điểm về biện pháp tự vệ<sup>28</sup>.

- Cơ quan điều tra EU/Vương quốc Anh phải bảo đảm việc Ủy ban tự vệ hoàn tất cuộc điều tra trong vòng một năm kể từ ngày khởi xướng điều tra<sup>29</sup>.

- Hình thức áp dụng tự vệ song phương:

+ Đình chỉ mức cắt giảm hơn nữa thuế quan đối với hàng hóa liên quan

quy định tại Phụ lục 2-A về Xóa bỏ thuế quan; hoặc

+ Tăng thuế suất hải quan đối với hàng hóa nhưng không vượt quá mức nhỏ hơn của: (i) mức thuế suất áp dụng MFN với hàng hóa có hiệu lực tại thời điểm biện pháp tự vệ được áp dụng; hoặc (ii) mức thuế cơ sở được xác định trong Phụ lục 2-A căn cứ theo Điều 2.7 của Hiệp định<sup>30</sup>.

- Thời gian áp dụng biện pháp tự vệ song phương không vượt quá 2 năm.

- Nếu biện pháp tự vệ đã vượt quá thời hạn giai đoạn chuyển đổi, EU/Vương quốc Anh không được áp dụng biện pháp tự vệ, trừ khi được sự đồng thuận của Việt Nam.

- Vấn đề bồi thường:

+ EU/Vương quốc Anh phải tham vấn với Việt Nam nhằm thống nhất mức bồi thường tự do hóa thương mại thỏa đáng dưới hình thức các ưu đãi có tác động thương mại một cách đáng kể tới các biện pháp phòng vệ song phương hoặc tương ứng với trị giá các mức thuế dự đoán phát sinh từ biện pháp tự vệ. EU/

<sup>28</sup> Khoản 2, Điều 3.11, Hiệp định EVFTA

<sup>29</sup> Khoản 5, Điều 3.11, Hiệp định EVFTA

<sup>30</sup> Khoản 2, Điều 3.10, Hiệp định EVFTA

Vương quốc Anh dành cơ hội để tham vấn với Việt Nam không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày áp dụng biện pháp tự vệ song phương.

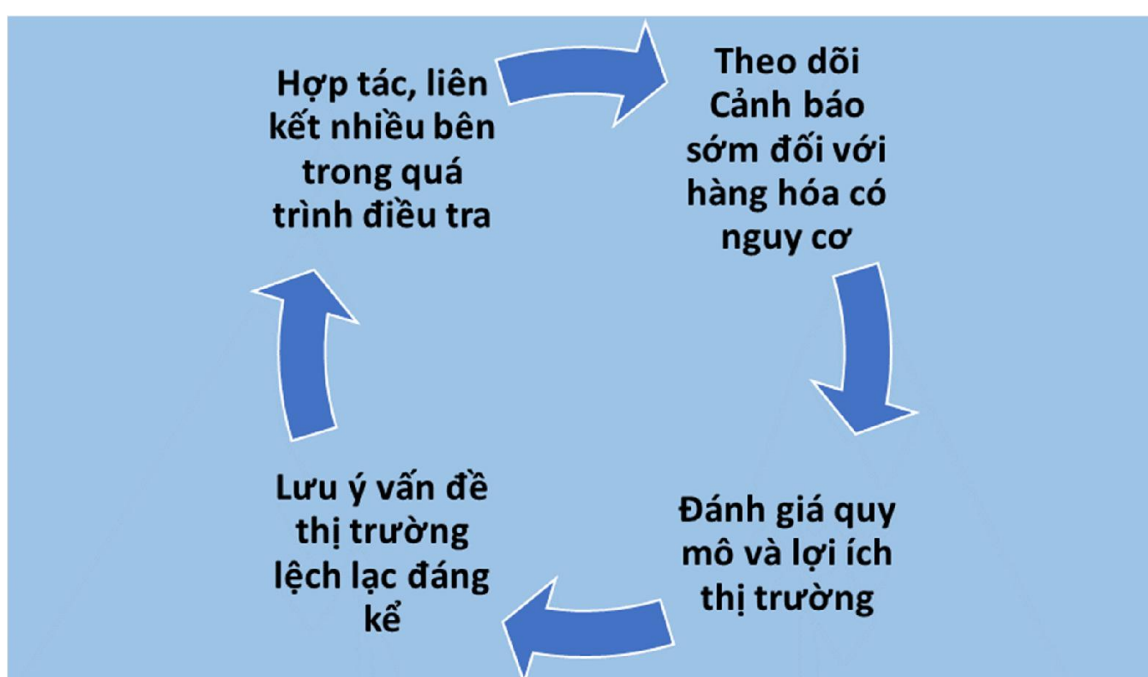
+ Nếu việc tham vấn về thỏa thuận bồi thường trong vòng 30 ngày khi bắt đầu tham vấn không đạt được thỏa thuận, Việt Nam có thể đình chỉ các ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ từ EU/Vương quốc Anh, có tác động tương đương một cách đáng kể với biện pháp tự vệ. Nghĩa vụ của EU/Vương quốc Anh khi áp dụng biện pháp tự vệ song phương và quyền của Việt Nam trong việc trì hoãn các ưu đãi phải được chấm dứt vào ngày kết thúc biện pháp tự vệ song phương đó.

+ Việt Nam không được áp dụng quyền đình chỉ trong vòng 24 tháng đầu tiên khi biện pháp tự vệ song phương đang có hiệu lực.

Tiêu chí	Tự vệ song phương (Tự vệ theo 02 Hiệp định)	Tự vệ toàn cầu
<b>Bản chất</b>	Ứng phó với hiện tượng lượng nhập khẩu tăng đột biến do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo 02 Hiệp định	Ứng phó với hiện tượng lượng nhập khẩu tăng đột biến
<b>Điều kiện áp dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng nhập khẩu gia tăng đột biến do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo 02 Hiệp định</li> <li>- Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại/đe dọa thiệt hại nghiêm trọng</li> <li>- Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu gia tăng đột biến và thiệt hại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng nhập khẩu gia tăng đột biến</li> <li>- Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại/đe dọa thiệt hại nghiêm trọng</li> <li>- Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu gia tăng đột biến và thiệt hại</li> </ul>
<b>Biện pháp áp dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đình chỉ mức cắt giảm hơn nữa thuế quan đối với hàng hóa liên quan</li> <li>+ Tăng thuế suất thuế nhập khẩu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp thuế tự vệ</li> <li>- Áp dụng hạn ngạch</li> <li>- Áp dụng hạn ngạch thuế quan</li> <li>- Các biện pháp khác</li> </ul>
<b>Thời gian điều tra</b>	01 năm	09 tháng và có thể được gia hạn tối đa 03 tháng
<b>Thời gian áp dụng</b>	Không vượt quá 02 năm và chỉ diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp	04 năm và được gia hạn (tối đa 10 năm đối với nước đang phát triển và 8 năm với nước phát triển)
<b>Nước bị áp dụng</b>	Thành viên của 02 Hiệp định	Toàn cầu

## 5. Một số lưu ý cho doanh nghiệp xuất khẩu

Việc hàng hóa xuất khẩu trở thành đối tượng bị điều tra PVTM từ thị trường nhập khẩu như EU/Vương quốc Anh là một khó khăn rất lớn với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam để ứng phó với các vụ việc điều tra nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ các biện pháp PVTM. Không những vậy, trong một số trường hợp, khi hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được hưởng thuế suất thấp hơn các đối tác khác, hàng hóa của Việt Nam lại nhận được những lợi ích cạnh tranh nhất định. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU/Vương quốc Anh cần lưu ý một số vấn đề sau:



### 5.1. Thường xuyên theo dõi và đánh giá các khuyến cáo cảnh báo sớm đối với hàng hóa có nguy cơ bị điều tra PVTM

Hiện nay, Bộ Công Thương đang xây dựng và triển khai hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ hàng hóa bị điều tra PVTM và nguy cơ hàng hóa bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM. Việc theo dõi các cảnh báo từ Bộ Công Thương và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh xuất khẩu phù hợp, giảm tác động tiêu cực khi bị áp dụng biện pháp. Doanh nghiệp có thể liên hệ Cục PVTM – Bộ Công Thương hoặc theo dõi trang thông tin điện tử chính thức của Cục PVTM để cập nhật các danh sách cảnh báo này.

## 5.2. Đánh giá quy mô và lợi ích thị trường để đưa ra phương án ứng phó phù hợp

Việc doanh nghiệp có hợp tác trong quá trình điều tra hay không sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả điều tra. Trong trường hợp doanh nghiệp không hợp tác, Cơ quan điều tra EU/Vương quốc Anh sẽ sử dụng dữ liệu sẵn có để đưa ra kết luận. Thông thường, mức thuế PVTM đối với các doanh nghiệp không hợp tác sẽ rất cao, đến mức doanh nghiệp buộc phải từ bỏ thị trường. Mặt khác, để ứng phó với một vụ việc điều tra PVTM, doanh nghiệp sẽ phải sắp xếp bố trí nguồn lực cần thiết. Để bảo đảm hiệu quả, doanh nghiệp thường phải thuê luật sư tư vấn có kinh nghiệm và trình độ về thương mại quốc tế, trong nhiều trường hợp sẽ cần đến hỗ trợ của luật sư nước ngoài do Việt Nam không có đủ nguồn lực luật sư tư vấn về lĩnh vực này. Bên cạnh đó, việc theo sát quá trình điều tra thường kéo dài 1 năm, cần nguồn nhân lực thường xuyên và phụ trách xuyên suốt. Do đó, doanh nghiệp cần cân nhắc đánh giá về các khả năng và so sánh lợi ích để quyết định tham gia hoặc không tham gia ứng phó với vụ việc điều tra của EU/Vương quốc Anh.

## 5.3. Lưu ý quy định của EU về thị trường lệch lạc đáng kể (distortion)

Luật chống bán phá giá của Liên minh Châu Âu ra đời năm 1968 và đã được sửa đổi và bổ sung nhiều lần. Luật chống bán phá giá áp dụng đối với tất cả các nước không phải là thành viên EU. Các nội dung pháp lý về thị trường lệch lạc đáng kể được EU quy định tại khoản 3 – điều 2.

Bên cạnh đó, để xử lý vấn đề kinh tế thị trường của Trung Quốc sau thời điểm năm 2018, tháng 12 năm 2017, EU đã thông qua luật sửa đổi bổ sung liên quan đến chống bán phá. Cụ thể, EU đưa vào phương pháp tính toán biên độ phá giá mới: tính toán biên độ phá giá trong trường hợp bán phá giá xảy ra đối với hàng nhập khẩu vào EU từ các nước có nền kinh tế bị lệch lạc đáng kể do sự can thiệp của nhà nước.

Ý nghĩa của phương pháp tính toán biên độ phá giá trong trường hợp thị trường bị lệch lạc đáng kể là như sau: Thông thường, phương pháp tiêu chuẩn để tính toán biên độ phá giá là so sánh giá xuất khẩu với giá hoặc chi phí nội địa tại nước xuất khẩu tuy nhiên, trong trường hợp một nền kinh tế có sự can

thiệt của nhà nước, giá hoặc chi phí nội địa bị lệch lạc (bị bóp méo, thay đổi), do đó EC sẽ không xét đến các giá hay chi phí nội địa bị lệch lạc này khi tính toán giá trị nội địa, thay vào đó, EC sử dụng các thông tin chuẩn khác phản ánh chi phí sản xuất và bán hàng không bị lệch lạc.

Phương pháp mới đánh giá là sẽ đẩy mạnh cả pháp luật chống trợ cấp của EU, trong các vụ việc trong tương lai, bất cứ khoản trợ cấp mới nào bị phát hiện trong quá trình điều tra cũng sẽ được bổ sung vào điều tra.

Theo quy định cũ, EU quy định cụ thể danh sách những nước bị coi là nền kinh tế phi thị trường, trong đó có Việt Nam và Trung Quốc. Đối với những nước thuộc danh sách này, khi điều tra tính toán biên độ bán phá giá EU có quyền dùng phương pháp tính toán phi thị trường (như sử dụng nước thay thế để xác định giá thông thường).

Theo thông tin các vụ EU đã điều tra có nội dung về thị trường lệch lạc đáng kể, hồ sơ các vụ việc này chưa ghi nhận việc EU gửi bản câu hỏi điều tra riêng về thị trường lệch lạc đáng kể cho doanh nghiệp hay chính phủ nước xuất khẩu

mà chỉ căn cứ vào bản trả lời câu hỏi chung về phá giá để đưa ra kết luận đối với nội dung thị trường lệch lạc đáng kể. Do vậy, doanh nghiệp cần lưu ý nghiên cứu và tham vấn với các cơ quan liên quan trong quá trình tham gia vụ việc điều tra PVTM của EU để tránh bị áp dụng quy định về thị trường lệch lạc đáng kể.

#### **5.4. Hợp tác, liên kết các bên trong quá trình ứng phó vụ việc điều tra PVTM**

+ Thường xuyên trao đổi với Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương, cơ quan đại diện cho Chính phủ chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề phòng vệ thương mại về khó khăn, cần sự tư vấn và cập nhật tình hình để có những cuộc trao đổi, tham vấn cần thiết với cơ quan điều tra của EU, giúp doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi chính đáng.

+ Phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp có cùng mặt hàng xuất khẩu để có chương trình, kế hoạch đối phó chung với các vụ kiện có thể xảy ra.

+ Trong trường hợp cần thiết, nên kết hợp với chuyên gia tư vấn và luật sư, những đơn vị có kinh nghiệm tham gia các vụ kiện tại EU và quốc tế, để được tư



vấn, hướng dẫn đầy đủ, chính xác với chiến lược hiệu quả.

+ Hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra của EU trong các vụ việc điều tra bằng việc trả lời câu hỏi, cung cấp thông tin cần thiết, tham gia các phiên điều trần được tổ chức bởi EC nhằm tránh trường hợp biện pháp được áp dụng dựa trên những dữ kiện bất lợi sẵn có.

+ Có thể tiếp cận các nguồn thông tin chính xác thông qua đối tác tại EU để nắm bắt thông tin nhanh chóng và kịp thời ứng phó với các vấn đề phát sinh trong vụ kiện./.

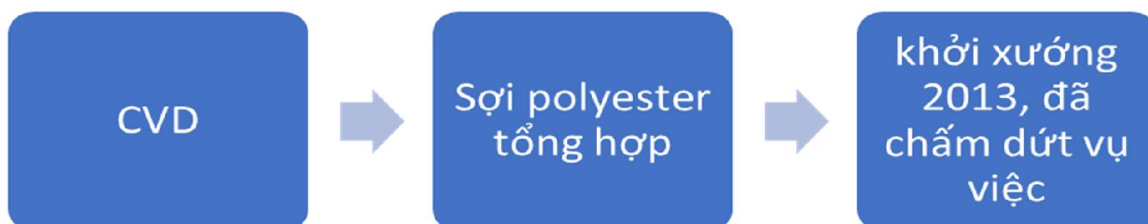
# CÁC PHỤ LỤC

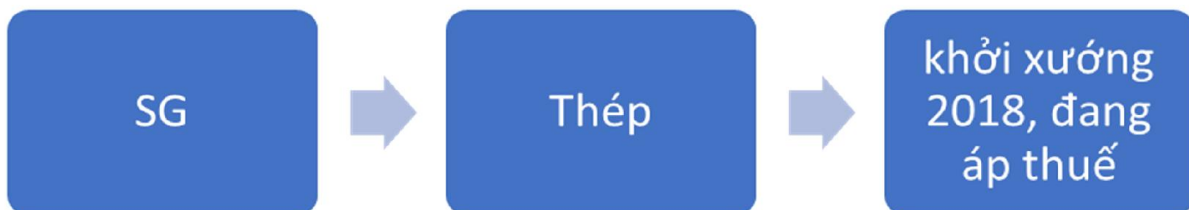
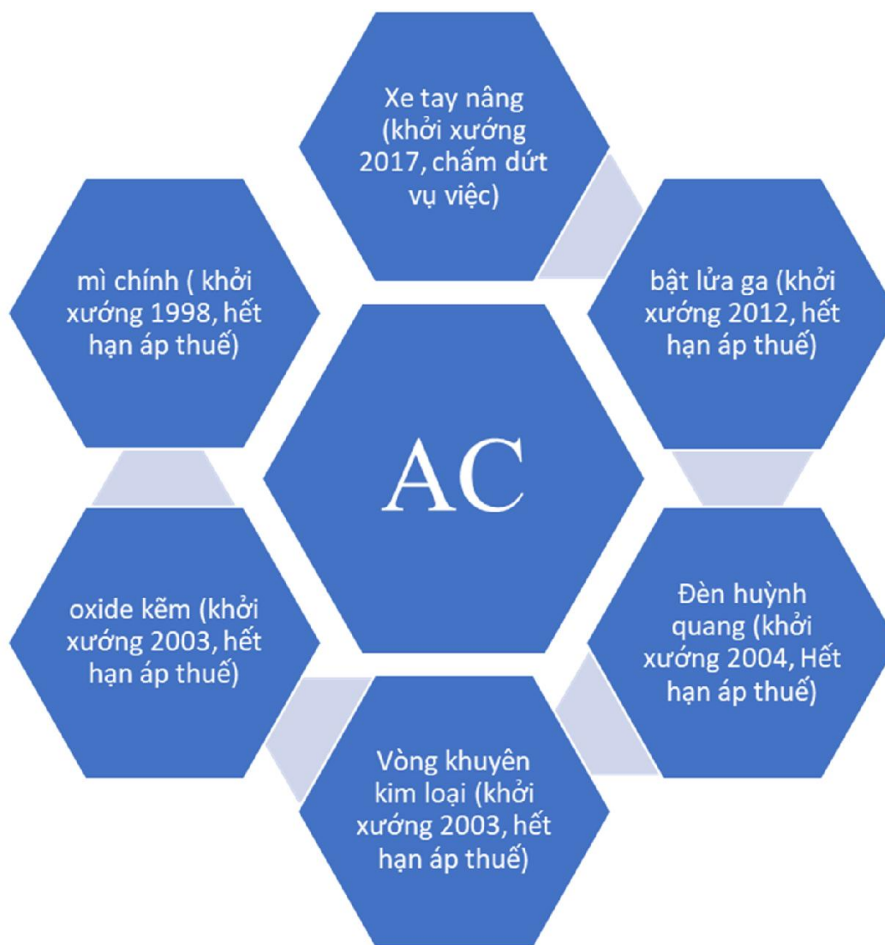
## PHỤ LỤC 1

### Danh sách hàng hóa của Việt Nam đang bị EU áp dụng biện pháp PVTM

(Tính đến ngày 31/12/2021)

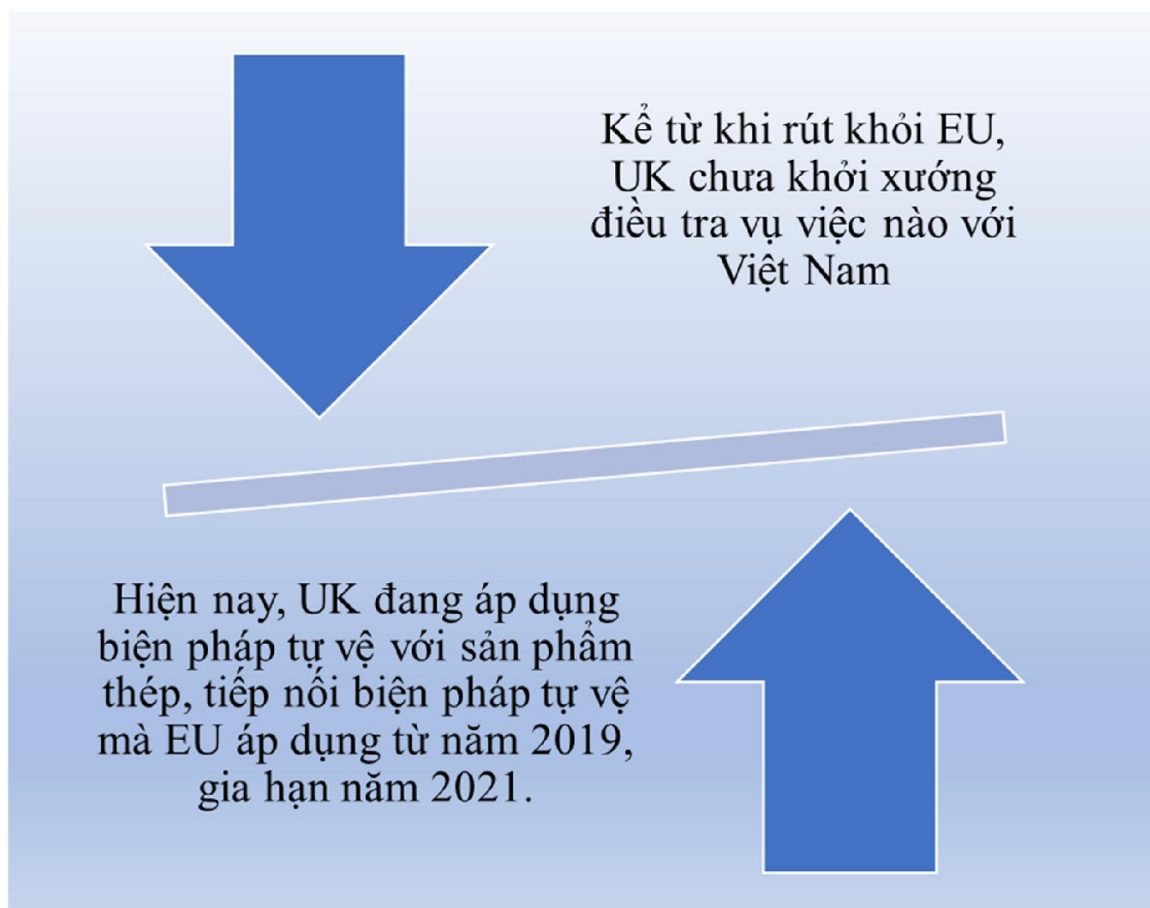






## PHỤ LỤC 2

### Danh sách hàng hóa của Việt Nam đang bị UK áp dụng biện pháp PVTM



*(Tính đến ngày 31/12/2021)*

## PHỤ LỤC 3

### NỘI DUNG PVTM TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA

## HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA)

### CHƯƠNG 3

#### PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

#### MỤC A

### THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ THUẾ ĐỐI KHÁNG

#### ĐIỀU 3.1

##### Các điều khoản chung

1. Các Bên khẳng định quyền và nghĩa vụ của mình phát sinh theo Điều VI Hiệp định GATT 1994, Hiệp định Chống bán phá giá, và Hiệp định SCM.

2. Các Bên, công nhận rằng các biện pháp chống bán phá giá và đối kháng có thể bị lạm dụng để cản trở thương mại, thỏa thuận rằng:

(a) các biện pháp phòng vệ thương mại nên được sử dụng tuân thủ hoàn toàn theo các yêu cầu tương ứng của WTO và nên dựa trên một hệ thống công bằng và minh bạch; và

(b) nên cân nhắc kỹ lưỡng lợi ích của Bên kia nếu một Bên đang cân nhắc áp dụng những biện pháp này.

3. Trong phạm vi Mục này, xuất xứ sẽ được xác định theo Điều 1 Hiệp định về Quy tắc xuất xứ.

#### ĐIỀU 3.2

##### Minh bạch hóa

1. Không ảnh hưởng đến Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá và Điều 12.4 Hiệp định Chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng, các Bên phải đảm bảo rằng, ngay sau khi bất kỳ biện pháp tạm thời nào được áp dụng và trong mọi trường hợp trước khi quyết định cuối cùng được ban hành, sẽ công bố một cách đầy đủ và có ý nghĩa toàn bộ các dữ liệu thực tế chủ yếu và các cân nhắc làm cơ sở để đưa ra quyết

định áp dụng các biện pháp. Việc công bố này phải được thực hiện bằng văn bản và cho phép các bên liên quan có đủ thời gian để bình luận.

2. Mỗi bên liên quan phải có cơ hội thể hiện quan điểm của mình trong quá trình điều tra phòng vệ thương mại với điều kiện là việc này không làm trì hoãn tiến trình điều tra một cách không cần thiết.

### ĐIỀU 3.3

#### Xem xét lợi ích công cộng

Một Bên không được áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hoặc đối kháng khi, dựa trên các thông tin có sẵn trong quá trình điều tra, có thể kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng các biện pháp đó sẽ không phù hợp với lợi ích công cộng. Để xác định lợi ích công cộng, Bên đó phải xem xét hoàn cảnh của ngành sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu và các hiệp hội đại diện, người sử dụng đại diện và các tổ chức đại diện cho người tiêu dùng, dựa trên các thông tin có liên quan đã cung cấp cho cơ quan điều tra.

### ĐIỀU 3.4

#### Quy tắc thuế suất thấp hơn

Thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng áp dụng bởi một Bên không được vượt quá biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp đối kháng, và Bên đó sẽ nỗ lực đảm bảo rằng mức thuế này thấp hơn biên độ đó nếu mức thuế thấp hơn này là đủ để loại bỏ thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

### ĐIỀU 3.5

#### Loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp

Các điều khoản của Mục này không thuộc đối tượng của Chương 15 (Giải quyết tranh chấp).

## MỤC B

### CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ TOÀN CẦU

### ĐIỀU 3.6

#### Các Điều khoản chung

1. Các Bên khẳng định các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994, Hiệp định về Tự vệ và Điều 5 Hiệp định về Nông nghiệp.

2. Không Bên nào được áp dụng đối với cùng một loại hàng hóa trong cùng một thời điểm:

(a) một biện pháp tự vệ song phương theo Mục C (Điều khoản tự vệ song phương) của Hiệp định này; và

(b) một biện pháp theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ.

3. Trong phạm vi Mục này, xuất xứ phải được xác định theo Điều 1 Hiệp định về Quy tắc xuất xứ.

### ĐIỀU 3.7

#### Minh bạch hóa

1. Mặc dù đã có Điều 3.6 (Các điều khoản chung), theo yêu cầu của Bên kia và nếu như Bên đó có lợi ích đáng kể, khi khởi xướng một vụ điều tra tự vệ toàn cầu, Bên khởi xướng điều tra vụ việc tự vệ đó hoặc có ý định tiến hành các biện pháp tự vệ phải ngay lập tức thông báo tạm thời bằng văn bản về tất cả các thông tin phù hợp dẫn đến việc khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu và, tùy từng trường hợp, dẫn đến việc đề xuất áp dụng các biện pháp tự vệ toàn cầu, bao gồm các kết luận tạm thời, tùy từng trường hợp. Việc này không ảnh hưởng đến Điều 3.2 Hiệp định Tự vệ.

2. Khi áp dụng các biện pháp tự vệ toàn cầu, các Bên phải nỗ lực áp dụng theo cách thức gây ảnh hưởng ít nhất tới thương mại song phương.

3. Trong phạm vi khoản 2, nếu một Bên xem xét rằng các yêu cầu pháp lý để áp dụng các biện pháp tự vệ cuối cùng đã được đáp ứng, Bên dự định áp dụng các biện pháp đó phải thông báo cho Bên kia và cho phép khả năng tổ chức tham vấn song phương. Nếu không đạt được giải pháp thỏa đáng trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo, Bên nhập khẩu có thể thực hiện các biện pháp tự vệ chính thức. Khả năng tiến hành tham vấn cũng cần phải được đề xuất cho Bên kia nhằm trao đổi quan điểm về các thông tin được dẫn chiếu tại khoản 1.

### ĐIỀU 3.8

#### Loại trừ cơ chế giải quyết tranh chấp

Các điều khoản của Mục này liên quan đến quyền và nghĩa vụ WTO không



thuộc đối tượng của Chương 15 (Giải quyết tranh chấp).

## MỤC C

### ĐIỀU KHOẢN TỰ VỆ SONG PHƯƠNG

#### ĐIỀU 3.9

##### Định nghĩa

Trong phạm vi Mục này:

(a) “ngành sản xuất trong nước” sẽ được hiểu phù hợp với điểm 1(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ, theo đó, điểm 1(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp;

(b) “thiệt hại nghiêm trọng” và “đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng” sẽ được hiểu phù hợp với điểm 1(a) và 1(b) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ; theo đó, điểm 1(a) và 1(b) Điều 4 được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp; và

(c) “giai đoạn chuyển tiếp” nghĩa là giai đoạn 10 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.

#### ĐIỀU 3.10

##### Áp dụng một biện pháp tự vệ song phương

1. Nếu, do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, bất kỳ một loại hàng hóa nào có xuất xứ từ lãnh thổ của một Bên được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên kia với lượng gia tăng xét về giá trị tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước, và trong tình trạng gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, Bên nhập khẩu có thể áp dụng các biện pháp được quy định tại khoản 2 phù hợp với các điều kiện và thủ tục nêu ra tại Mục này chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp, ngoại trừ được quy định khác theo điểm 6(c) Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế).

2. Bên nhập khẩu có thể áp dụng biện pháp tự vệ song phương bằng cách:

(a) đình chỉ mức cắt giảm hơn nữa thuế quan đối với hàng hóa liên quan theo quy định tại Phụ lục 2-A (Xóa bỏ thuế quan); hoặc

(b) tăng thuế suất hải quan đối với hàng hóa tới mức không vượt quá mức nhỏ

hơn của:

(i) mức thuế suất áp dụng MFN với hàng hóa có hiệu lực tại thời điểm biện pháp tự vệ được áp dụng; hoặc

(ii) mức thuế cơ sở được xác định trong các biểu thuế bao gồm trong Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan) căn cứ theo Điều 2.7 (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan).

## ĐIỀU 3.11

### Các điều kiện và hạn chế

1. Một Bên chỉ được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra tuân thủ theo các Điều 3 và điểm 2(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ. Theo đó, Điều 3 và điểm 2(c) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.

2. Một Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia việc khởi xướng một vụ việc điều tra được mô tả trong khoản 2 và tham vấn với Bên kia sớm nhất có thể trước khi áp dụng một biện pháp tự vệ song phương nhằm rà soát các thông tin phát sinh từ vụ điều tra và trao đổi quan điểm về biện pháp tự vệ.

3. Trong cuộc điều tra được mô tả tại khoản 2, Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu của điểm 2(a) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ. Theo đó, điểm 2(a) Điều 4 của Hiệp định Tự vệ được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.

4. Cuộc điều tra cũng phải chứng minh, dựa trên bằng chứng khách quan, sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng từ đó. Cuộc điều tra cũng phải xem xét đến sự tồn tại của tất cả các yếu tố khác ngoài sự gia tăng nhập khẩu mà cũng có thể gây ra thiệt hại tại thời điểm đó.

5. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền hoàn tất cuộc điều tra theo khoản 1 trong vòng một năm kể từ khi khởi xướng điều tra.

6. Một Bên không được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương:

(a) ngoại trừ với mức độ, và trong khoảng thời gian cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và để tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh;

(b) trong khoảng thời gian vượt quá hai năm, trừ trường hợp giai đoạn này có

thể được kéo dài tối đa hai năm nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu xác định, phù hợp với thủ tục được nêu tại Điều này, rằng biện pháp tự vệ tiếp tục là cần thiết nhằm ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và nhằm tạo thuận lợi trong việc điều chỉnh và có bằng chứng rằng ngành sản xuất đang điều chỉnh, với điều kiện tổng thời gian áp dụng một biện pháp tự vệ, bao gồm giai đoạn áp dụng ban đầu và bất kỳ khoảng thời gian gia hạn nào, không được vượt quá 4 năm; hoặc

(c) vượt quá thời hạn của giai đoạn chuyển đổi, trừ trường hợp có được sự đồng thuận của Bên kia.

7. Để tạo thuận lợi cho sự điều chỉnh trong trường hợp thời gian dự kiến của một biện pháp tự vệ song phương vượt quá hai năm, Bên áp dụng biện pháp tự vệ phải tiến hành tự do hóa dần dần biện pháp tự vệ đó qua từng giai đoạn đều đặn trong thời gian áp dụng.

8. Khi một Bên chấm dứt một biện pháp tự vệ song phương, mức thuế suất sẽ là mức thuế đáng lẽ có hiệu lực nếu không có biện pháp tự vệ, theo Biểu cam kết của Bên đó trong Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan).

## ĐIỀU 3.12

### Các biện pháp tạm thời

Trong những hoàn cảnh đặc biệt khi sự trì hoãn có thể gây ra tác hại khó có thể khắc phục được, một Bên có thể áp dụng một biện pháp tự vệ song phương trên cơ sở tạm thời căn cứ theo một quyết định sơ bộ rằng có bằng chứng rõ ràng rằng việc nhập khẩu một hàng hóa có xuất xứ từ Bên kia đã tăng do kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, và việc nhập khẩu đó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng tới ngành sản xuất trong nước. Khoảng thời gian áp dụng bất kỳ biện pháp tự vệ tạm thời nào không được vượt quá 200 ngày, trong thời gian này Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu tại các khoản 1 và 3 của Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế). Bên đó phải nhanh chóng hoàn trả lại bất kỳ mức tăng thuế nếu việc điều tra được mô tả tại khoản 1 của Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế) không dẫn đến việc kết luận rằng các yêu cầu tại khoản 1 Điều 3.10 (Áp dụng một biện pháp tự vệ song phương) được đáp ứng. Thời hạn của biện pháp tự vệ tạm thời bất kỳ phải được tính là một phần của khoảng thời gian được quy định tại điểm 6(b) Điều 3.11 (Các điều kiện và hạn chế).

## ĐIỀU 3.13

### Bồi thường

1. Một Bên áp dụng một biện pháp tự vệ song phương phải tham vấn với Bên kia nhằm thống nhất mức bồi thường tự do hóa thương mại thỏa đáng dưới hình thức các ưu đãi có tác động thương mại tương ứng một cách đáng kể tới các biện pháp phòng vệ song phương hoặc tương ứng với trị giá các mức thuế bổ sung được dự đoán phát sinh từ biện pháp tự vệ. Bên đó phải dành cơ hội để tham vấn không muộn hơn 30 ngày sau khi áp dụng biện pháp tự vệ song phương.

2. Nếu việc tham vấn theo khoản 1 không đạt được thỏa thuận về bồi thường tự do hóa thương mại trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu tham vấn, Bên có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ song phương có thể đình chỉ các ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ từ Bên áp dụng biện pháp tự vệ có tác động thương mại tương đương một cách đáng kể với biện pháp tự vệ. Nghĩa vụ của Bên áp dụng biện pháp tự vệ song phương trong việc đưa ra khoản bồi thường và quyền của Bên kia trong việc trì hoãn các ưu đãi theo khoản này phải được chấm dứt vào ngày kết thúc biện pháp tự vệ song phương đó.

3. Quyền đình chỉ được dẫn chiếu tại khoản 2 không được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên khi một biện pháp tự vệ song phương đang có hiệu lực, với điều kiện biện pháp tự vệ đó phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này.

## ĐIỀU 3.14

### Sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh

Nhằm đảm bảo hiệu quả tối đa cho việc áp dụng các quy tắc phòng vệ thương mại theo Chương này, các cơ quan điều tra của các Bên phải sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh làm cơ sở giao tiếp và các văn bản được trao đổi về các vụ điều tra phòng vệ thương mại giữa các Bên.

## PHỤ LỤC 4

### NỘI DUNG PVTM TRONG HIỆP ĐỊNH UKVFA

#### HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN (UKVFTA)

Hiệp định UKVFTA không có quy định cụ thể về các nội dung PVTM mà chỉ có quy định tích hợp tại Điều 2 của Hiệp định như sau:

##### *ĐIỀU 2. Việc tích hợp Hiệp định EVFTA*

*1. Các điều khoản của Hiệp định EVFTA có hiệu lực ngay trước khi ngừng áp dụng đối với Vương quốc Anh được tích hợp và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp (mutatis mutandis), theo các quy định của văn kiện này, bao gồm cả Phụ lục và Nghị định thư.*

*2. Các Điều 1.3, 17.1.5, 17.16, 17.18.2, 17.22.2, 17.23, 17.24.1(a) và 17.25 của Hiệp định EVFTA không được tích hợp vào Hiệp định này.*

Như vậy, các nội dung PVTM tại Chương 3. Phòng vệ thương mại của Hiệp định EVFTA được tích hợp là một phần của Hiệp định UKVFTA quy định về nội dung PVTM.

## PHỤ LỤC 5

### THÔNG TƯ 30/2020/TT-BCT HƯỚNG DẪN EVFTA

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

-----

Số: 30/2020/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

## THÔNG TƯ

### **Hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại**

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,*

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn về việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương, biện

pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

2. Các quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ:

- Lãnh thổ thành viên Liên minh châu Âu;
- Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và
- Công quốc An-đô-ra; Cộng hòa San Ma-ri-nô.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.

2. Các thương nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiệp định là Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

2. Biện pháp tự vệ song phương là biện pháp được quy định tại Điều 3.10 Chương 3 Hiệp định và Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương.

3. Giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030.

4. Ngành sản xuất trong nước trong điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước. Việc xác định tỷ lệ chủ yếu của đại diện ngành sản xuất trong nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

5. Cơ quan điều tra là Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương.

## Chương II

### BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ VÀ CHỐNG TRỢ CẤP

#### Điều 4. Xem xét lợi ích kinh tế - xã hội

1. Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp nếu dựa trên các thông tin sẵn có trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng biện pháp không phù hợp với lợi ích kinh tế - xã hội.

2. Khi đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội, dựa trên các thông tin có liên quan được cung cấp, Cơ quan điều tra sẽ xem xét tình hình của ngành sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu, các hiệp hội có liên quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, tiêu dùng hàng hóa bị điều tra.

#### Điều 5. Quy tắc thuế suất thấp hơn

1. Thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp không được cao hơn biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp.

2. Căn cứ vào kết luận của Cơ quan điều tra, Bộ Công Thương sẽ xem xét áp dụng mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp thấp hơn biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp nếu mức thuế thấp hơn này đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

## Chương III

### BIỆN PHÁP TỰ VỆ SONG PHƯƠNG

#### Điều 6. Nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ song phương

1. Tại cùng một thời điểm, không áp dụng đồng thời biện pháp tự vệ song phương và biện pháp tự vệ theo quy định tại Điều XIX Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan 1994 đối với cùng một hàng hóa nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định.

2. Biện pháp tự vệ song phương không được áp dụng ngoài giai đoạn chuyển tiếp, trừ trường hợp có sự thống nhất với Liên minh châu Âu.

3. Việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương được thực hiện phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 10/2018/NĐ-CP và các quy định tại Chương này.



## **Điều 7. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các nội dung cụ thể sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tổ chức, cá nhân đại diện ngành sản xuất trong nước;

b) Thông tin, số liệu, chứng cứ để xác định đại diện ngành sản xuất trong nước, bao gồm danh sách các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp; khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp mà các tổ chức, cá nhân nêu trên sản xuất;

c) Tên, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự ủng hộ hoặc phản đối vụ việc;

d) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam; mã hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định;

đ) Thông tin mô tả về hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam;

e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực;

g) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm đ khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 06 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập là toàn bộ thời gian hoạt động của ngành

sản xuất trong nước tính đến thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu;

h) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản d điểm này và thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước;

k) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện pháp tự vệ, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

## **Điều 8. Thông báo**

Cơ quan điều tra sẽ thông báo bằng văn bản cho Liên minh châu Âu về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương và tham vấn với Liên minh châu Âu theo quy định trong Hiệp định.

## **Điều 9. Điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Thời hạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương là 01 năm kể từ ngày Quyết định điều tra được ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối của hàng hoá nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định so với khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự và hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước.

3. Biện pháp tự vệ song phương được áp dụng gồm:

a) Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định của Hiệp định; hoặc

b) Tăng thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất thuế nhập khẩu cơ sở quy định tại các biểu thuế tại Phụ lục 2-A (Xoá bỏ thuế hải quan) theo Điều 2.7 (Giảm hoặc xoá bỏ thuế hải quan với hàng nhập khẩu) của Hiệp định, tùy mức thuế suất thuế nhập khẩu nào thấp hơn.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương không được vượt quá 02 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ song phương để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể được kéo dài thêm tối đa 02 năm.

5. Trong trường hợp thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương dài hơn 02 năm, biện pháp tự vệ song phương phải được nói lỏng dần trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.

6. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo quy định của Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ song phương đó.

#### **Điều 10. Bên liên quan trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Bên liên quan trong vụ việc điều tra biện pháp tự vệ song phương gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

c) Hiệp hội có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

d) Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của Liên minh châu Âu xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

đ) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương;

e) Tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

g) Hiệp hội trong nước của Việt Nam có đa số thành viên là các tổ chức, cá

nhân sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

h) Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến điều tra hoặc có thể giúp ích cho quá trình điều tra hoặc tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký và được Cơ quan điều tra chấp thuận để trở thành bên liên quan trong vụ việc điều tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý ngoại thương.

3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2021.

2. Các quy định tại Thông tư này chỉ được áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len kể từ khi Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 (có thể gia hạn đến 24 tháng theo thỏa thuận về việc Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len rời khỏi Liên minh châu Âu)/.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng bí thư, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương: các Thứ trưởng, các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PVTM (05).

**BỘ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Trần Tuấn Anh**

## PHỤ LỤC 6

### THÔNG TƯ 14/2021/TT-BCT HƯỚNG DẪN UKVFTA

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

-----

Số: 30/2020/TT-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

## THÔNG TƯ

### **Hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len về phòng vệ thương mại**

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;*

*Thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len về phòng vệ thương mại.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn về việc điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp và biện pháp tự vệ song phương để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương

quốc Anh và Bắc Ai-len.

2. Các quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

2. Các thương nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiệp định UKVFTA là Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

2. Hiệp định EVFTA là Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu.

3. Biện pháp tự vệ song phương là biện pháp tự vệ đặc biệt được quy định tại Điều 99 Luật Quản lý ngoại thương và Điều 3.10 Chương 3 Hiệp định EVFTA đã được đưa vào thành quy định tại Hiệp định UKVFTA, áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định UKVFTA nhập khẩu vào Việt Nam, theo các điều kiện và thủ tục điều tra quy định tại Thông tư này.

4. Giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

5. Ngành sản xuất trong nước trong điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong

tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước. Việc xác định tỷ lệ chủ yếu của đại diện ngành sản xuất trong nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

6. Cơ quan điều tra là Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương.

## **Chương II**

### **BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ CHỐNG TRỢ CẤP**

#### **Điều 4. Xem xét lợi ích kinh tế - xã hội**

1. Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp nếu dựa trên các thông tin sẵn có trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng biện pháp không phù hợp với lợi ích kinh tế - xã hội.

2. Khi đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội, dựa trên các thông tin có liên quan được cung cấp, Cơ quan điều tra sẽ xem xét tình hình của ngành sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu, các hiệp hội có liên quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, tiêu dùng hàng hóa bị điều tra.

#### **Điều 5. Quy tắc thuế suất thấp hơn**

1. Thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp không được cao hơn biên độ bán phá giá hoặc mức trợ cấp.

2. Căn cứ vào kết luận của Cơ quan điều tra, Bộ Công Thương sẽ xem xét áp dụng mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp thấp hơn biên độ bán phá giá hoặc mức trợ cấp nếu mức thuế thấp hơn này đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

## **Chương III**

### **BIỆN PHÁP TỰ VỆ SONG PHƯƠNG**

#### **Điều 6. Nguyên tắc áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Tại cùng một thời điểm, không áp dụng đồng thời biện pháp tự vệ song phương và biện pháp tự vệ theo quy định tại Điều XIX Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan 1994 đối với cùng một hàng hóa nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định UKVFTA.

2. Biện pháp tự vệ song phương không được áp dụng ngoài giai đoạn chuyển tiếp, trừ trường hợp có sự thống nhất với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

3. Việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len phải phù hợp với các quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại.

### **Điều 7. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương (trong Chương này gọi là Hồ sơ yêu cầu) gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương và các giấy tờ, tài liệu có liên quan theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP phải đáp ứng các nội dung cụ thể sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tổ chức, cá nhân đại diện ngành sản xuất trong nước;

b) Thông tin, số liệu, chứng cứ để xác định đại diện ngành sản xuất trong nước, bao gồm danh sách các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp; khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp mà các tổ chức, cá nhân nêu trên sản xuất;

c) Tên, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp ủng hộ hoặc phản đối vụ việc;

d) Thông tin mô tả về hàng hóa nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định UKVFTA bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam; mã hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định UKVFTA;

đ) Thông tin mô tả về hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế và Việt Nam;

e) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm d khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 06 tháng sau khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực;

g) Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá hàng hóa tương tự hoặc hàng



hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước quy định tại điểm đ khoản này trong thời kỳ 03 năm trước khi nộp Hồ sơ yêu cầu và đã bao gồm ít nhất 06 tháng sau khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực. Trong trường hợp ngành sản xuất trong nước hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập là toàn bộ thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước tính đến thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu;

h) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước;

i) Thông tin, số liệu, chứng cứ về mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản d điểm này và thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước;

k) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện pháp tự vệ, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

## **Điều 8. Thông báo**

Cơ quan điều tra sẽ thông báo bằng văn bản cho Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương và tham vấn với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len theo quy định trong Hiệp định UKVFTA.

## **Điều 9. Điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Thời hạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương là 01 năm kể từ ngày Quyết định điều tra được ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:

a) Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối của hàng hoá nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định UKVFTA so với khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự và hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;

b) Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa thiệt hại nghiêm trọng;

c) Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước.

3. Biện pháp tự vệ song phương được áp dụng gồm:

a) Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định của Hiệp định UKVFTA; hoặc

b) Tăng thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất thuế nhập khẩu cơ sở quy định tại các biểu thuế tại Phụ lục 2-A (Xoá bỏ thuế hải quan) theo Điều 2.7 (Giảm hoặc xoá bỏ thuế hải quan với hàng nhập khẩu) của Hiệp định EVFTA (đã được đưa vào Phần 2 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn Hiệp định EVFTA trong Hiệp định UKVFTA), tùy mức thuế suất thuế nhập khẩu nào thấp hơn.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương không được vượt quá 02 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ song phương để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể được kéo dài thêm tối đa 02 năm.

5. Trong trường hợp thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương dài hơn 02 năm, biện pháp tự vệ song phương phải được giảm dần mức độ trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.

6. Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo quy định của Hiệp định UKVFTA có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ song phương đó.

## **Điều 10. Bên liên quan trong vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương**

1. Bên liên quan trong vụ việc điều tra biện pháp tự vệ song phương gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào lãnh thổ Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

c) Hiệp hội có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

d) Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len xuất khẩu hàng hóa bị điều tra;

đ) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ song phương;

e) Tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

g) Hiệp hội trong nước của Việt Nam có đa số thành viên là các tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

h) Tổ chức, cá nhân khác có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến điều tra hoặc có thể giúp ích cho quá trình điều tra hoặc tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký và được Cơ quan điều tra chấp thuận để trở thành bên liên quan trong vụ việc điều tra phù hợp với quy định của Luật Quản lý ngoại thương.

3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Lãnh đạo Bộ; đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PVTM (10).

**BỘ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Hồng Diên**